

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HOÁ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CƠ SỞ: KHÁCH SẠN PHƯỢNG HOÀNG 3 -
CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HOÁ

CHỦ CƠ SỞ



**GIÁM ĐỐC
NGUYỄN XUÂN HIỂN**

Thanh Hóa, năm 2026

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| MỤC LỤC..... | 1 |
| KÝ HIỆU VIẾT TẮT | 3 |
| CHƯƠNG 1 | 4 |
| THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ..... | 4 |
| 1.1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần In và Vật tư Ba Đình Thanh Hoá..... | 4 |
| 1.2. Tên cơ sở: Khách sạn Phương Hoàng 3 - Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hoá..... | 4 |
| 1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở..... | 5 |
| 1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở | 5 |
| 1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở..... | 5 |
| 1.3.3. Sản phẩm hoạt động của cơ sở..... | 6 |
| 1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở..... | 6 |
| 1.4.1. Nhu cầu sử dụng lao động và sức chứa khách của cơ sở..... | 6 |
| 1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện..... | 6 |
| 1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở | 7 |
| 1.4.4. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng | 9 |
| 1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở | 9 |
| 1.5.1. Vị trí địa lí..... | 9 |
| 1.5.2. Hiện trạng các hạng mục công trình của cơ sở..... | 10 |
| 1.5.3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ hoạt động | 10 |
| 1.5.4. Các công tác bảo vệ môi trường hiện tại của cơ sở | 12 |
| CHƯƠNG II..... | 14 |
| SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG..... | 14 |
| 2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường..... | 14 |
| 2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với khả năng chịu tải của môi trường | 14 |
| CHƯƠNG III | 15 |
| KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ..... | 15 |
| 3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải..... | 15 |
| 3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa | 15 |
| 3.1.2. Thu gom, thoát nước thải | 16 |
| 3.1.3. Xử lý nước thải | 19 |
| 3.2. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý bụi, khí thải | 28 |
| 3.3. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường | 32 |
| 3.4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại..... | 34 |
| 3.5. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động do tiếng ồn, độ rung..... | 35 |
| 3.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với các rủi ro, sự cố môi trường..... | 35 |
| 3.6.1. Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ, sét đánh | 35 |
| 3.6.2. Biện pháp giảm thiểu rủi ro, sự cố tai nạn lao động | 37 |

| | |
|---|----|
| 3.6.3. Biện pháp giảm thiểu rủi ro, sự cố do hư hỏng hệ thống xử lý chất thải | 37 |
| 3.6.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố do giật điện | 39 |
| 3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường | 40 |
| CHƯƠNG IV | 42 |
| NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG | 42 |
| 4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải | 42 |
| 4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải | 43 |
| 4.3. Nội dung quản lý đối với tiếng ồn, độ rung | 44 |
| 4.4. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải | 45 |
| CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ | 47 |
| 5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải | 47 |
| 5.3. Kết quả hoạt động của của công trình xử lý bụi, khí thải | 48 |
| 5.4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở | 48 |
| CHƯƠNG VI | 50 |
| KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ | 50 |
| 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở | 50 |
| 6.1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý khí thải | 50 |
| 6.1.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm đối với khí công trình xử lý nước thải | 50 |
| 6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật | 51 |
| CHƯƠNG VII | 52 |
| CAM KẾT CỦA CƠ SỞ | 52 |

KÝ HIỆU VIẾT TẮT

| | |
|--------------------------------------|---|
| BTCT | Bê tông cốt thép |
| BOD ₅ (20 ⁰ C) | Nhu cầu oxy sinh hóa đo sau 5 ngày ở nhiệt độ 20 ⁰ C |
| BVMT | Bảo vệ môi trường |
| BHLĐ | Bảo hộ lao động |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| COD | Nhu cầu oxy hóa học |
| CTR | Chất thải rắn |
| CTNH | Chất thải nguy hại |
| CP | Cổ phần |
| ĐTM | Đánh giá tác động môi trường |
| HTXLNT | Hệ thống xử lý nước thải |
| MPN | Số lớn nhất có thể đếm được (phương pháp xác định vi sinh) |
| NXB | Nhà xuất bản |
| PCCC | Phòng cháy chữa cháy |
| QCCP | Quy chuẩn cho phép |
| QCVN | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia |
| TCXDVN | Tiêu chuẩn xây dựng quốc gia |
| TCVN | Tiêu chuẩn quốc gia |
| TNHH | Trách nhiệm hữu hạn |
| SCR | Song chắn rác |
| TNMT | Tài nguyên và Môi trường |
| TSS | Tổng chất rắn lơ lửng |
| UBND | Ủy ban nhân dân |
| WHO | Tổ chức Y tế thế giới |

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

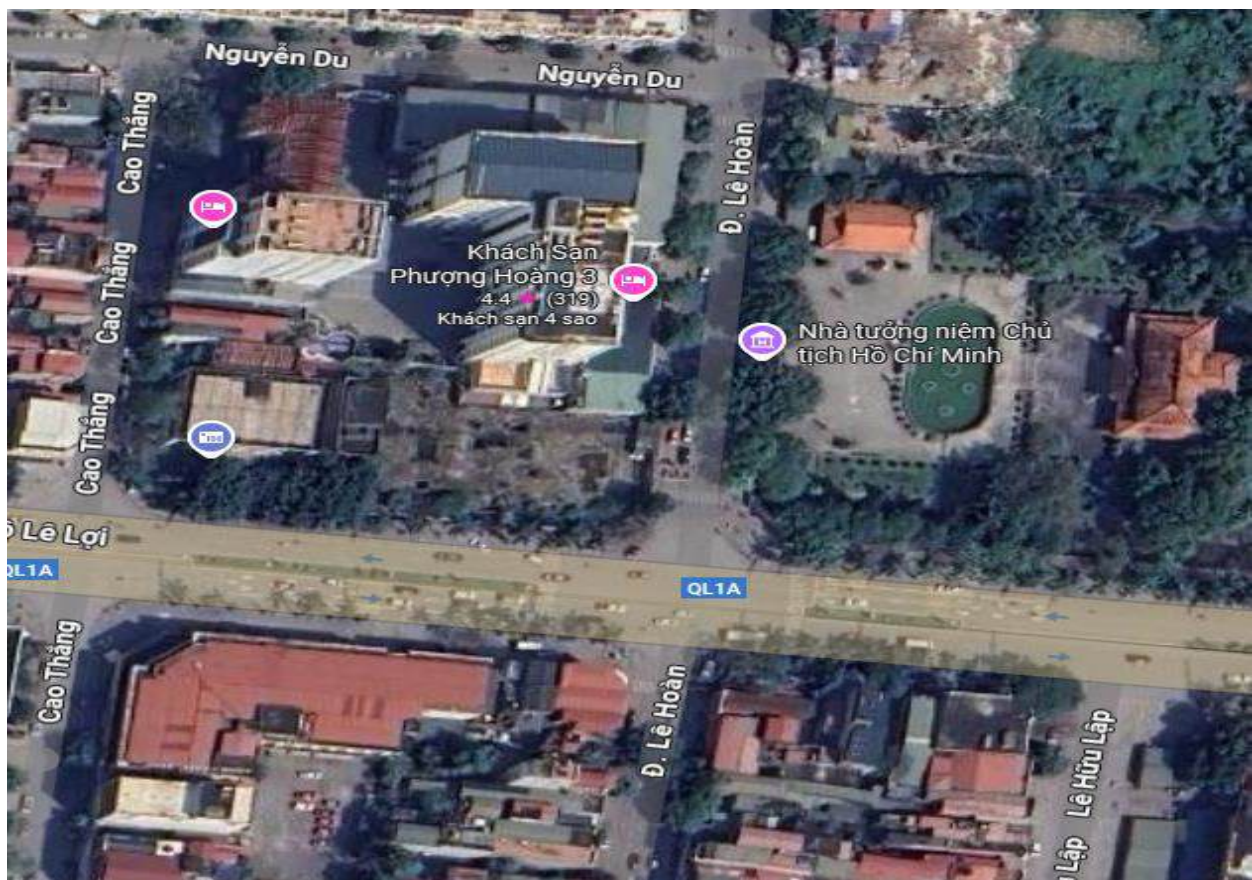
1.1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần In và Vật tư Ba Đình Thanh Hoá

- Địa chỉ: 96 Lê Hoàn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông: Nguyễn Văn Hùng
- Chức vụ: Giám đốc
- Giấy đăng ký doanh nghiệp số: 2800748334 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 05 năm 2003; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10 tháng 08 năm 2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.2. Tên cơ sở: Khách sạn Phượng Hoàng 3 - Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hoá

Địa điểm cơ sở: Số 96 Lê Hoàn, Phường Hạc thành, tỉnh Thanh Hoá.

Khách sạn Phượng Hoàng 3 - Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hoá có diện tích là 1.469,0 m², thuộc một phần đất của Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hoá thuộc thửa đất 141 hình thành tách từ 132/6963 của tờ số 8 bản đồ địa chính phường Điện Biên, theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 417227 ngày 02/8/2007 tại số 96 Lê Hoàn, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (Nay là phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).



Hình 1. 1. Vị trí cơ sở

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có): Giấy phép xây dựng số 5538/GPXD ngày 09/10/2017 của Sở Xây dựng Thanh Hóa; Hồ sơ thiết kế thẩm định tại Văn bản số 1376/SXD-HĐXD ngày 28/3/2017 của Sở Xây dựng Thanh Hóa;

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định 3549/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường dự án Nhà cao tầng kinh doanh khách sạn và giải trí, văn hoá, thể thao của Công ty Cổ phần In và Vật tư Ba Đình Thanh Hoá.

- Quy mô của cơ sở theo quy định tại Điều 25 Nghị định này: Theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019, Cơ sở tương đương với Cơ sở nhóm B phân loại theo tiêu chí tại điểm d (Cơ sở sản xuất công nghiệp khác), khoản 4, Điều 9 (Dự án có tổng mức đầu trên 60 tỷ đồng).

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nghỉ ngơi.

- Phân nhóm dự án đầu tư: Thuộc nhóm III (căn cứ theo mục số 4, phụ lục IV của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026).

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Khách sạn Phương Hoàng 3 - Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hoá là công trình nhà cao tầng kinh doanh khách sạn và giải trí văn hoá, thể thao, bao gồm:

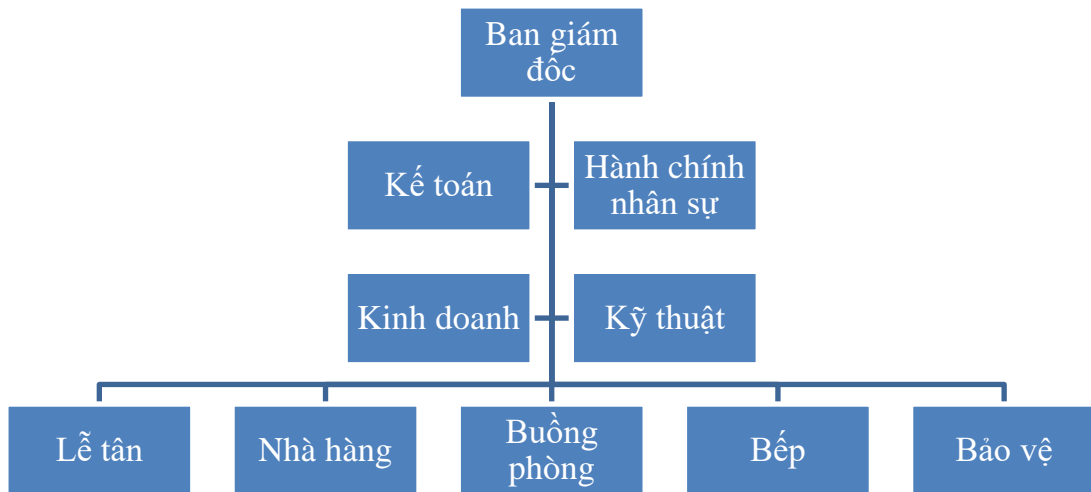
- Hội trường Phương Hoàng sức chứa tối đa khoảng 800 khách hội nghị - 550 khách ăn tiệc.

- Hội trường - Phòng họp nhỏ sức chứa tối đa khoảng 200 khách hội nghị - 120 khách ăn tiệc.

- Khu vực phòng nghỉ khách sạn: sức chứa tối đa khoảng 300 khách gồm 140 phòng Thực tế, khu vực hội trường và phòng họp hoạt động đạt khoảng 20-30% công suất, phòng nghỉ đạt khoảng 50-60% công suất.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình hoạt động của cơ sở như sau:



Ban giám đốc là người quản lý chung của tổ hợp nhà hàng khách sạn, quản lý mọi hoạt động của các bộ phận tại cơ sở, chịu trách nhiệm trước ban giám đốc.

Khi khách có nhu cầu nghỉ dưỡng, lưu trú, hoặc tổ chức các sự kiện, hội thảo... sẽ đăng ký và làm thủ tục tại lễ tân hoặc có thể đăng ký qua hotline của cơ sở. Trong khi làm thủ tục khách có thể chờ ở khu vực chờ để nhân viên làm thủ tục và kiểm tra các thông tin hợp lệ theo quy chế hoạt động của cơ sở và yêu cầu của pháp luật hiện hành. Sau khi công tác kiểm tra, làm thủ tục xong khách hàng sẽ được nhân viên hướng dẫn về tận phòng nghỉ. Trong suốt quá trình nghỉ dưỡng, lưu trú... khách hàng sẽ được sử dụng các dịch vụ tiện ích tại cơ sở. Kết thúc thời gian nghỉ dưỡng, lưu trú khách hàng sẽ làm thủ tục thanh toán tại khu vực lễ tân.

1.3.3. Sản phẩm hoạt động của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là cung cấp các dịch vụ ăn uống, ngủ nghỉ, hội thảo, các hoạt động giải trí cho khách hàng.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu sử dụng lao động và sức chứa khách của cơ sở

- Lao động làm việc tại cơ sở trong giai đoạn hoạt động ổn định là 70 người. Với số lượng lao động này hoàn toàn đảm bảo hoạt động công suất tối đa của cơ sở .
- Dịch vụ lưu trú phục vụ cho tối đa 300 lượt khách/ngày đêm;
- Dịch vụ hội trường, trung tâm hội nghị, hội thảo phục vụ với quy mô sức chứa tối đa 1.000 khách.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Điện sử dụng cho hoạt động của cơ sở chủ yếu là điện thấp sáng, điện dùng cho quạt, điều hoà, thang máy, ti vi,... Căn cứ vào hóa đơn sử dụng điện hàng tháng của cơ sở do Công ty điện lực Thanh Hóa cung cấp thì nhu cầu sử dụng điện trung bình là 46.840,0 KW/tháng, nhu cầu sử dụng điện cao nhất là 63.480,0 KW/tháng.

- *Nguồn cấp điện:* Cơ sở đã ký kết hợp đồng sử dụng điện với công ty Điện lực Thanh Hóa để cấp điện cho cơ sở. Nguồn điện cho cơ sở được lấy từ trạm biến áp 22KV của cơ sở

Ngoài ra, cơ sở bố trí 01 máy phát điện dự phòng công suất 500 KVA để đảm bảo cung cấp điện kịp thời khi xảy ra sự cố mất điện lưới.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở chủ yếu phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của công nhân viên, nhu cầu nước cho hoạt động kinh doanh dịch vụ. Nguồn nước được lấy từ nguồn nước sạch được cung cấp bởi Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hoá.

Trong giai đoạn hoạt động từ khi thành lập đến giữa năm 2025, công suất hoạt động của khách sạn đạt trung bình 56-60%, nhu cầu sử dụng nước sạch trung bình khoảng 40-45 m³/ngày đêm. Giai đoạn cuối năm 2025 đến nay, công suất hoạt động của khách sạn tăng nên nhu cầu sử dụng nước sạch tăng, có những ngày trên 50 m³/ngày đêm.

Căn cứ TCVN 13606:2023 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – yêu cầu thiết kế, bảng 1.1

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nước tối đa tại cơ sở

| STT | Khu vực | Quy mô/diện tích | Số người | Định mức | Nhu cầu sử dụng nước (m³/ngày đêm) |
|----------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|-----------------|--|--|
| I | Nước cấp sinh hoạt | | | | 69,5 |
| 1 | Nhân viên làm việc tại khách sạn | | 70 người | 50l/người/ngày Theo TCVN 13606:2023 | 3,5 |
| 2 | Khách thuê phòng tại khách sạn | 140 phòng | 300 khách | 120 l/người/ngày Theo TCVN 13606:2023 | 36 |
| 3 | Khách nhà hàng và các dịch vụ ăn uống | | 1000 khách | 25l/người/ngày Theo TCVN 13606:2023 | 25 |
| 4 | Giặt là, vệ sinh phòng | | | | 5 |
| II | Nước bể bơi | 100m³ | | 100m ³ lần đầu và bổ sung nước tràn 10% TCVN 4513 : 1988 | 10 |
| III | Nước tưới cây | 215m² | | 3 lít/m²/ngđ | 0,65 |
| IV | Nước rửa đường | 2.310m² | | 0,4 lít/m²/ngđ | 0,92 |
| Tổng nhu cầu sử dụng nước | | | | | 81,07 |

Ngoài ra, cơ sở sử dụng nước cho hoạt động PCCC: Nước dự phòng cho công tác PCCC được chứa tại bể chứa và nước từ xe của lực lượng cứu hoả. Tuy nhiên, lượng nước này chỉ sử dụng khi có sự cố cháy nổ. Do đó, không có lượng nước cấp bổ sung hàng ngày cho PCCC.

1.4.4. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

a. Nhu cầu về nhiên liệu

Nhiên liệu sử dụng tại cơ sở chủ yếu là dầu diesel chạy 01 máy phát điện dự phòng công suất 500kVA và gas phục vụ nấu nướng.

- Đối với dầu DO được sử dụng chủ yếu cho chạy máy phát điện dự phòng khi xảy ra quá trình mất điện lưới của khu vực. Lượng dầu tiêu thụ cho 1 máy khoảng 40 lít/h.

- Đối với gas phục vụ nấu nướng trung bình khoảng 10 bình/tháng (loại bình 48kg).

- Nguồn cung cấp: Từ các đại lý gas, đại lý xăng dầu trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

b. Nhu cầu sử dụng hóa chất

- Hóa chất dùng trong xử lý nước thải sinh hoạt: Là các chế phẩm sinh học (BIO-S, BIO-Phốt) dạng bột được bổ sung định kỳ vào các bể tự hoại giúp cho quá trình phân giải chuyển hóa các chất hữu cơ nhanh hơn. Gói 200g dùng cho 1m³ bể phốt. Sau 3 - 6 tháng đổ dự phòng 1 lần, tránh bồng tắc bể phốt không phải thông hút.

Đối với mùi từ các phòng nghỉ, phòng vệ sinh: Sử dụng các loại nước hoa xịt phòng để khử mùi, nước rửa chén Sunlight, Vim... có khối lượng khoảng 100l/năm.

Nguồn cung cấp: Hóa chất phục vụ cơ sở sẽ được công ty mua từ các đối tác cung cấp đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật.

c. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động dịch vụ khách sạn bao gồm: hải sản, thị gia súc, gia cầm, rau, quả trái cây các loại.... Căn cứ vào danh sách nhập nguyên liệu của cơ sở thì nhu cầu nguyên liệu, thực phẩm cung cấp cho cơ sở vào lúc cao điểm là 200kg/ngày.

Nguồn cung cấp: Từ các siêu thị và chợ trên địa bàn.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Vị trí địa lý

Khách sạn Phương Hoàng 3 - Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hoá là khách sạn 4 sao, đi vào hoạt động từ tháng 7/2020 với loại hình hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn và giải trí, thể thao, văn hoá. ... Khuôn viên cơ sở có tường rào bao quanh, có ranh giới tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông: giáp đường Lê Hoàn.
- + Phía Tây: giáp khu dân cư hiện trạng.
- + Phía Nam: giáp đất Hiệu sách nhân dân.
- + Phía Bắc: giáp đường Nguyễn Du.

Khách sạn Phương Hoàng 3 có diện tích xây dựng khoảng 1.469 m², bao gồm 10 tầng, 01 tầng tum, 01 hầm, chiều cao công trình đến mái là 38,4 m, sân đường nội bộ. Công năng sử dụng cụ thể như sau: Tầng hầm để xe, tầng 1 tiền sảnh lễ tân, tầng 2 phòng họp + khu văn phòng, tầng 3 lưu trú + Massage + Karaoke, từ tầng 4- 8 lưu trú, tầng 9 nhà hàng, tầng 10 hội trường + bếp ăn, tầng tum;

1.5.2. Hiện trạng các hạng mục công trình của cơ sở

Bảng 1.2. Các hạng mục công trình hiện trạng của cơ sở

| STT | Hạng mục công trình | Diện tích (m ²) | Hiện trạng |
|-----------|--|-----------------------------|-------------|
| I | Công trình chính | | |
| 1. | Nhà kinh doanh dịch vụ khách sạn và giải trí, thể thao văn hoá (11 tầng) | 1.469,0 | Đã xây dựng |
| II | Công trình phụ trợ | | |
| 2. | Sân, đường, bãi để xe | 1.885,74 | Đã xây dựng |
| 3. | Hệ thống bồn hoa, cây xanh | 215 | Đã xây dựng |
| 4. | Bể nước ngầm | 50 | Đã xây dựng |
| 5. | Bể bơi | 50 | Đã xây dựng |

Bảng 1.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

| STT | Hạng mục công trình bảo vệ môi trường | Đơn vị | Số lượng | Hiện trạng |
|-----|---------------------------------------|----------|----------|-------------|
| 1. | Hệ thống thu gom, thoát nước mưa | Hệ thống | 01 | Đã xây dựng |
| 2. | Hệ thống thu gom, thoát nước thải | Hệ thống | 01 | Đã xây dựng |
| 3. | Bể tách dầu mỡ | Bể | 01 | Đã xây dựng |
| 4. | Bể tự hoại | Bể | 02 | Đã xây dựng |
| 5. | Hệ thống xử lý nước thải tập trung | Hệ thống | 01 | Đã xây dựng |
| 6. | Hệ thống PCCC | Hệ thống | 01 | Đã xây dựng |

1.5.3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ hoạt động

Bảng 1.4. Các máy móc thiết bị của cơ sở

| TT | Tên thiết bị | Đơn vị tính | Số lượng | Xuất xứ | Khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng (%) |
|----|------------------------|-------------|----------|------------|--------------------------------------|
| 1 | Máy phát điện dự phòng | cái | 01 | Trung Quốc | 90 |
| 2 | Thang máy | cái | 02 | Hàn Quốc | 90 |
| 3 | Thang đồ | cái | 02 | Trung Quốc | 90 |

| TT | Tên thiết bị | Đơn vị tính | Số lượng | Xuất xứ | Khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng (%) |
|-----------|---|--------------------|-----------------|----------------|---|
| 4 | Máy bơm nước | cái | 02 | Nhật Bản | 90 |
| 5 | Máy điều hoà các loại | cái | 350 | Nhật Bản | 90 |
| 6 | Tivi | cái | 150 | Việt Nam | 90 |
| 7 | Bình nước nóng lạnh | cái | 140 | Việt nam | 90 |
| 8 | Tủ lạnh | cái | 140 | Hàn Quốc | 90 |
| 9 | Quạt (quạt trần, quạt treo tường, quạt công nghiệp) | cái | 600 | Việt Nam | 90 |
| 10 | Bàn ghế | Bộ | 500 | Việt Nam | 90 |
| 11 | Giường nghỉ (đơn, đôi) | cái | 300 | Việt Nam | 90 |
| 12 | Tủ đồ cá nhân | cái | 180 | Việt Nam | 90 |
| 13 | Hệ thống thiết bị vệ sinh phòng nghỉ (thùng đựng rác, thảm chùi chân...) | Hệ thống | 200 | Việt Nam | 90 |
| 14 | Hệ thống thông tin liên lạc (Điện thoại, máy tính, camera) | cái | 01 | Việt Nam | 90 |
| 15 | Bộ thiết bị nhà bếp | | | | |
| - | Bếp nấu | cái | 300 | Hàn Quốc | 90 |
| - | Hệ thống quạt hút mùi | Hệ thống | 04 | Việt Nam | 90 |
| - | Tủ nấu cơm công nghiệp | Tủ | 04 | Hàn Quốc | 90 |
| - | Lò nướng | lò | 20 | Hàn Quốc | 90 |
| - | Máy làm bánh | máy | 10 | Hàn Quốc | 90 |
| - | Tủ đông, tủ mát, tủ lưu mẫu thức ăn | Tủ | 10 | Nhật Bản | 90 |
| - | Giá đựng thức ăn 4 tầng | Giá | 15 | Việt Nam | 90 |
| - | Quầy inox giữ nóng thức ăn | Quầy | 10 | Việt Nam | 90 |
| - | Xe đẩy | Xe | 10 | Việt Nam | 90 |
| - | Chậu rửa | Chậu | 20 | Việt Nam | 90 |
| - | Các dụng cụ khác: Nồi, chảo, khay inox. Bát, đĩa, đũa, thìa... | cái | 04 | Việt Nam | 90 |
| 16 | Hệ thống quạt thông gió của nhà vệ sinh trong khu vực phòng nghỉ và khu vệ sinh chung | cái | 180 | Việt Nam | 90 |

| TT | Tên thiết bị | Đơn vị tính | Số lượng | Xuất xứ | Khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng (%) |
|----|--------------|-------------|----------|----------|--------------------------------------|
| 17 | Máy chiếu | cái | 10 | Nhật Bản | 90 |
| 18 | Micro | cái | 20 | Nhật Bản | 90 |

1.5.4. Các công tác bảo vệ môi trường hiện tại của cơ sở

a. Đối với nước thải

* Nước mưa:

- Nước mưa trên mái, sân thượng nhà được thoát theo các ống PVC D110 xuống hệ thống rãnh thoát nước mưa quanh nhà, sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của công trình.

- Nước mưa, nước mặt xung quanh nhà và hệ thống đường nội bộ, sân bãi được thu qua hệ thống rãnh dầy có nắp đan đục lỗ sau đó thoát vào hệ thống cống thoát nước mưa ngoài khu vực.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sẽ được chảy theo độ dốc thiết kế qua các cửa thu nước, song chắn rác vào hệ thống cống thoát nước nội bộ cống BTCT D300 cùng với nước mưa trên mái sau đó chảy ra hệ thống thoát nước thải chung của khu vực nằm dọc đường Nguyễn Du phía Bắc cơ sở.

* Nước thải sinh hoạt:

Nước thải phát sinh tại cơ sở chủ yếu là nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình ăn uống tại nhà ăn, rửa tay chân, từ các bồn cầu nhà vệ sinh. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ và bể tự hoại sẽ được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 70m³/ngày.đêm.

b. Đối với bụi, khí thải

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động của các công trình xử lý môi trường:* Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt; Thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi:* cán bộ công nhân môi trường tại dự án thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh tại khu vực khuôn viên; thu gom, quản lý chất thải rắn đúng nơi quy định; không phóng uế bừa bãi ra khu vực xung quanh; Đối với các thùng rác nơi công cộng,... phải được thu gom, xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

- *Biện pháp giảm thiểu khí thải từ khu vực nhà vệ sinh:* tại khu vực nhà vệ sinh trang bị các quạt hút mùi, quạt thông gió tại các khu vực như: khu vực làm việc, nhà vệ sinh, nhà kho chứa đồ...

- *Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ khu vực lưu chứa chất thải:* Rác thải sinh hoạt được thu gom thường xuyên, tần suất thu gom rác thải sinh hoạt là 1 lần/ngày. Khu

lưu giữ rác thải sinh hoạt phải được quét dọn sạch sẽ, không để rác thải sinh hoạt rơi vãi trên nền.

c. Đối với chất thải rắn

c1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn thông thường

- Rác thải sinh hoạt được phân loại, thu gom và lưu trữ tại các thùng chứa có dung tích đặt tại khu vực hành lang mỗi tầng. Tận dụng chất thải thực phẩm làm thức ăn chăn nuôi.

+ Tại các phòng nghỉ: Trong mỗi phòng nghỉ của khách sạn, phòng làm việc sẽ trang bị 02 thùng rác đạp chân loại 5,0 lít.

+ Tại khu vực hành lang của tầng: Bố trí 02 thùng đựng rác loại 50 lit đặt tại hai đầu của hành lang trong khu nhà tại mỗi tầng, tổng số thùng chứa rác loại 50 lit khoảng 20 thùng.

+ Tại khu vực nhà ăn: Khu vực nhà ăn bố trí 04 thùng đựng rác loại 100 lit để chứa rác thải.

+ Tại các khu vực khác: Khu vực lễ tân, phòng thu ngân, phòng hành chính, phòng kỹ thuật, phòng hội thảo, khu tập thể dục ... bố trí mỗi phòng 2 thùng đựng rác loại 5,0 lit, tổng số lượng khoảng 20 thùng.

- Định kỳ ngày 02 lần nhân viên vệ sinh khách sạn thu gom về 01 thùng chứa tập trung có thể tích 500 lít đặt bên dưới tầng trệt để xe của tòa nhà ở góc phía Đông Bắc của khách sạn và dùng chế phẩm EM để phun khử mùi và ruồi muỗi tập trung với nồng độ 20ml chế phẩm EM thứ cấp/1 lít nước.

- Đối với rác thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa và hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị thanh Hoá thu gom và xử lý.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ các bể tự hoại, hệ thống xử lý tập trung: tần suất nạo hút 06 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ các hệ thống thu gom, hố ga: tần suất nạo hút 06 tháng/lần.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ nạo hút vận chuyển xử lý.

c2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải nguy hại

- Công ty trang bị 02 thùng kín có nắp đậy để chứa chất thải nguy hại loại 60l, bên ngoài thùng được dán nhãn mã chất thải nguy hại để thu gom và phân loại theo quy định.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển đem đi xử lý theo các quy định hiện hành.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- *Đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:* Theo Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012; Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024; Chiến lược phát triển ngành dệt may và da giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2022, dự án đã được lồng ghép và phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- *Đối với quy hoạch tỉnh và định hướng phân vùng môi trường trong quy hoạch tỉnh Thanh Hoá:* Theo nội dung Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023,

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư với khả năng chịu tải của môi trường

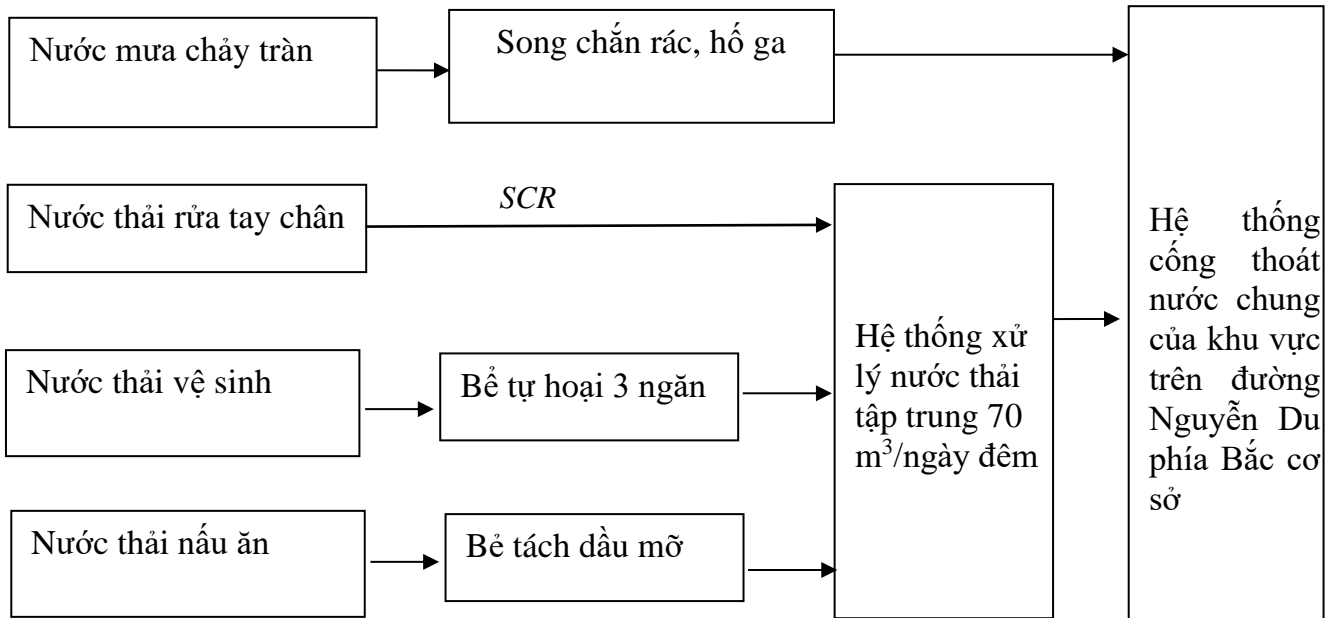
Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường và đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3549/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà cao tầng kinh doanh khách sạn và giải trí, văn hoá, thể thao của Công ty Cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hoá. Vị trí xả thải vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực nằm dọc đường Nguyễn Du phía Bắc cơ sở, sau đó được dẫn về khu vực Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Thành phố để xử lý. Hiện tại vị trí xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở không thay đổi.

- Nước thải của cơ sở sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt thải ra hệ thống thoát nước chung của thành phố Thanh Hóa, nên hoàn toàn đủ điều kiện để thải ra mạng thoát nước thải chung của thành phố và hoàn toàn đáp ứng khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

Chủ đầu tư áp dụng biện pháp thu gom và xử lý nước thải phát sinh tại dự án theo sơ đồ phân dòng như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ phân dòng xử lý nước thải của cơ sở

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực cơ sở cuốn theo các chất cặn bã, các chất hữu cơ và các chất trên bề mặt. So với nước thải, nước mưa khá sạch, nó sẽ pha loãng với chất ô nhiễm khi đi vào nguồn nước mặt. Tác động lớn nhất do nước mưa chảy tràn gây ra là do nồng độ chất rắn lơ lửng cao nếu không được loại bỏ sẽ làm đục nguồn nước, gây bồi lắng lưu vực tiếp nhận, ảnh hưởng đến môi trường sống của sinh vật thủy sinh.

Lưu lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực được xác định như sau:

$$Q = 0,278 \times k \times I \times F \text{ (m}^3\text{/h)}.$$

(Nguồn: Giáo trình Quản lý môi trường nước, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2002).

Trong đó:

- + Q : Lưu lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực (m³/h)
- + k : Hệ số dòng chảy, ($k = 0,8$);
- + I : Cường độ mưa (m/h); Theo số liệu thống kê về điều kiện khí tượng thủy văn, ngày có cường độ mưa lớn nhất là 300 mm/ngày.

+ F : Diện tích lưu vực (m²), $F=3.364,34 \text{ m}^2$

Vậy ta có: $Q=0,278 \times 0,8 \times 300 \times 3.364,34 \times 10^{-3} = 48,5 \text{ (m}^3\text{/h)}$.

Hiện tại, cơ sở đã xây dựng công trình thu gom, thoát nước mưa và xử lý nước thải riêng biệt, cụ thể:

- Nước mưa trên mái, sân thượng nhà được thoát theo các ống PVC D110 xuống hệ thống rãnh thoát nước mưa quanh nhà, sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung của công trình.

- Nước mưa, nước mặt xung quanh nhà và hệ thống đường nội bộ, sân bãi được thu qua hệ thống rãnh đập có nắp đan đục lỗ sau đó thoát vào hệ thống cống thoát nước mưa ngoài khu vực.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sẽ được chảy theo độ dốc thiết kế qua các cửa thu nước, song chắn rác vào hệ thống cống thoát nước nội bộ cống BTCT D300 cùng với nước mưa trên mái sau đó chảy ra hệ thống thoát nước thải chung của khu vực nằm dọc đường Nguyễn Du ở phía Bắc cơ sở. Toạ độ vị trí xả nước mưa: X = 2191276 (m); Y = 581381 (m) (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°).

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Công trình thu gom nước thải

Nước thải phát sinh tại cơ sở chủ yếu là nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình trong quá trình kinh doanh, hoạt động của khách sạn, bao gồm:

+ Nước thải nhà ăn phát sinh từ quá trình ăn uống, chế biến thức ăn có chứa hàm lượng các chất ô nhiễm chủ yếu là dầu mỡ (động vật, thực vật), chất rắn lơ lửng, chất tẩy rửa và vi khuẩn... Nguồn nước thải này nếu không được xử lý, khi thải ra nguồn tiếp nhận sẽ làm ô nhiễm môi trường nước khu vực nhà bếp cũng như khu vực dân sinh xung quanh, gây ảnh hưởng không nhỏ tới điều kiện vệ sinh môi trường cho cộng đồng và thủy vực tiếp nhận nước thải. Vì vậy, nhiệm vụ cần thiết là xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho nguồn thải này để đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

+ Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ chủ yếu chỉ chứa các chất tẩy rửa, chất hoạt động bề mặt và một phần các cặn lơ lửng, sơ sợi vải... Đặc trưng của loại nước thải này có nồng độ các chất ô nhiễm không cao do vậy tác động đến môi trường không đáng kể;

+ Nước thải từ nhà vệ sinh: Đặc trưng của nước thải này có thành phần các chất ô nhiễm cao, các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng N,P và vi sinh vật gây bệnh...

+ Nước thải khu bể bơi: Từ quá trình lọc tuần hoàn bể bơi định kỳ 2lần/năm. Thành phần chất bẩn trong nước bể bơi chủ yếu là tảo, cặn, các chất hữu cơ. Nước bể bơi bị nhiễm bẩn sẽ gây tác động trực tiếp đến sức khỏe của con người.

Theo thống kê tại chương 1, nhu cầu nước dùng cho mục đích sinh hoạt của cơ sở là 69,5m³/ngày.đêm.

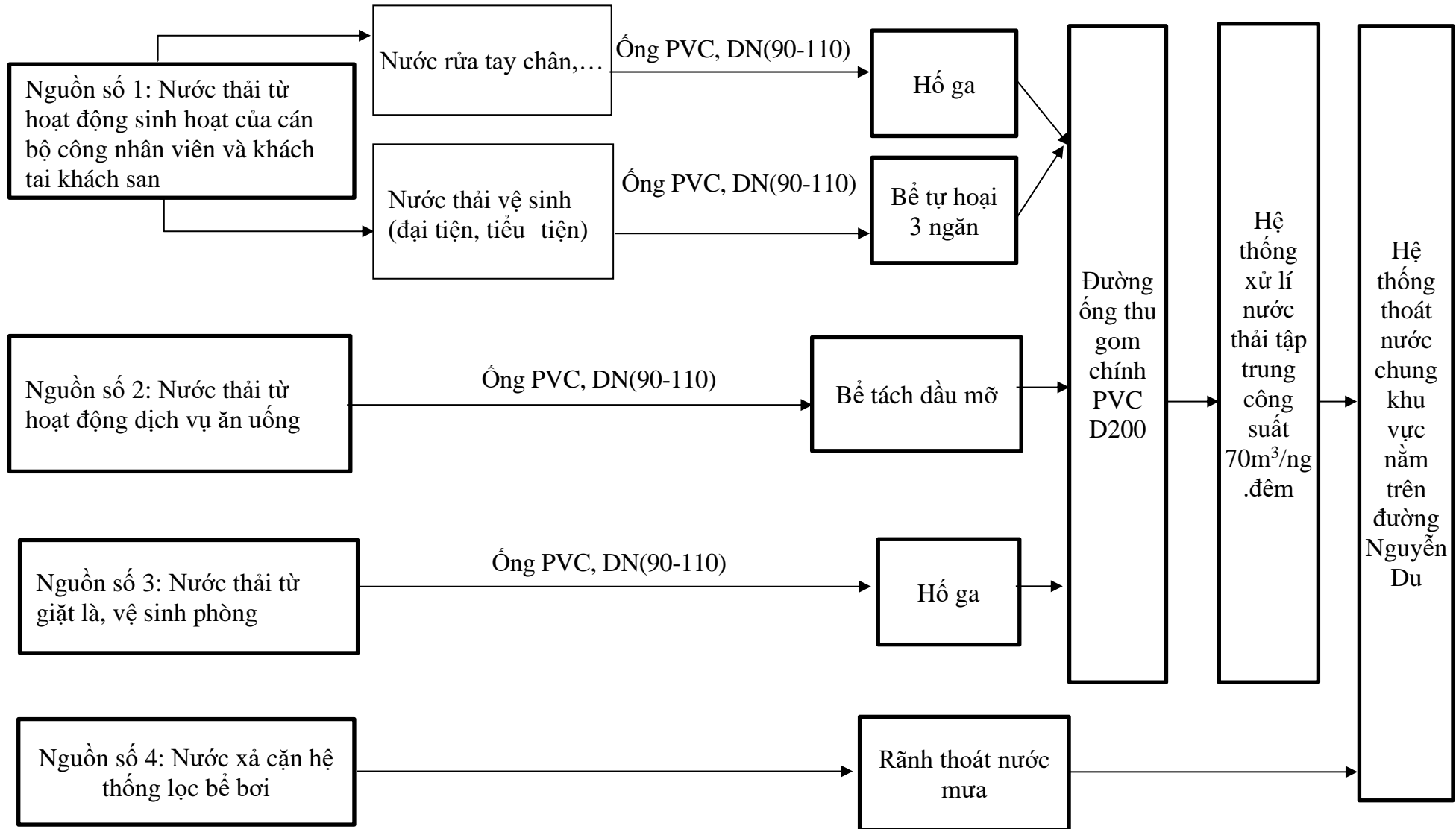
Theo Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD ta có khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước. Như vậy tổng lượng nước thải của cơ sở là: $69,5 \text{ m}^3/\text{ng.đêm} \times 100\% = 69,5\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, bao gồm:

Bảng 3.1: Nước thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của cơ sở

| TT | Đối tượng | Nhu cầu sử dụng nước (m³/ngày đêm) | Khối lượng nước thải phát sinh (m³/ngày đêm) | Ghi chú |
|-------------|---------------------------------------|--|--|---|
| 1 | Nhân viên làm việc tại khách sạn | 3,5 | 3,5 | Nước thải = 100% nước cấp |
| 2 | Khách thuê khách sạn (lưu trú) | 36 | 36 | |
| 3 | Khách nhà hàng và các dịch vụ ăn uống | 25 | 25 | |
| 4 | Giặt là, vệ sinh phòng | 5 | 5 | |
| 5 | Bể bơi | 10 | 10 | Nước xả cặn hệ thống lọc bể bơi. Tương đối sạch bản chất như nước mưa |
| 6 | Nước tưới cây | 0,65 | - | Ngấm xuống bề mặt không phát sinh dòng chảy |
| 7 | Nước rửa đường | 0,92 | - | |
| Tổng | | 81,07 | 79,5 | |

Vậy khối lượng nước thải phát sinh là $69,5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ (Không bao gồm nước thải bể bơi do về bản chất nước hồ bơi tương đối sạch nên được thoát về hệ thống thoát nước mưa).

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải cơ sở đã xây dựng và áp dụng biện pháp thu gom nước thải theo sơ đồ như sau:



Hình 3. 2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở

b. Công trình thoát nước thải

Tuyến thoát nước thải cụ thể:

Nước thải nguồn số 1, nguồn số 2 (gồm nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện)) → Ống PVC, DN(90-110) → bể tự hoại 3 ngăn; Nước thải rửa tay chân → Ống PVC, DN(90-110) → Hồ ga → Đường ống thu gom chính PVC, DN200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung 70m³/ngày đêm;

Nước thải nguồn số 3 (gồm nước thải nhà ăn) → bể tách dầu mỡ → Đường ống thu gom chính PVC, DN200 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung 70m³/ngày đêm;

Toàn bộ dòng nước thải của nguồn số 1,2,3 phát sinh được thu gom triệt để về hệ thống xử lý tập trung xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B) theo đường ống DN110 → hệ thống thoát nước thải chung của khu vực nằm dọc đường Nguyễn Du ở phía Bắc cơ sở.

Nước thải nguồn số 4 → Rãnh thoát nước mưa của cơ sở → hệ thống thoát nước thải chung của khu vực nằm dọc đường Nguyễn Du ở phía Bắc cơ sở.

Số điểm đầu nổi thoát nước thải: 01 điểm đầu nổi vào hệ thống thoát nước thải chung khu vực. Tọa độ vị trí đầu nổi: X = 2191276 (m); Y = 581381 (m).

3.1.3. Xử lý nước thải

a. Công trình xử lý sơ bộ

**** Nước thải rửa tay chân:***

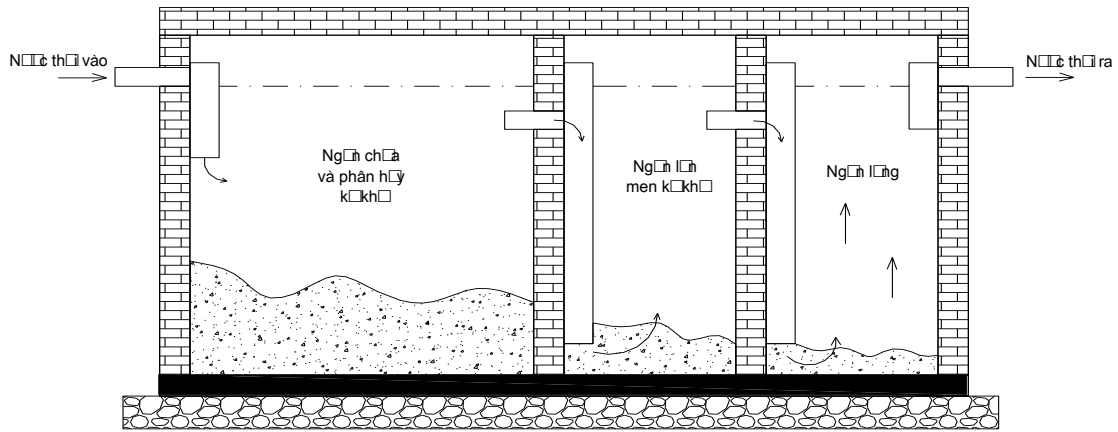
Được dẫn theo đường ống PVC D(90-110) sẽ được tách rác thô bằng dụng cụ tách rác có sẵn. Sau đó theo đường ống PVC D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý, nước thải sau xử lý sau đó thoát ra hệ thống cống thoát nước thải của khu vực nằm trên đường Nguyễn Du ở phía Bắc khu đất.

**** Nước thải vệ sinh:***

Đối với nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện), cơ sở đã xây dựng 02 bể tự hoại với dung tích 50m³/bể (DxRxC=5,0mx5,0mx2,0m) đặt ngầm dưới công trình nhà vệ sinh để xử lý sơ bộ trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở, nước thải sau xử lý sau đó thoát ra hệ thống cống thoát nước thải chung của khu vực nằm dọc trên đường Nguyễn Du ở phía Bắc cơ sở.

- Nguyên lý hoạt động:

Bể tự hoại là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân huỷ cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí sẽ bị phân huỷ, một phần tạo các chất khí và một phần tạo ra các chất vô cơ hòa tan. Nước thải khi qua bể lắng 1 sẽ tiếp tục qua bể lắng 2 và 3 trước khi đưa sang hệ thống thu gom nước thải chung.



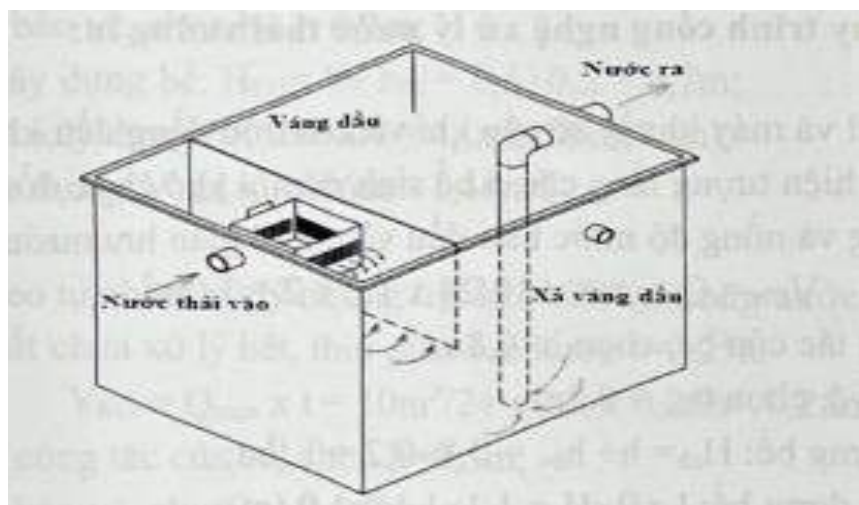
Hình 3. 3. Sơ đồ nguyên lý bể tự hoại 03 ngăn

Định kỳ 3 tháng 1 lần chủ đầu tư cần thuê đơn vị tới hút cặn 1 lần và bổ sung chế phẩm chế phẩm sinh học (BIO-S, BIO-Phốt) dạng bột được bổ sung định kỳ vào các bể tự hoại giúp cho quá trình phân giải chuyển hóa các chất hữu cơ nhanh hơn. Liều lượng sử dụng: Gói 200g dùng cho 01 m³ bể phốt.

*** Nước thải từ hoạt động nấu ăn:**

Đặc tính của dòng nước thải loại này chứa dầu mỡ (thực vật, động vật), thức ăn thừa từ khâu chế biến và khâu rửa bát, vệ sinh nhà bếp, nhà ăn uống sẽ được phân loại và dẫn vào bể tách dầu mỡ để xử lý trước khi dẫn về HTXL nước thải tập trung để xử lý.

Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu 2 ngăn: Nước thải nhiễm dầu từ khu vực nhà ăn được đưa qua hệ thống tách dầu trước khi đổ vào hệ thống thoát nước của khu vực. Hệ thống tách dầu bao gồm các hố tách dầu đơn giản gồm hố phân ly dầu cấp 1 và cấp 2. Nước ra từ các bể phân ly cấp 1 được đưa sang bể phân ly cấp 2 phân tách hết các lớp dầu còn lại sau đó chảy vào hệ thống thoát nước của dự án; 01 hố phân ly dầu gồm 2 ngăn: Nước thải được dẫn vào một ngăn và ra ở đáy một ngăn. Hiệu quả tách dầu của bể có thể đạt tới 95%. Dầu được vớt từ máng thu hồi dầu được đưa vào kho lưu giữ cùng với các chất thải nguy hại theo quy định.



Hình 3. 4. Hệ thống tách dầu trong nước thải

Cơ sở đã xây dựng 01 bể tách dầu mỡ dung tích 9m³ (DxRxC=2,0mx3,0mx1,5m) tại khu vực nhà ăn để loại bỏ dầu mỡ trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

Nước thải nhà ăn chảy vào bể tách dầu mỡ, sau đó theo đường ống PVC D110 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý, nước thải sau xử lý thoát ra hệ thống cống thoát nước thải của khu vực nằm trên đường Nguyễn Du ở phía Bắc cơ sở.

Bảng 3.3. Thông số các công trình xử lý sơ bộ của cơ sở

| TT | Tên bể tự hoại | Số lượng | Vị trí | Dung tích (m ³ /bể) | Kích thước bể (m) |
|----|----------------|----------|-------------|--------------------------------|-------------------|
| 1 | Bể tự hoại | 02 | Nhà vệ sinh | 50 | BxLxH = 5x5x2 |
| 2 | Bể tách dầu mỡ | 01 | Nhà ăn | 9 | BxLxH = 2x3x1,5 |

*** Nước thải giặt là, vệ sinh phòng**

Được dẫn theo đường ống PVC D(90-110) sẽ được tách rác thô bằng dụng cụ tách rác có sẵn. Sau đó theo đường ống PVC D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở để xử lý, nước thải sau xử lý sau đó thoát ra hệ thống cống thoát nước thải của khu vực nằm trên đường Nguyễn Du ở phía Bắc khu đất.

*** Đối với xử lý nước bể bơi như sau:**

Từ quá trình lọc tuần hoàn bể bơi định kỳ 2lần/năm. Toàn bộ lượng nước bể bơi được đưa qua hệ thống xử lý bằng phương pháp lọc thô với vật liệu lọc là cát và than hoạt tính. Nước sau quá trình lọc được tuần hoàn tái sử dụng. Định kỳ hàng năm, lượng nước bể bơi được thay thế 2 lần/năm. Thành phần chất bẩn trong nước bể bơi chủ yếu là tảo, cặn, các chất hữu cơ. Nước bể bơi bị nhiễm bẩn sẽ gây tác động trực tiếp đến sức khỏe của con người.

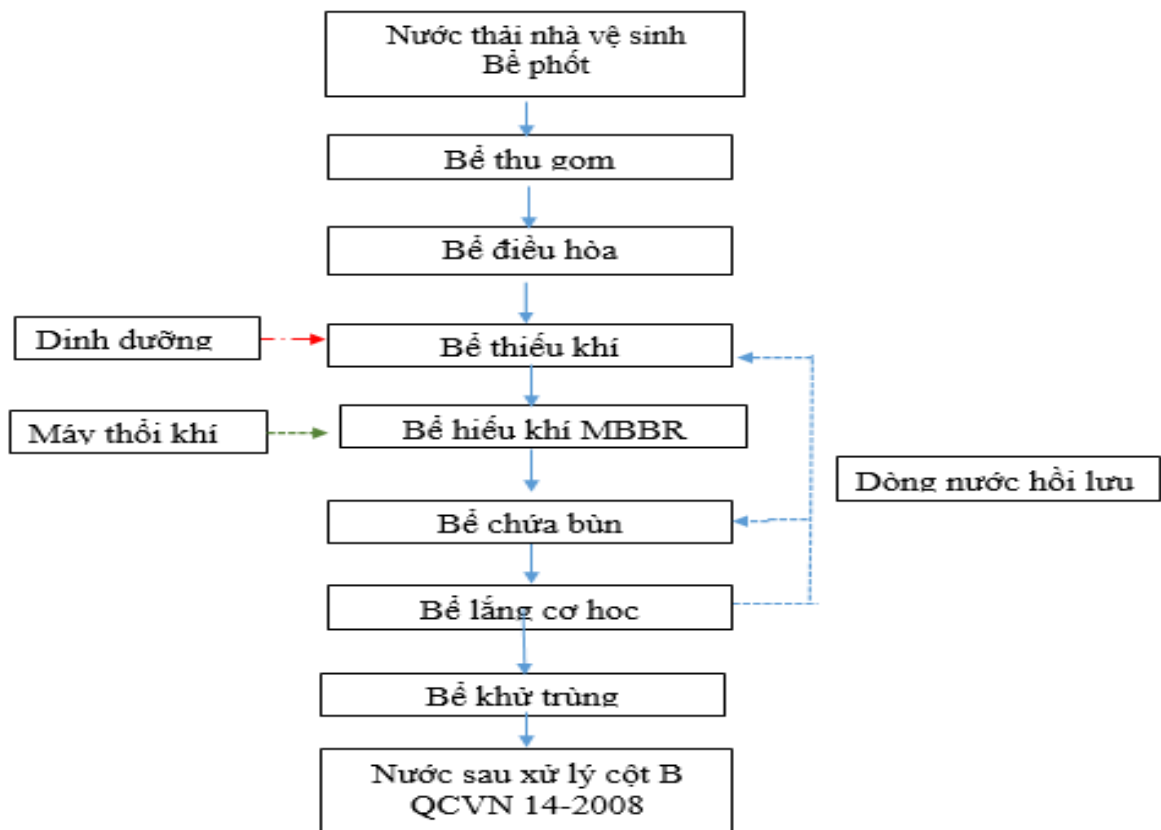
Toàn bộ nước bể bơi được định kỳ được hút vào hệ thống lọc qua hệ thống đường ống bơm phía dưới đáy bể. Tại đây, nước từ bể bơi được bổ sung PAC nhằm tạo các bông cặn tạo thuận lợi cho quá trình lắng. Tiếp đó, nước được bơm qua hệ thống lọc nước tuần hoàn bằng hệ thống lọc cát và than hoạt tính. Sau quá trình lọc, nước được bổ sung hóa chất tẩy trùng Chlorine 70%. Hóa chất có nguồn gốc từ Nhật Bản. Sau khi tẩy trùng, nước được tuần hoàn quay trở lại bể bơi. Nước bể bơi được xử lý với tần suất 1 tuần/lần vào mùa tập trung nhiều khách du lịch. Tần suất thay nước bể bơi 2 lần/năm. Về bản chất, nước hồ bơi tương đối sạch nên được thoát về hệ thống thoát nước mưa khu vực dự án.

b. Hệ thống XLNT tập trung, công suất Q = 70 m³/ngày đêm

Hiện nay, cơ sở đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 70m³/ngày.đêm phía bên trong tầng hầm tại góc phía Tây khách sạn với diện

tích xây dựng trạm khoảng 45,0 m². Nguyên lý hoạt động của hệ thống được mô tả trên sơ đồ sau:

- Phương án xả nước thải sau xử lý: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tập trung sẽ thoát ra đường ống thoát nước chung của dự án, sau đó được thải ra hệ thống cống thoát nước thải của khu vực nằm trên đường Nguyễn Du ở phía Bắc cơ sở. Tọa độ vị trí xả nước thải của cơ sở như sau: X = 2191276 (m); Y = 581381 (m) (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh chiều trục 105°00', múi chiếu 3°).



Hình 3. 5. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải

*** Thuyết minh công nghệ xử lý nước thải:**

Nước thải nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại cùng nước rửa sẽ được dẫn theo đường ống thoát nước thải bên ngoài nhà về bể thu gom. Tại bể thu gom, bố trí bơm nhúng chìm bơm nước thải về bể điều hòa, bắt đầu quá trình xử lý.

Bể điều hòa:

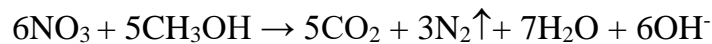
Nước thải đầu vào được đưa qua song chắn rác. Tại đây song chắn rác loại bỏ các tạp chất thô như các mảnh vụn, vải, cát, đá có kích thước lớn hơn khe hở song chắn rác sẽ giữ lại được và đưa vào thiết bị chứa sau đó đem xử lý theo định kỳ. Nước thải sau khi qua song chắn rác được đưa vào bể điều hòa để điều hoà lưu lượng và ổn định chất lượng nước thải. Tại bể điều hòa, máy thổi khí sẽ cấp khí và hòa trộn đồng đều không khí trên toàn diện tích bể, ngăn ngừa hiện tượng lắng cặn ở bề sinh ra mùi khó chịu, đồng thời có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải đầu vào.

Nước thải tiếp tục được bơm chuyển tiếp sang bể thiếu khí Anoxic.

Bể thiếu khí:

Nước thải tiếp tục được đưa sang bể sinh học thiếu khí Anoxic để phân hủy các hợp chất chứa N, P và giảm một phần hàm lượng BOD, COD có trong nước thải sinh hoạt, hạn chế quá trình sốc tải trong bể xử lý hiếu khí phía sau.

Bể này có nhiệm vụ là khử nitrat (NO_3^-) thành nito (N_2) giải phóng theo không khí và tiếp tục khử các hợp chất hữu cơ, làm giảm hàm lượng BOD trong nước thải. Trong ngăn này, lượng oxy hòa tan thấp $\text{DO} \sim 0,5\text{mg/l}$ và $\text{pH} > 7,5$ để quá trình khử nitrat diễn ra đạt hiệu quả cao. Quá trình khử nitrat diễn ra theo phản ứng sau:



Sau đó nước thải sẽ tự chảy vào bể hiếu khí.

Bể hiếu khí MBBR:

Bể MBBR (sinh học hiếu khí) được thiết kế nhằm loại bỏ các chất hữu cơ (phần lớn ở dạng hòa tan) trong điều kiện hiếu khí (giàu oxy). Oxy được cung cấp nhờ máy thổi khí hoạt động luân phiên 24/24h, đảm bảo việc phân phối khí đều trong bể thực hiện quá trình phản ứng vi sinh. Các vi sinh vật này sẽ phân hủy các chất hữu cơ thành sản phẩm cuối cùng là CO_2 và H_2O làm giảm nồng độ bẩn trong nước thải. Ngoài ra, nhằm duy trì lượng bùn lớn trong bể và giảm lượng bùn thừa sinh ra, bể hiếu khí sẽ được bổ sung thêm các vật liệu đệm sinh học. Các vật liệu này là môi trường cho các vi sinh vật dính bám để phân hủy các chất hữu cơ. Các vật liệu này giúp tăng hàm lượng vi sinh bên trong bể cao hơn so với công nghệ xử lý sinh học cố định ($6000-10000\text{mg/l}$) giúp tăng cường khả năng chịu sốc tải trọng của bể khi chất lượng nước thải thay đổi đột ngột đồng thời cũng giúp giảm lượng bùn thừa sinh ra trong quá trình xử lý do phần lớn bùn đã dính bám trên bề mặt vật liệu bên trong bể. Trong bể có bố trí bơm nước thải nhúng chìm để tuần hoàn nước về bể Anoxic.

Nước thải sau bể hiếu khí MBBR được đưa sang bể lắng.

Bể lắng:

Có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải, làm giảm SS được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể. Tại bể lắng, nước thải đi từ dưới lên trên qua ống trung tâm, bùn sẽ lắng xuống và được gom vào đáy bể. Bùn sau khi lắng có hàm lượng $\text{SS} = 8000-12000\text{mg/L}$, một phần sẽ bơm tuần hoàn trở lại bể sinh học hiếu khí (60-70% lưu lượng) để giữ ổn định mật độ cao vi khuẩn, tạo điều kiện phân hủy nhanh chất hữu cơ, đồng thời ổn định nồng độ $\text{MLSS} = 3000\text{mg/L}$. Lưu lượng bùn dư được bơm hút định kỳ. Để tăng hiệu quả lắng, chất trợ lắng được bổ sung vào bể lắng.

Phần bùn dư sẽ được bơm về bể chứa, để đưa đi xử lý.

Bể khử trùng:

Nước thải sau khi tách bùn được châm Chlorine (hoặc NaClO) khử trùng trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Chlorine, chất oxy hóa mạnh thường được sử dụng rộng rãi trong

quá trình khử trùng nước thải. Ngoài mục đích khử trùng, Chlorine còn có thể sử dụng để giảm mùi. Hàm lượng chlorine cần thiết để khử trùng cho nước sau lắng, 3-15mg/L. Hàm lượng chlorine cung cấp vào nước thải ổn định bằng bơm định lượng hóa chất. Nước sau khử trùng đạt cột B – QCVN 14:2008/BTNMT.

Xử lý bùn:

Quá trình xử lý sinh học trong bể sinh học hiếu khí sẽ làm gia tăng liên tục lượng bùn vi sinh trong bể sinh học. Đồng thời lượng bùn ban đầu sau thời gian sinh trưởng phát triển sẽ giảm khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải và chết đi và lắng xuống đáy bể. Lượng bùn này còn gọi là bùn dư và sẽ được đơn vị có chức năng thu gom - vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

Nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B) theo đường ống DN110 → hệ thống thoát nước thải chung của khu vực nằm dọc đường Nguyễn Du ở phía Bắc cơ sở.

Số điểm đầu nối thoát nước thải: 01 điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước chung khu vực. Tọa độ vị trí đầu nối: X = 2191276 (m); Y = 581381 (m);

Các thông số kỹ thuật của trạm xử lý nước thải tập trung của cơ sở được thống kê ở bảng sau:

Bảng 3.4. Kích thước các bể trong hệ thống xử lý nước thải của dự án
(Kích thước thước thông thủy, không bao gồm tường)

| STT | Tên hạng mục | Thông số kỹ thuật (m) | | |
|-----|------------------|-----------------------|------------|-----------|
| | | Chiều dài | Chiều rộng | Chiều cao |
| 1 | Bể thu gom | 1,3 | 3,4 | 2,5 |
| 2 | Bể điều hòa | 2,3 | 3,4 | 2,5 |
| 3 | Bể thiếu khí | 1,5 | 3,4 | 2,5 |
| 4 | Bể hiếu khí MBBR | 4,7 | 3,4 | 2,5 |
| 5 | Bể chứa bùn | 2,0 | 3,4 | 2,5 |
| 6 | Bể lắng cơ học | 0,8 | 3,4 | 2,5 |
| 7 | Bể khử trùng | 2,8 | 3,4 | 2,5 |

Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3.5. Bảng danh mục thiết bị của hệ thống xử lý nước thải

| TT | Danh mục | Mô tả | Đơn vị | Số lượng |
|----------|--------------------|-----------|--------|----------|
| I | BỂ ĐIỀU HÒA | | | |
| 1 | Bơm bể điều hòa | Thông số: | Cái | 2 |

| TT | Danh mục | Mô tả | Đơn vị | Số lượng |
|------------|----------------------------|--|--------|----------|
| | | - Model: CN100 - Q=16m ³ /h, H = 10m - Động cơ: 2,2 kW, 1 pha, 220V, 50Hz - Cấp độ bảo vệ: IP68 - Vật liệu: thân gang, cánh gang, trục Inox. | | |
| 2 | Phao quả (2 mức) | Thông số: - Loại: phao quả - Vật liệu: PP - Báo 02 mức (báo cạn) - Cấp bảo vệ động cơ IP68 | Bộ | 02 |
| 3 | Thiết bị lọc rác thô | Thông số: - Loại rổ, mắt lưới 6-10mm. - KT: 600x600x600mm. - Vật liệu: Inox | Bộ | 1 |
| II | BỂ THIÊU KHÍ ANOXIC | | | |
| 1 | Máy khuấy chìm | Thông số: - Lưu lượng: Q = 1,8 m ³ /min - Công suất: 0,5HP/0,4kW - Điện áp: 3pha/380V/50Hz - Chủng loại: Đặt chìm. - Vòng quay: 1425 vòng/phút | Cái | 2 |
| 2 | Giá đỡ | Thông số: - Kích thước: dày 2mm - Vật liệu chế tạo: Inox | Bộ | 1 |
| III | BỂ HIẾU KHÍ MBBR | | | |
| 1 | Bơm nước tuần hoàn | Thông số: - Model: CN100 - Q=16m ³ /h, H = 10m - Động cơ: 2,2 kW, 1 pha, 220V, 50Hz - Cấp độ bảo vệ: IP68 - Vật liệu: thân gang, cánh gang, trục Inox. | Cái | 2 |
| 2 | Hệ thống phân phối khí | Thông số: - Loại dàn khí. - Vật liệu: ống nhựa PVC - Đường kính: D43mm | Cái | 368 |
| IV | BỂ LẮNG | | | |
| 1 | Bơm bùn | Thông số: | Cái | 2 |

| TT | Danh mục | Mô tả | Đơn vị | Số lượng |
|-----------|--------------------------------|---|----------|----------|
| | | - Model: CN80 - Q=16m ³ /h, H = 10m - Động cơ: 2,2 kW, 1 pha, 220V, 50Hz - Cấp độ bảo vệ: IP68 - Vật liệu: thân gang, cánh gang, trục Inox. | | |
| VI | THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÁC | | | |
| 1 | Máy thổi khí | Thông số: Model: TH65 - Lưu lượng: Q = 4 m ³ /min. - Cột áp: H = 4 mH ₂ O - Công suất: P = 5,5 kW - Điện áp: 3pha/380V/50Hz | Cái | 2 |
| 2 | Bơm định lượng hoá chất | Thông số: - Lưu lượng: Q = 3 m ³ /h. - Cột áp: H = 8 mH ₂ O - Công suất: P = 0,25 kW - Điện áp: 1pha/220V/50Hz | Cái | 1 |
| 3 | Bồn chứa hoá chất | Thông số: - Thể tích: V = 500 lít - Vật liệu: Nhựa tổng hợp | Cái | 1 |
| 4 | Tủ điện điều khiển | Thông số - Tủ bằng thép, sơn tĩnh điện. - Thiết bị lắp đặt cho tủ bao gồm: đồng hồ V/A; Aptomat, Contactor, rơ le nhiệt, rơ le thời gian... - Chế tạo, lắp đặt theo nguyên lý hoạt động và điều khiển hệ thống thiết bị trong trạm xử lý - Loại tủ điện lắp trong nhà | Hệ thống | 1 |
| 5 | Đồng hồ đo lưu lượng sau xử lý | Bao gồm - Đồng hồ đo lưu lượng nước thải sau xử lý. - Kích thước: DN100 - Nồi Bích | Cái | 1 |
| 6 | Hệ thống đường ống công nghệ | Thi công lắp đặt theo hồ sơ thiết kế thi công | Hệ thống | 1 |
| 7 | Hệ thống dây dẫn điện | Thi công lắp đặt theo hồ sơ thiết kế thi công | Hệ thống | 1 |

Nhu cầu sử dụng hóa chất cho xử lý nước thải của hệ thống:

Bảng 3.6. Nhu cầu sử dụng hóa chất xử lý nước thải

| STT | Tên hóa chất | Đơn vị | Khối lượng |
|-----|--------------|---------|------------|
| 1 | Clorin | kg/ngày | 5,0 |

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Cơ sở cử ra ban Quản trị có độ kỹ thuật điện, nước chịu trách nhiệm vận hành hệ thống xử lý. Kinh phí vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung được lấy từ kinh phí công tác bảo vệ môi trường hàng năm của cơ sở. Ngoài ra, áp dụng một số biện pháp sau đây:

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước thải. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

+ Định kỳ 6 tháng/lần thu gom bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý cùng chất thải nguy hại bởi đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

+ Định kỳ (6 tháng/lần) bổ sung chế phẩm vi sinh vào các ngăn phân hủy kỵ khí để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình.

Toàn bộ các dòng nước thải của dự án bao gồm: Nước nhà tắm, rửa tay; Nước thải nhà vệ sinh sau khi xử lý qua các công trình xử lý bậc 1 (bể tự hoại) sẽ được thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung của cơ sở có công suất 70,0 m³/ngày.đêm để xử lý. Nước sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Sau đó, được thải ra hệ thống cống thoát nước thải của khu vực nằm trên đường Nguyễn Du ở phía Bắc cơ sở. Tọa độ xả thải: X = 2191276 (m); Y = 581381 (m) (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°).

*** Đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung:**

- Về công suất xử lý:

Với lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất là 45,5 m³/ngày.đêm. Như vậy, với hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 70 m³/ngày.đêm hoàn toàn đáp ứng đủ công suất xử lý nước thải cho cơ sở.

- Về hiệu quả xử lý:

Qua kết quả phân tích chất lượng nước thải sau khi xử lý tại cơ sở cho thấy: các chỉ tiêu đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cho phép thải ra nguồn nước tiếp nhận.

Như vậy, hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở hiện đang hoạt động tốt và đạt được hiệu quả xử lý cao.

Cơ sở cam kết sẽ vận hành hệ thống xử lý tập trung, hệ thống khử trùng đúng quy trình để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường.

** Một số hình ảnh của hệ thống xử lý nước thải*



3.2. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý bụi, khí thải

a. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải do phương tiện giao thông

Trong giai đoạn hoạt động các phương tiện giao thông ra vào cơ sở chủ yếu là xe máy, ô tô. Dự báo phương tiện giao thông ra vào cơ sở như sau:

Bảng 3.7. Số lượng phương tiện giao thông ra vào cơ sở

| TT | Loại xe | Lưu lượng (xe/ngày) | | Tổng cộng (xe) |
|----|------------------|---------------------|---------------------|----------------|
| | | Cán bộ nhân viên | Khách đến giao dịch | |
| 1 | Xe gắn máy (N1) | 50 | 600 | 650 |
| 2 | Xe Ô tô (N2) | 20 | 130 | 150 |
| | Tổng cộng | 70 | 730 | 800 |

Theo thống kê thời gian hoạt động của phương tiện tập trung lớn nhất tại thời điểm vào làm và tan lan (khoảng 2h). Do đó, để có thể xác định tải lượng các chất ô nhiễm lớn nhất từ phương tiện giao thông, chúng tôi tính toán lưu lượng phương tiện giao thông ra vào khách sạn trong giờ cao điểm.

Ta xác định được số lượt xe máy và ô tô trong giờ cao điểm lần lượt là:

+ Lưu lượng xe máy: $N_1 = 650$ xe/h

+ Lưu lượng ô tô: $N_2 = 150$ xe/h.

Tải lượng phát thải bụi và khí thải do phương tiện giao thông được tính theo công thức: $E_M = (K_{M1} \times N_1) + (K_{M2} \times N_2)$

Trong đó:

E_M - Là tải lượng của chất ô nhiễm (μ g/m.s)

K_{M1}, K_{M2} - Hệ số ô nhiễm trung bình của chất ô nhiễm của xe máy, ô tô (μ g/m).

Theo thống kê của Tổ chức Y tế thế giới WHO, hệ số ô nhiễm trung bình của các phương tiện được cho trong bảng sau:

Bảng 3.8. Hệ số ô nhiễm trung bình do các phương tiện giao thông

| TT | Chất ô nhiễm | Hệ số ô nhiễm trung bình ($\mu\text{g}/\text{m}$) | |
|----|-----------------|---|----------------------------|
| | | Xe máy (K _{M1}) | Xe ô tô (K _{M2}) |
| 1 | Bụi | 80 | 70 |
| 2 | NO _x | 140 | 1.190 |
| 3 | CO | 16.700 | 7.720 |
| 4 | SO ₂ | 600xS | 840xS |

(Ghi chú: Hàm lượng lưu huỳnh có trong dầu, $S = 0,05\%$)

Thay giá trị các thông số ta có tải lượng các chất ô nhiễm do phương tiện giao thông được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.9. Tải lượng các chất ô nhiễm từ phương tiện giao thông

| Loại xe | Tải lượng các chất ô nhiễm (mg/m.s) lúc cao điểm | | | |
|------------------|--|-----------------|--------------|----------------------------------|
| | Bụi | NO _x | CO | SO ₂ |
| Xe máy | 0,013 | 0,022 | 2,667 | $4,79.10^{-5}$ |
| Xe ô tô | 0,001 | 0,010 | 0,064 | $3,50.10^{-6}$ |
| Tổng cộng | 0,013 | 0,032 | 2,732 | $5,14.10^{-5}$ |

- **Nồng độ các chất ô nhiễm từ phương tiện giao thông:**

Áp dụng mô hình tính toán Sutton [3.2] để xác định nồng độ của chất ô nhiễm.

Kết quả tính toán nồng độ bụi và khí thải từ phương tiện giao thông được cho trong bảng sau.

Bảng 3.10. Nồng độ các chất ô nhiễm từ phương tiện giao thông

| Nồng độ chất ô nhiễm | Khoảng cách (m) | | | | | QCVN 05:2023/BTNMT ($\mu\text{g}/\text{m}^3$) |
|---|-----------------|---------|---------|---------|---------|---|
| | x=5 | x=10 | x=50 | x=100 | x=200 | |
| Tốc độ gió nghiên cứu $u = 1,2$ m/s | | | | | | |
| Bụi | 140,4 | 125,0 | 116,1 | 115,1 | 114,6 | 300 |
| CO | 8.319,6 | 5.464,9 | 3.808,8 | 3.625,0 | 3.528,1 | 30.000 |
| SO ₂ | 103,3 | 97,2 | 93,6 | 93,2 | 93,0 | 350 |
| NO ₂ | 190,0 | 128,4 | 81,0 | 75,7 | 73,0 | 200 |
| Tốc độ gió nghiên cứu $u = 2,1$ m/s | | | | | | |
| Bụi | 133,6 | 121,8 | 115,2 | 114,6 | 114,3 | 300 |
| CO | 7.053,9 | 4.866,5 | 3.645,8 | 3.527,5 | 3.469,5 | 30.000 |
| SO ₂ | 100,6 | 95,9 | 93,2 | 93,0 | 92,9 | 350 |
| NO ₂ | 173,8 | 111,2 | 76,3 | 72,9 | 71,3 | 200 |

- **Ghi chú:** QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng

không khí xung quanh.

- Nhận xét:

Qua bảng trên ta thấy với tốc độ gió càng lớn thì nồng độ các khí ô nhiễm càng giảm, tại tốc độ gió $u = 1,2 \text{ m/s}$ thì nồng độ các khí ô nhiễm là lớn nhất. So sánh nồng độ bụi và khí thải từ phương tiện giao thông tại lúc cao điểm với QCVN 05:2023/BTNMT cho thấy: Hầu hết nồng độ các chất ô nhiễm đều nằm trong giới hạn QCCP.

Các công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động giao thông được cơ sở áp dụng:

- Thường xuyên quét dọn sạch sẽ trong khuôn viên trường nhằm hạn chế bụi cuốn theo các phương tiện giao thông ra vào.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của cơ sở để tăng hiệu suất sử dụng nhiên liệu và giảm phát thải khí độc hại.

- Định kỳ kiểm tra máy móc, thiết bị của cơ sở theo quy định của cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo an toàn về mặt sử dụng và môi trường.

- Giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hệ thống xử lý nước thải, nắp đậy hố gas để giảm thiểu mùi hôi; trường hợp cần thiết sẽ bổ sung chế phẩm sinh học vào hệ thống xử lý nước thải để giảm mùi hôi; rác thải sinh hoạt tập kết được vận chuyển đi xử lý hàng ngày, hạn chế khả năng phân hủy rác thải gây mùi hôi và nước rỉ rác.

- Bố trí hệ thống thông gió cưỡng bức tại các khu vực nhà vệ sinh để giảm thiểu mùi.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên để ngăn sự phát tán bụi ra môi trường xung quanh, điều hòa không khí và giảm thiểu mùi hôi.

b. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ máy phát điện

Trong trường hợp mất điện lưới, cơ sở sẽ sử dụng 01 máy phát điện công suất 500 KVA, lượng dầu tiêu thụ cho 1 máy khoảng 40 lít/h. Thời gian hoạt động của cơ sở là 24h/ngày. Với thời gian hoạt động của máy phát điện như trên thì nhu cầu sử dụng dầu DO lớn nhất trong 01 ngày là: $M_{\text{dầu}} = 40 \text{ lít/h} \times 24\text{h/ngày} = 960 \text{ lít/ngày}$.

Quá trình đốt dầu Diesel để vận hành máy phát điện sẽ đưa vào không khí các loại khí thải độc hại như: SO_2 , NO_x , CO ... gây ô nhiễm môi trường không khí. Lượng khí thải phát sinh khi đốt 1kg dầu Diesel thải ra 25m^3 khí thải. (Theo Nguồn: Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải- GS.TS Trần Ngọc Chân - NXB Khoa học kỹ thuật, năm 2000). Với trọng lượng riêng của dầu DO là $0,89\text{kg/lít}$. Vậy đốt 1 lit DO thải ra $22,25\text{m}^3$. Vậy lượng khí thải sinh ra từ máy phát điện là:

$$Q = 22,25 \text{ m}^3/\text{lít} \times 40 \text{ lít/h} = 890 \text{ m}^3/\text{h}.$$

Vì nguồn thải này không phát sinh thường xuyên, liên tục, nên khu vực đặt máy phát điện đặt tách biệt so với khu vực làm việc để không gây ảnh hưởng tới môi trường và

sức khỏe của cán bộ, nhân viên, khách đến sử dụng dịch vụ.

Khí thải của máy phát điện dự phòng đã tích hợp trong hệ thống ống thoát khí thải của động cơ diesel kèm theo máy thoát ra môi trường.

c. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu do bụi, khí thải từ hoạt động của các công trình xử lý môi trường

- Khí thải phát sinh từ khu vực tập kết chất thải rắn: Trong giai đoạn hoạt động, ô nhiễm mùi có thể phát sinh do quá trình lên men và phân hủy chất hữu cơ có trong rác thải, do thức ăn bị ôi thiu, thổi rửa tạo điều kiện cho các vi sinh vật phát triển. Ô nhiễm mùi còn có thể phát sinh từ nhà bếp, khu tập trung rác thải, từ hệ thống hồ gas ...

Tại các thùng chứa rác đặt dọc theo các tuyến đường của dự án sẽ phát sinh khí, mùi từ quá trình phân hủy kỵ khí các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy có trong rác thải nếu như không có biện pháp thu gom, xử lý kịp thời và đúng quy định. Bên cạnh đó còn có mùi hôi phát sinh từ hệ thống thoát nước thải bao gồm khí NH₃, H₂S...

Tại vị trí khu vực tập kết chất thải, trong điều kiện không khí ẩm ướt, nóng bức,... có thể phát sinh quá trình lên men và phân hủy hữu cơ rác thải diễn ra trong các thùng chứa làm phát sinh các mùi hôi thối (khí CH₄, CO₂, H₂S,...). Mùi hôi thối phát sinh làm cho người làm việc gần vị trí này hoặc đi qua khu vực này sẽ cảm thấy khó chịu, đau đầu, mệt mỏi và gây ô nhiễm cho môi trường xung quanh. Song rác thải sinh hoạt được thu gom cẩn thận, lưu trữ trong những thùng chứa rác có nắp đậy và được thu gom vận chuyển đi hàng ngày nên vấn đề ô nhiễm mùi sẽ được hạn chế.

Hiện nay, việc đo và xác định giới hạn cho phép mùi hôi còn chưa được quy định và chưa có một loại thiết bị, máy móc nào có thể phân tích được chỉ tiêu này. Chúng chỉ được xác định thông qua cảm tính và phụ thuộc vào tâm sinh lý của con người. Để tránh tình trạng CTR tràn lan hay bị phân hủy bởi các thành phần trong môi trường, toàn bộ CTR sinh hoạt sẽ được hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom hằng ngày.

- Khí thải phát sinh từ hệ thống thu gom, hệ thống xử lý nước thải: Mùi hôi sinh ra từ hệ thống XLNT do sự phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải tạo thành nhiều chất khí khác nhau: NH₃, H₂S, CO₂, Mercaptane,... gây mùi hôi khó chịu. Trong đó, H₂S và Mercaptane là các chất gây mùi hôi chính, còn CH₄ là chất gây cháy nổ nếu bị tích tụ ở một nồng độ nhất định. Mùi hôi đặc trưng thường phát sinh ở các hố ga bố trí dọc theo hệ thống thu gom nước thải. Cường độ mùi tăng cao nếu không có biện pháp giảm thiểu hữu hiệu.

Các nguồn gây ô nhiễm bên ngoài từ thùng chứa rác thải được kiểm soát chặt chẽ bằng các biện pháp quản lý phù hợp. Các nắp cống được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi ra xung quanh. Do đó, tác động do ô nhiễm mùi hôi tại cơ sở là tương đối thấp.

Hệ thống thoát nước thải được xây dựng kín và ngầm dưới đất nên hạn chế hiện tượng phát sinh mùi. Xây dựng tháp khử mùi cho hệ thống XLNT.

- Bên cạnh đó, Cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau:

+ Đối với rác từ song chắn rác sẽ được thu gom liên tục và cho vào thùng chứa có nắp đậy kín và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom hằng ngày, không lưu trữ quá lâu để các vi khuẩn gây mùi không có cơ hội phát triển.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống phân phối khí và sục khí để duy trì điều kiện hiếu khí, giảm thiểu việc phát sinh các khí gây mùi như H_2S , NH_3 ,...

+ Thường xuyên kiểm tra chế độ bơm nước thải tại các bể để đảm bảo thời gian lưu nước tại các bể, tránh tình trạng phân hủy kỵ khí.

+ Bùn thải phát sinh từ HTXLNT được bơm về bể chứa bùn và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến hút bùn và xử lý.

3.3. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trong công ty bao gồm: giấy vụn, văn phòng phẩm, thực phẩm thừa, bọc nylon, giấy, lon, chai,... phát sinh khoảng 80 kg/ngày, tương ứng 28,8 tấn/năm.

Chất thải rắn sinh hoạt này chiếm thành phần các chất hữu cơ cao (chiếm 70% tổng lượng rác thải sinh hoạt) nên phân hủy rất nhanh gây ô nhiễm mùi ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh. Do đó, nguồn thải này phải được thu gom và xử lý hợp lý để không gây ảnh hưởng đến môi trường. Để giảm thiểu tác động tiêu cực do CTR sinh hoạt gây ra, chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

- Cán bộ nhân viên, khách đến sử dụng dịch vụ không vứt rác bừa bãi. Rác thải sinh hoạt được phân loại, thu gom và lưu trữ tại các thùng chứa có dung tích đặt tại khu vực hành lang mỗi tầng. Tận dụng chất thải thực phẩm làm thức ăn chăn nuôi.

+ Tại các phòng nghỉ: Trong mỗi phòng nghỉ của khách sạn, phòng làm việc sẽ trang bị 02 thùng rác đạp chân loại 5,0 lít. Như vậy, với quy mô tổng số phòng nghỉ là 140 phòng thì chủ đầu tư sẽ trang bị 280 thùng chứa rác thải sinh hoạt loại 5,0l.

+ Tại khu vực hành lang của tầng: Bố trí 02 thùng đựng rác loại 50 lit đặt tại hai đầu hành lang trong khu nhà tại mỗi tầng, tổng số thùng chứa rác loại 50 lit khoảng 20 thùng.

+ Tại khu vực nhà ăn: Bố trí 04 thùng đựng rác loại 100 lit để chứa rác thải.

+ Tại các khu vực khác: Khu vực lễ tân, phòng thu ngân, phòng hành chính, phòng kỹ thuật, phòng hội thảo, khu tập thể dụcbố trí mỗi phòng 2 thùng đựng rác loại 5,0 lit, tổng số lượng khoảng 20 thùng.

- Định kỳ ngày 02 lần nhân viên vệ sinh khách sạn thu gom về 01 thùng chứa tập trung có thể tích 500 lít đặt ở góc phía Đông Bắc của khách sạn và dùng chế phẩm EM để phun khử mùi và ruồi muỗi tập trung với nồng độ 20ml chế phẩm EM thứ cấp/1 lít nước.

- Đối với rác thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa và hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị thanh Hoá thu gom và xử lý.

b. Đối với bùn cặn phát sinh từ các công trình xử lý môi trường

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

Theo tính toán thiết kế công trình xử lý nước thải của Trịnh Xuân Lai (NXB Xây dựng, 2000), lượng bùn dư phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (Tổng công suất 70,0 m³/ngày) của dự án:

$$\begin{aligned} Q_{\text{bùn}} &= Q \times (0,8 \times m\text{SS} + 0,3 \times m\text{BOD}_5) \\ &= 70,0 \times (0,8 \times 0,315 + 0,3 \times 0,1) = 19,74 \text{ kg/ngày.} \end{aligned}$$

Bùn dư từ hệ thống XLNT của dự án được phân loại là bùn sinh học (biosolids), không phải chất thải nguy hại. Ngoài thành phần chất hữu cơ cao, bùn thải còn chứa mầm bệnh, bùn chưa ổn định, còn phân hủy tự nhiên là nguồn nguy hại đến sức khỏe và môi trường, cho nên cần có biện pháp xử lý bùn sinh học này.

- Bùn từ bể tự hoại:

Thể tích bùn từ bể tự hoại được tính toán như sau:

$$W_b = a \times N \times t \times (100 - P_1) \times 0,7 \times 1,2 (100 - P_2)/100.000$$

Trong đó:

- + Tiêu chuẩn cặn lắng cho 1 người, $a = 0,4 - 0,5$ lít/người.ngày.đêm (chọn $a=0,5$)
- + N- Số người, khoảng 500 người (thường xuyên).
- + t- Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại, $t = 180 - 720$ ng.đêm (chọn $t=300$)
- + 0,2 - Hệ số tính đến 30% cặn đã được phân giải
- + 1- Hệ số tính đến 20% cặn được giữ lại bể tự hoại để "nhiễm vi khuẩn" cho cặn tươi
- + P1- Độ ẩm của cặn tươi, $P_1 = 95\%$
- + P2- Độ ẩm tb của cặn trong bể tự hoại, $P_2 = 90\%$

Khối lượng bùn từ các bể tự hoại:

$$\begin{aligned} &500 \text{ người} \times 0,5 \times 300 \times (100-95) \times 0,7 \times 1,2 \times (100-90)/100.000 \\ &\approx 31,5 \text{ m}^3/\text{năm} = 0,086 \text{ m}^3/\text{ngày} \end{aligned}$$

Vậy lượng bùn phát sinh một ngày khoảng 0,086m³ (theo định mức số 1784/BXD-VP ngày 16/08/2007 của Bộ xây dựng, 1m³ bùn hoa =1.150kg): 0,086 m³ x 1.150 kg/m³ = 98,9 kg/ngày. Bùn từ các bể tự hoại có độ ẩm, hàm lượng hữu cơ và dinh dưỡng cao. Ngoài ra còn có mùi hôi khó chịu, do đó, chủ dự án sẽ có biện pháp phù hợp để xử lý lượng bùn này.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ nạo hút vận chuyển xử lý với tần suất như sau:

- Đối với bùn cặn phát sinh từ các bể tự hoại, hệ thống xử lý tập trung: tần suất nạo hút 06 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ các hệ thống thu gom, hố ga: tần suất nạo hút 06 tháng/lần.

3.4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở như: bóng đèn, mực in, thùng chứa mực,... với khối lượng không lớn khoảng 200kg/năm. Thành phần chất thải nguy hại được phân loại theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 như sau:

Bảng 3.11: Thành phần chất thải nguy hại

| TT | Tên chất thải | Mã chất thải | Khối lượng phát sinh (kg/năm) |
|------------------------|------------------------------------|--------------|-------------------------------|
| 1 | Pin- ắc quy thải | 16 01 12 | 3,0 |
| 2 | Bóng đèn huỳnh quang | 16 01 06 | 8,0 |
| 3 | Dầu mỡ thải, Giẻ lau dính dầu thải | 17 02 03 | 6,0 |
| 4 | Hộp mực in | 08 02 06 | 3,0 |
| Tổng khối lượng | | | 20,0 |

Cơ sở thực hiện các biện pháp xử lý như sau:

- Trang bị 02 thùng kín có nắp đậy để chứa chất thải nguy hại loại 60l, bên ngoài thùng được dán nhãn mã chất thải nguy hại để thu gom và phân loại theo quy định.

- Bố trí 1 nhóm công nhân có trách nhiệm thu gom cả chất thải nguy hại từ các khu vực phát sinh vào khu chứa chất thải nguy hại. Công nhân thu gom chất thải nguy hại của Cơ sở được trang bị các bảo hộ lao động.

- Cơ sở sẽ ký Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển đi xử lý định kỳ (01 lần/năm) hoặc theo tình hình phát sinh thực tế tại cơ sở.

- Cơ sở bố trí khu vực chứa chất thải nguy hại ở góc phía Đông Bắc của cơ sở. Khu vực chứa có diện tích khoảng 10,0m²; phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

*** Hình ảnh kho chất thải nguy hại của cơ sở:**



3.5. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động do tiếng ồn, độ rung

Trong giai đoạn hoạt động, nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ hoạt động của cán bộ, nhân viên và khách đến sử dụng dịch vụ, hoạt động của các máy móc, thiết bị (như máy bơm nước, máy điều hòa không khí, máy phát điện dự phòng...) và từ các phương tiện giao thông (xe ô tô, xe gắn máy,...) cũng như hệ thống xử lý nước thải.

Bảng 3.12. Mức độ ồn của các thiết bị hoạt động

| Thiết bị | Mức công suất âm thanh (dBA) | | |
|------------------------|------------------------------|------------|-----|
| | Thấp | Trung bình | Cao |
| Máy bơm | 55 | 80 | 105 |
| Máy biến thế | 80 | 85 | 90 |
| Máy điều hòa không khí | 80 | 90 | 100 |
| QCVN 26:2010/BTNMT | 70 | | |

(Nguồn âm học và kiểm tra tiếng ồn, NXB Giáo dục, Nguyễn Hải, 2000)

Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông cá nhân như xe ô tô, xe gắn máy... Tiếng ồn này phát sinh từ động cơ, sự va chạm, sự rung động của các bộ phận xe, từ ống xả khói...

Theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT thì tiếng ồn tại khu vực thông thường vượt quá 70 dBA (6-21h) sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người như: Tiếng ồn có thể gây căng thẳng thần kinh, rối loạn sức khỏe tinh thần, rối loạn nhịp tim, hiệu suất làm việc kém, ảnh hưởng đến khả năng giao tiếp.

Tuy nhiên, đây là những hoạt động phát sinh tiếng ồn thông thường, tác động không lớn đến các đối tượng xung quanh.

Trong quá trình hoạt động của dự án để giảm thiểu tiếng ồn từ các máy móc, thiết bị như: Hoạt động của các phương tiện tham gia giao thông,... cần thực hiện các biện pháp như sau:

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị máy móc vận hành dự án nếu phát hiện hư hỏng cần có biện pháp thay thế để đảm bảo quá trình vận hành tốt.

3.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với các rủi ro, sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ, sét đánh

* Nguyên nhân có thể xảy ra cháy nổ:

- Sự cố cháy nổ liên quan đến thiết bị điện do rò rỉ, chập mạch, điện áp không ổn định, hiện tượng quá tải trong vận hành thiết bị điện và sự thiếu cẩn trọng của cán bộ, nhân viên tại cơ sở trong việc sử dụng các thiết bị điện.

- Sự cố sét đánh có thể dẫn đến cháy nổ...

Sự cố cháy nổ xảy ra trong giai đoạn này thường gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản của Chủ cơ sở. Mặt khác, với nguồn nhiệt lớn khi cháy có thể gây sụp đổ cấu kiện

xây dựng của các công trình, ảnh hưởng đến môi trường nghiêm trọng. Khói của đám cháy có thể mang theo nhiều loại hoá chất, hơi, khí độc hại, làm ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước, gây ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh. Khí độc còn là yếu tố gây cản trở khả năng cứu hoả, dập tắt đám cháy. Tại những nơi tập trung đông người khi sự cố cháy nổ xảy ra là rất nguy hiểm đến tài sản và tính mạng con người.

Để đảm bảo an toàn trong giai đoạn hoạt động, cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Hệ thống báo cháy tự động:

+ Trung tâm báo cháy tự động địa chỉ 30 kênh lắp đặt tại khu vực lễ tân nơi có người trực 24/24h..

- Thi công lắp đặt 411 đầu báo cháy khói, 76 đầu báo cháy nhiệt, 36 bộ nút ấn chuông đèn báo cháy tại mỗi tầng.

- Hệ thống hút khói hành lang, hệ thống tăng áp buồng thang, hút khói tầng hầm: Hệ thống có kết nối liên động với hệ thống báo cháy tự động.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy:

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà: Trang bị 03 họng chữa cháy vách tường tại mỗi tầng kèm theo mỗi họng là hộp đựng lăng vòi chữa cháy (01 cuộn vòi D50 dài 20m, 01 lăng B).

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà: Thi công lắp đặt 03 trụ chữa cháy 02 cửa D65 kèm mỗi trụ là 01 hộp đựng lăng vòi chữa cháy (gồm: 02 cuộn vòi D65 dài 20m, 01 lăng A).

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkle: Thi công lắp đặt 803 đầu phun Sprinkle tại các tầng.

- Lắp đặt 01 bơm điện và 01 bơm động cơ Diesel có cùng thông số kỹ thuật $Q = 200-600\text{m}^3/\text{h}$, cột áp $H = 116-76\text{m}$, 01 máy bơm bù có thông số kỹ thuật $Q = 2,4-10,2\text{m}^3/\text{h}$, cột áp $H = 130-462\text{m}$.

- Phương tiện chữa cháy tại chỗ: Cơ sở đã trang bị bình chữa cháy xách tay mỗi tầng gồm 20 bình chữa cháy MFZL4, 10 bình chữa cháy khí MT3. Kiểm tra hoạt động bình thường.

- Trang bị 05 bộ quần áo chữa cháy, bao gồm: quần, áo, găng tay, mũ, khẩu trang, đã được kiểm định theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT- BCA của Bộ công an.

- Trang bị các phương tiện CNCH gồm búa, rìu, kim cộng lực, cáng cứu thương, tủ thuốc... cơ bản đảm bảo CNCH trong trường hợp xảy ra sự cố tại khách sạn.

- Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: Trang bị, lắp đặt trên đường, lối thoát nạn của các khu vực, có nguồn điện dự phòng riêng biệt.

- Hệ thống điện: Trong cơ sở có 01 trạm biến áp (750KVA) phục vụ điện sinh hoạt cho khách sạn. Tủ điện tổng được đặt tại khu vực trạm biến áp các khu vực có lắp đặt aptomat riêng, có nguồn điện dự phòng (máy phát điện).

- Hệ thống chống sét: Kim thu sét, dây dẫn, mối nối của dây dẫn bảo đảm yêu cầu chống sét. Định kỳ hàng năm, cơ sở tiến hành đo điện trở nối đất, giá trị đo đảm bảo theo tiêu chuẩn chống sét cho nhà, công trình theo quy định tại TCVN 9385:2012.

- Khu vực kinh doanh dịch vụ Karaoke:

+ Hệ thống báo cháy tử trung tâm đã được kết nối liên động với hệ thống điện của dàn âm thanh, ánh sáng tại các phòng hát kinh doanh dịch vụ karaoke.

+ Cơ sở đã trang bị bộ búa tạ, kìm cộng lực, xà beng, rìu,... và mặt nạ lọc độc bố trí tại khu vực kinh doanh dịch vụ karaoke tầng 3.

+ Khu vực kinh doanh dịch vụ karaoke và khu vực khác đã được ngăn cách nhau bằng tường ngăn cháy.

- Định kỳ tập huấn cho cán bộ nhân viên cơ sở về phòng cháy và các biện pháp xử lý khi xảy ra cháy.

3.6.2. Biện pháp giảm thiểu rủi ro, sự cố tai nạn lao động

Đối với vấn đề an toàn lao động: Bất kỳ một quy trình làm việc nào cũng tiềm ẩn nguy cơ về tai nạn lao động. Mặc dù nguy cơ xảy ra rủi ro tác động đến con người, tài sản và môi trường là không nhiều tuy nhiên cần chú ý đến những yếu tố như vấn đề an toàn khi sử dụng điện, an toàn trong quá trình làm việc tiềm ẩn nhiều nguy cơ về tai nạn lao động. Đây là những nguồn có khả năng gây tác động lớn đến giá trị về tài sản, tính mạng con người và môi trường.

Do vậy, cơ sở đã xây dựng kế hoạch hướng dẫn, ban hành nội quy về an toàn lao động trong quá trình làm việc của cán bộ, nhân viên. Trong quá trình làm việc sẽ thực hiện các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- Trang bị các trang thiết bị và dụng cụ y tế và thuốc men cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện;

- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố;

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố (nếu có);

- Có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên ít nhất 01 lần/năm, việc khám sức khỏe được các đơn vị chuyên môn thực hiện và tuân thủ theo quy định tại Thông tư 19/2016/TT-BYT ngày 30/06/2016 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

3.6.3. Biện pháp giảm thiểu rủi ro, sự cố do hư hỏng hệ thống xử lý chất thải

- Đối với hệ thống thu gom chất thải rắn: Thường xuyên kiểm tra các thùng đựng và thu gom rác thải, hệ thống thang rác nếu bị hỏng phải được thay thế kịp thời.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Hiện tại hệ thống thu gom, xử lý nước thải của

cơ sở đã hoạt động ổn định, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố được áp dụng như sau:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống đường ống thu, thoát nước, nước thải tập trung; Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút bùn từ hệ thống bể tự hoại.

- Đối với những máy móc thiết bị thường xuyên bị hỏng như motor, máy bơm nước... cơ sở luôn có thiết bị dự phòng nhằm thay thế khi cần thiết. Thời gian khắc phục sự cố khoảng 5 giờ kể từ lúc phát sinh sự cố.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

- + Trạm xử lý nước thải sẽ được kết nối với 2 nguồn điện: Nguồn điện lưới và nguồn máy phát dự phòng để đảm bảo trạm không bị mất điện trong quá trình vận hành.

- + Công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của Hệ thống xử lý nước thải tập trung và trong các đường ống thu gom, các hố ga, giếng thăm.

- + Các thiết bị như bơm, máy thổi khí đều được bố trí dự phòng 100% công suất nên khi có sự cố thì có thể được thay thế thiết bị hư hỏng mà không ảnh hưởng đến vận hành của trạm xử lý nước thải.

- + Hệ thống bể điều hòa, bể khử trùng chỉ có lắp các thiết bị bơm có thiết kế mối nối tháo lắp nhanh auto coupling. Khi có sự cố sẽ thay thế bơm hư hỏng mà không phải dừng vận hành hệ thống bể đảm bảo vận hành liên tục cho trạm xử lý nước thải.

- + Đối với hệ bể vi sinh (Bể thiếu khí, bể hiếu khí) và bể lắng đều được thiết kế 2 mô đun, hệ số vượt tải thiết kế của toàn hệ thống là 20%; trong quá trình vận hành khi có sự cố 01 bể thì các bể còn lại vẫn đáp ứng vận hành bình thường tới 60% công suất hệ thống. Phần nước thải 40% còn lại sẽ được trữ tại bể điều hòa và bể tự hoại của dự án đảm bảo không phát sinh nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường.

- + Tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy

định trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, đơn vị quản lý vận hành hệ thống hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3.6.4. Biện pháp giảm thiểu tác động do lan truyền dịch bệnh

Một số bệnh dịch truyền nhiễm như cúm, sốt virus, sởi... do đó cơ sở cần bố trí các biện pháp sau:

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh cho đội ngũ cán bộ, nhân viên dưới nhiều hình thức như nói chuyện qua các buổi họp, thông qua bảng tin truyền thông giáo dục sức khỏe phòng y tế, qua áp phích,...

- Tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh, vệ sinh môi trường. Phối hợp với cán bộ, nhân viên ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh nơi công cộng. Chủ động phòng chống dịch bệnh theo mùa.

- Thực hiện đúng quy trình xử lý khi có ca bệnh (khi phát hiện 1 - 2 ca bệnh):

- Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác phòng chống dịch bệnh trong cơ sở:

+ Xây dựng kế hoạch tự kiểm tra về công tác phòng chống dịch bệnh tại cơ sở.

+ Định kỳ thực hiện tổng vệ sinh môi trường nơi làm việc.

+ Tổ chức các đợt cao điểm tổng vệ sinh cơ sở phòng chống dịch bệnh, thu gom phế thải phòng chống dịch sốt xuất huyết.

+ Thực hiện xây dựng môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp, an toàn.

3.6.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố do giật điện

- Cơ sở bố trí cán bộ kỹ thuật có chuyên môn về điện giám sát, bảo dưỡng hệ thống điện của cơ sở hàng ngày.

- Thực hiện bảo dưỡng máy móc sản xuất định kỳ, tần suất dự kiến 6 tháng/lần để phát hiện các sự cố trong đó có sự cố về điện, từ đó có phương án khắc phục kịp thời.

- Công nhân vận hành dây chuyền sản xuất sẽ được đào tạo trước khi vào làm việc chính thức.

- Công ty sẽ niêm yết quy trình vận hành máy móc tại từng thiết bị để công nhân nắm rõ, hạn chế việc vận hành sai gây sự cố và ảnh hưởng đến sản xuất.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc gồm khẩu trang, quần áo bảo hộ, găng tay, ...

3.6.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố mưa, bão, thiên tai

* Phòng chống sự cố bão lũ, mưa lớn:

- Thực hiện thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại đúng quy định.

- Bố trí lao công dọn dẹp mặt bằng khách sạn hàng ngày nhằm đảm bảo hành lang thoát nước cho hệ thống tiêu thoát nước mưa của cơ sở.

- Phối hợp với đơn vị có chức năng nạo vét cặn thải tại hệ thống tiêu thoát nước mưa tại cơ sở, tăng tần suất nạo vét trước thời điểm bắt đầu mùa mưa bão.

* Phòng chống sự cố do nắng nóng: thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu nhiệt dư

* Phòng chống sự cố sấm sét: Cơ sở đã lắp đặt hệ thống tiếp địa đảm bảo theo quy định, định kỳ tiến hành kiểm tra điện trở tiếp đất bởi đơn vị có chức năng.

3.6.7. Biện pháp giảm thiểu sự cố, rủi ro do ngộ độc thực phẩm

Để đảm bảo an toàn thực phẩm cho cơ sở áp dụng biện pháp sau:

- Khu vực nhà bếp, nơi chế biến thức ăn phải luôn sạch sẽ; có đủ dụng cụ bảo quản, chế biến riêng đối với thực phẩm sống, thực phẩm chín; có đủ dụng cụ chia, gói, chứa đựng thức ăn, dụng cụ ăn uống bảo đảm sạch sẽ, thực hiện chế độ vệ sinh hàng ngày; không sử dụng tay trực tiếp để chia thức ăn chín.

- Khu vực bếp trang thiết bị bảo quản theo yêu cầu của thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm (tủ lạnh, tủ mát, tủ đá...); bảo quản riêng biệt đối với thực phẩm sống, thực phẩm chín; bảo đảm vệ sinh và vệ sinh định kỳ.

- Nguyên liệu thực phẩm phải có nguồn gốc xuất xứ, bảo đảm an toàn; có hợp đồng về nguồn cung cấp theo quy định và không sử dụng phụ gia thực phẩm ngoài danh mục cho phép của Bộ Y tế.

- Trong quá trình chế biến thực phẩm: Rửa tay bằng xà phòng và nước sạch trước; Mặc quần áo sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng khi chuẩn bị thức ăn và dự án thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên khu vực bếp.

- Thực hiện lưu mẫu trong 24 giờ bằng tủ lưu mẫu, nhằm điều tra quá trình ngộ độc thực phẩm nếu xảy ra.

- Trường hợp khi xảy ra sự cố thì cần đưa người bệnh đến các cơ sở y tế để được điều trị sơ cấp cứu ban đầu sau đó được di chuyển lên Bệnh viện đa khoa Thanh Hoá.

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Căn cứ Quyết định 3549/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường dự án Nhà cao tầng kinh doanh khách sạn và giải trí, văn hoá, thể thao của Công ty Cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hoá.

Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cụ thể như sau:

Bảng 3.13. Nội dung thay đổi so với ĐTM được duyệt

| TT | Nội dung | Theo báo cáo ĐTM được duyệt | Nội dung thay đổi | Lý do thay đổi |
|-----------|------------------------------------|---|--------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Hệ thống xử lý nước thải tập trung | Sử dụng công nghệ sinh học kị khí, hiếu khí kết hợp | Sử dụng công nghệ AO | Đảm bảo phù hợp với thực tế sử dụng |

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải

+ **Nguồn số 1:** Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách ra vào khu vực kinh doanh dịch vụ tại khách sạn.

+ **Nguồn số 2:** Nước thải từ nhà hàng ăn uống.

+ **Nguồn số 3:** Nước thải từ khu vực giặt là.

*** Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống thoát nước thải của khu vực nằm trên đường Nguyễn Du, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Vị trí xả thải:

+ Toạ độ vị trí xả thải tại cửa xả (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 1050, múi chiều 30): X = 2191276 (m); Y = 581381 (m).

+ Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m² và có lối đi thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 69,5m³/ngày.đêm.

- Phương thức xả thải:

+ Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 70 m³/ngày.đêm xả ra hệ thống cống thoát nước thải của khu vực nằm trên đường Nguyễn Du, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá theo phương thức tự chảy.

+ Hình thức xả: Xả mặt.

+ Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2) đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2032 chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại QCVN 14:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, lưu lượng xả thải ≤ 2.000m³/ngày (24 giờ), cụ thể như sau:

Bảng 4. 1: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

| TT | Thông số | Đơn vị | Giá trị giới hạn cho phép | | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|----|----------|--------|---------------------------|---------------------|----------------------------|-----------------------------|
| | | | Cột B, k=1,2 QCVN 14:2008 | QCVN 14:2025/ BTNMT | | |

| | | | /BTNMT | | | |
|----|---|-----------|--------|-------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | pH | | 5 - 9 | 5 - 9 | | |
| 2 | Nhu cầu ôxy hoá học (COD) | mg/l | - | ≤90 | | |
| 3 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 120 | ≤60 | | |
| 4 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 12 | ≤8 | | |
| 5 | Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P) | mg/l | 12 | - | | |
| 6 | Nhu cầu ôxy sinh hoá BOD ₅ (20°C) | mg/l | 60 | ≤35 | | |
| 7 | Dầu mỡ, động thực vật | mg/l | 24 | ≤15 | Không thuộc đối tượng | Không thuộc đối tượng |
| 8 | Sunfua (tính theo H ₂ S) | mg/l | 4,8 | ≤0,5 | | |
| 9 | Tổng Nitơ (T-N) | mg/l | - | ≤30 | | |
| 10 | Tổng Phốt pho (T-P) | mg/l | - | ≤6,0 | | |
| 11 | Tổng các chất hoạt động bề mặt/ Chất hoạt động bề mặt anion | mg/l | 12 | ≤5 | | |
| 12 | Tổng Coliforms | MPN/100ml | 5000 | ≤5000 | | |
| 13 | Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) | mg/l | 60 | - | | |
| 14 | Tổng chất rắn hòa tan | mg/l | 1200 | - | | |

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện (lưu lượng 538,5 m³/h khi có phát sinh).

+ Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào cơ sở (lưu lượng không xác định).

- Vị trí phát sinh nguồn thải: Khuôn viên khách sạn Phương Hoàng 3, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Giá trị giới hạn đối với khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN

19:20024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $k_v=1$, $k_p=1$), cụ thể:

Bảng 4.2: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đối với khí thải

| TT | Thông số | Đơn vị | QCVN 19:2024/BTNMT (Cột B, $k_v=1$, $k_p=1$) |
|----|--|--------------------|---|
| 1 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | 30 |
| 2 | Cacbon oxit (CO) | mg/Nm ³ | 400 |
| 3 | Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) | mg/Nm ³ | 120 |
| 4 | Hydro sunfua (H ₂ S) | mg/Nm ³ | 7 |
| 5 | Nitơ oxit (NO _x tính theo NO ₂) | mg/Nm ³ | 400 |

4.3. Nội dung quản lý đối với tiếng ồn, độ rung

*** Nguồn phát sinh:**

- Nguồn số 01: Phòng đặt máy thổi khí, máy bơm của hệ thống XLNT tập trung
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

*** Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại Khu xử lý nước thải tập trung, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Nguồn số 02: Tại vị trí đặt máy phát điện dự phòng; phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

+ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|--|---------------------------|----------------------------|----------------------|
| | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA) | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA) | | |
| 1 | 70 | 55 | - | Khu vực thông thường |

QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Áp dụng từ ngày 14 tháng 11 năm 2025)

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép | | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|--|----------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------|
| | Từ 6 giờ đến 18 giờ (dBA) | Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA) | Từ 22 giờ đến 6 giờ (dBA) | | |
| 1 | 70 | 65 | 60 | - | Khu vực thông thường |

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung:

QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|--|--------------------------|----------------------------|----------------------|
| | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB) | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB) | | |
| 1 | 70 | 60 | - | Khu vực thông thường |

QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (Áp dụng từ ngày 14 tháng 11 năm 2025)

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép | | Tần suất quan trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|--|--------------------------|----------------------------|----------------------|
| | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB) | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB) | | |
| 1 | 75 | 70 | - | Khu vực thông thường |

4.4. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải

a. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

* Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

| TT | Tên chất thải | Mã chất thải | Khối lượng phát sinh (kg/năm) |
|------------------------|------------------------------------|--------------|-------------------------------|
| 1 | Pin- ắc quy thải | 16 01 12 | 3,0 |
| 2 | Bóng đèn huỳnh quang | 16 01 06 | 2,0 |
| 3 | Dầu mỡ thải, Giẻ lau dính dầu thải | 17 02 03 | 4,0 |
| 4 | Hộp mực in | 08 02 06 | 3,0 |
| Tổng khối lượng | | | 12,0 |

* Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:

| TT | Tên chất thải | Khối lượng phát sinh (kg/năm) |
|----|---|-------------------------------|
| I | Chất thải rắn sinh hoạt | 28.800 |
| II | Bùn cặn của công trình xử lý môi trường | 43.303 |
| | Tổng | 64.000 |

b. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:

b1.Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 10,0 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Mái lợp tôn, tường tôn bao quanh, nền bê tông; hồ ga thu gom, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

b2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Khu vực tập kết tạm: Diện tích 20,0 m².
- Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa vào thùng đưng có nắp đậy và bao bì.
- Thùng đưng và bao bì chứa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

b3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phải thường xuyên chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý để đảm bảo công suất lưu chứa của kho lưu giữ chất thải.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Cơ sở Khách sạn Phương Hoàng 3 - Công ty Cổ phần In và Vật tư Ba Đình Thanh Hoá luôn quan tâm và ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường. Trong thời gian hoạt động, cơ sở luôn duy thực hiện nghiêm túc các giải pháp đã nêu trong báo cáo ĐTM và quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM.

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

- Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý tại bể khử trùng.

Bảng 5.1. Kết quả phân tích nước thải sau hệ thống xử lý của cơ sở trong năm 2025

| T T | Thông số | Đơn vị | Kết quả quan trắc | | | | Cột B, k=1 QCVN 14:2008/ BTNMT |
|--------|--|------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------------------------|
| | | | Đợt 1 28/7/2025 | Đợt 2 29/7/2025 | Đợt 3 30/7/2025 | Đợt 4 2/11/2025 | |
| 1 | pH | - | 7,52 | 7,41 | 7,65 | 7,32 | 5-9 |
| 2 | BOD ₅ | mg/L | 22,5 | 18,1 | 24,1 | 11,0 | 50 |
| 3 | NH ₄ ⁺ (tính theo N) | mg/L | 4,87 | 4,78 | 4,90 | <0,5 | 10 |
| 4 | TSS | mg/L | 25,0 | 20,5 | 23,5 | 11,6 | 100 |
| 5 | Dầu mỡ động thực vật | mg/L | 3,20 | 2,10 | 2,80 | | 20 |
| 6 | Tổng Coliform | MPN/100 ml | 1400 | 2400 | 1700 | <1,8 | 5.000 |
| 7 | TDS | | | | | 178 | |
| 8 | NO ₃ ⁻ (tính theo N) | | | | | 0,68 | 50 |
| 9 | S ₂ ⁻ (tính theo H ₂ S) | | | | | <0,02 | 4,0 |
| 10 | Chất hoạt động bề mặt anion | | | | | 0,013 | 10 |
| 11 | PO ₄ ³⁻ (tính theo P) | | | | | 0,26 | 10 |

* Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

➤ Nhận xét: Giám sát mẫu nước thải lấy sau hệ thống sau hệ thống xử lý cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều đạt QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.3. Kết quả hoạt động của của công trình xử lý bụi, khí thải

- Vị trí lấy mẫu: K1: Không khí tại trung tâm khu vực sân khách sạn

Bảng 5.2. Kết quả phân tích không khí của cơ sở trong năm 2025

| STT | Thông số | Đơn vị | Kết quả quan trắc | | | Giới hạn |
|-----|-----------------|-------------------|-------------------|------------|------------|------------------------|
| | | | 28/07/2025 | 29/07/2025 | 30/07/2025 | |
| 1 | Nhiệt độ | °C | 32,8 | 33,5 | 32,5 | 18-32 ⁽¹⁾ |
| 2 | Độ ẩm | % | 57,2 | 59,0 | 58,6 | 40-80 ⁽¹⁾ |
| 3 | Tốc độ gió | m/s | 0,3÷0,9 | 0,3÷1,2 | 0,3÷1,0 | 0,2-1,5 ⁽¹⁾ |
| 4 | Tiếng ồn | dBA | 51,8 | 54,0 | 52,5 | 85 ⁽²⁾ |
| 5 | Bụi (TSP) | µg/m ³ | 80,6 | 92,3 | 86,3 | 300 ⁽³⁾ |
| 6 | NO ₂ | µg/m ³ | 20,4 | 22,9 | 19,0 | 200 ⁽⁴⁾ |
| 7 | CO | µg/m ³ | <3000 | 3057 | <3000 | 30.000 |
| 8 | SO ₂ | µg/m ³ | 12,7 | 10,7 | 11,2 | 350 ⁽⁴⁾ |

* Ghi chú:

- Giá trị dấu “<” là giới hạn phát hiện của phương pháp.

- (1) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- (2) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- (3) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- (4) QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

=> Nhận xét: Kết quả quan trắc định kỳ không khí của cơ sở cho thấy: chất lượng không khí tại cơ sở luôn đảm bảo đạt QCVN hiện hành.

5.4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Trong quá trình hoạt động cơ sở đang thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường đối với môi trường không khí, nước thải và chất thải. Thực hiện giám sát chất lượng môi trường định kỳ theo hồ sơ môi trường đã được phê duyệt. Đảm bảo các điều kiện về môi trường theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Biên kiểm tra cơ sở của Sở Nông nghiệp và Môi trường ngày 13/10/2025 và ngày 29/10/2025. Căn cứ Quyết định xử phạt số 1419/QĐ-XPHC ngày 05/11/2025 của Giám đốc sở Nông nghiệp và Môi trường về hành vi không thu gom, lưu giữ CTNH (Công ty bố trí kho, khu lưu giữ CTNH không đúng quy định) theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 29 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT và hành vi không lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường (năm 2024) gửi tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT.

Đến nay, cơ sở đã khắc phục sai phạm và tiến hành nộp phạt theo quy định

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

6.1.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý khí thải

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

6.1.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm đối với khí công trình xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở công suất 70m³/ngày.đêm thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (theo quy định khoản 2, điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ)

Theo quy định tại khoản 5, điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với cơ sở không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 điều này (cơ sở quy định tại Cột 3 phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ), việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Trên cơ sở đó, cơ sở lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

6.1.2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực (thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

6.1.2.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu

Thời gian đo đạc, lấy và phân tích mẫu trong quá trình vận hành thử nghiệm gồm 03 đợt, cụ thể như bảng sau:

| STT | Đợt quan trắc | Vị trí và chỉ tiêu quan trắc |
|-----|------------------------|--|
| 1 | Đợt 1: Ngày 10/04/2026 | 1. Quan trắc chất lượng môi trường nước thải - Vị trí quan trắc: 02 vị trí gồm: |

| | | |
|---|------------------------|--|
| 2 | Đợt 2: Ngày 11/04/2026 | + NT1: Nước thải tại hố thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử lý NT tập trung; + NT2: Nước thải tại bể khử trùng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung |
| 3 | Đợt 3: Ngày 12/04/2026 | - Chỉ tiêu quan trắc: pH, TSS, BOD ₅ , COD, Sunfua, NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , Dầu mỡ động thực vật, E.coli, Coliform. |

b. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

Đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp:
Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường Thanh Hóa.

+ Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường Thanh Hóa được thành lập theo Quyết định số 3092/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường Thanh Hóa.

+ Trung tâm Quan trắc và BVMT Thanh Hóa đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường VIMCERTS 127.

+ Phòng thí nghiệm - Trung tâm Quan trắc và BVMT Thanh Hóa đã được Văn phòng công nhận chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận VILAS 815.

c. Các yêu cầu kèm theo

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải lắp đặt đầy đủ đồng hồ đo lưu lượng nước thải, đồng thời phải có nhật ký vận hành ghi chép, theo dõi.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

Theo quy định tại Điều 111 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14; Điều 97, Phụ lục XXVIII của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ, quy định về hoạt động quan trắc nước thải, dự án là cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có mức lưu lượng xả nước thải dưới 500 m³/ngày (24h). Như vậy, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc (tự động, liên tục và định kỳ) nước thải, khí thải.

CHƯƠNG VII.

CAM KẾT CỦA CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chúng tôi cam kết những thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn chính xác và xác thực. Nếu có gì sai chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có sự thay đổi so với nội dung cấp giấy phép môi trường đã được cấp sẽ báo cáo cơ quan cấp giấy phép môi trường xem xét, giải quyết.

- Cam kết công khai giấy phép môi trường.

- Cam kết cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

- Cam kết thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án.

- Cam kết sẽ hoàn thành tất cả các công trình xử lý chất thải phát sinh trước khi Dự án đi vào hoạt động chính thức.

- Cam kết khi thực hiện giai đoạn mở rộng thêm diện tích liền kề thực hiện hồ sơ môi trường theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động chủ Dự án cam kết bảo đảm xử lý chất thải đạt các quy chuẩn môi trường Việt Nam (QCVN)

- Chủ cơ sở cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam.

- Trong quá trình triển khai hoạt động nếu có xảy ra sự cố, rủi ro môi trường Chủ cơ sở cam kết sẽ đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2800748334

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 05 năm 2003

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 10 tháng 08 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HÓA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH HOA BA DINH MATERIAL AND PRINTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

96 Lê Hoàn, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Điện thoại: 0373.852302, 0373.852678

Fax: 0373.852302,
0373.852678

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 360.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/10/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038085018640

Ngày cấp: 15/08/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số nhà 05 Lương Thế Vinh, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 05 Lương Thế Vinh, Phường Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Văn Thu

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00002

Đăng ký lần đầu, ngày 12 tháng 09 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 29 tháng 12 năm 2021

1. Tên địa điểm kinh doanh: KHÁCH SẠN PHƯỢNG HOÀNG 3 - CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HÓA

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

96 Lê Hoàn, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Điện thoại: 02373.852.678

Fax:

Email: *ctybadinhth@gmail.com*

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN XUÂN HIỀN

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 28/12/1983

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *038083001460*

Ngày cấp: 14/08/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Khu phố Quyết Thắng, Phường Quảng Thịnh, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu phố Quyết Thắng, Phường Quảng Thịnh, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: **CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HÓA**

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 2800748334

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: 96 Lê Hoàn, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Văn Thu

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án xây dựng Nhà cao tầng Kinh doanh dịch vụ Khách sạn và giải trí, thể thao, văn hóa

Căn cứ Luật xây dựng số: 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật quy hoạch số: 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Nghị định số: 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 06 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
Căn cứ Nghị định số: 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số: 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
Căn cứ văn bản số 1376/SXD-HDXD ngày 28/3/2017 của sở Xây dựng Thanh hóa thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án Nhà cao tầng Kinh doanh dịch vụ Khách sạn và giải trí, thể thao, văn hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: “Nhà cao tầng Kinh doanh dịch vụ Khách sạn và giải trí, thể thao, văn hóa; Nhà giới thiệu sản phẩm và trung tâm sách” với các nội dung chính sau:

1. Tên Dự án: “Nhà cao tầng Kinh doanh dịch vụ Khách sạn và giải trí, thể thao, văn hóa, Nhà giới thiệu sản phẩm và trung tâm sách”

2. Chủ đầu tư:

Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh hóa.

Địa chỉ: Số 96 Lê Hoàn – P. Điện Biên - Thành phố Thanh Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Đầu tư xây dựng nhà 11 tầng và nhà 2 tầng, 3 tầng và các hạng mục bãi xe, sân thể thao, cây xanh cảnh quan. Nhằm tạo nên quần thể kiến trúc chặt chẽ về công năng và hình thể kiến trúc đóng góp chung vào diện mạo cảnh quan đô thị, đồng thời là cơ sở để doanh nghiệp ổn định đề ra chiến lược vận hành khai thác sử dụng ổn định lâu dài.

4. Quy mô đầu tư xây dựng:

+ Đầu tư xây dựng nhà 11 tầng và 2 khối nhà 2 tầng và 3 tầng

+ Các hạng mục HTKT, Công hàng rào... được xây dựng đồng bộ, các vị trí điểm đầu nối phù hợp với hệ thống HTKT trong khu vực.

+ Đất xây dựng công trình: 3.196,68 m² (Nhà hiện trạng: 1.646,16 m²)

+ Mật độ xây dựng toàn khu: 50% ĐẾN 58%

+ Hệ số sử dụng đất toàn khu: 3,5 lần - đến 4,0 lần.

+ Đất cây xanh: 215 m²;



+ Đất sân đường nội bộ, bãi xe, sân thể thao: 1.885,74 m²;

+ Tầng cao công trình: 01 đến 11 tầng.

5. Địa điểm xây dựng: Số 96 Lê Hoàn – P. Điện Biên – TP. Thanh Hóa.

6. Diện tích sử dụng đất: 5.766,5 m²

7. Phương án xây dựng:

Đầu tư xây dựng mới : Nhà cao tầng Kinh doanh dịch vụ Khách sạn và giải trí, thể thao, văn hóa 11 tầng và Khối nhà giới thiệu sản phẩm và trung tâm sách.

8. Tổng mức đầu tư dự án : 350.000.000.000

(Bằng chữ : Ba trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)

+ Nhà cao tầng Kinh doanh dịch vụ Khách sạn và giải trí, thể thao, văn hóa 11 tầng: 311.126.619.000 đồng

Trong đó:

| | |
|-----------------------------------|----------------------|
| + Chi phí xây lắp: | 298.656.780.000 đồng |
| + Chi phí quản lý DA: | 5.013.361.000 đồng |
| + Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 6.759.129.000 đồng |
| + Chi phí khác: | 697.349.000 đồng |

Bằng chữ: Ba trăm mười một tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm mười chín nghìn đồng.

2. Khu nhà liên kế giới thiệu sản phẩm và trung tâm sách : 38.873.381.000đ

Trong đó:

| | |
|-----------------------------------|---------------------|
| + Chi phí xây lắp: | 36.329.900.000 đồng |
| + Chi phí quản lý DA: | 704.790.000 đồng |
| + Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 1.370.129.000 đồng |
| + Chi phí khác: | 468.562.000 đồng |

Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ, tám trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm tám mươi một nghìn đồng

9. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn tự có, vốn vay ưu đãi và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

10. Phương thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý Dự án.

11. Thời gian thực hiện dự án: 36 tháng

Điều 2: Trách nhiệm của các phòng ban thuộc Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh hóa liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận :

- Lưu VP,
- Như điều 2

CHỦ ĐẦU TƯ



CHỦ TỊCH H.D.Q.T

Nguyễn Ngọc Phú

2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Công ty cổ phần In và Vật tư Ba Đình Thanh Hóa

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 2800748334 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa; đăng ký lần đầu ngày 05/5/2003 cấp, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/10/2014.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 96 Lê Hoàn, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

CR 933176

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 417227 ngày 02/8/2007

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

| Hạng mục công trình | Diện tích xây dựng (m ²) | Diện tích sàn hoặc công suất | Hình thức Sở hữu | Cấp công trình | Thời hạn sở hữu |
|---|--------------------------------------|------------------------------|------------------|----------------|-----------------|
| (1) Nhà kinh doanh dịch vụ khách sạn, giải trí, thể thao văn hóa (11 tầng). | 1469 | 16.159 m ² | Sở hữu riêng | 2 | -/- |
| (2) Nhà giới thiệu sản phẩm và trung tâm sách (03 tầng) | 1196 | 3.588 m ² | Sở hữu riêng | 3 | -/- |
| (2') Nhà giới thiệu sản phẩm (02 tầng) | 490,5 | 981 m ² | Sở hữu riêng | 3 | -/- |

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 08 năm 2019

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA

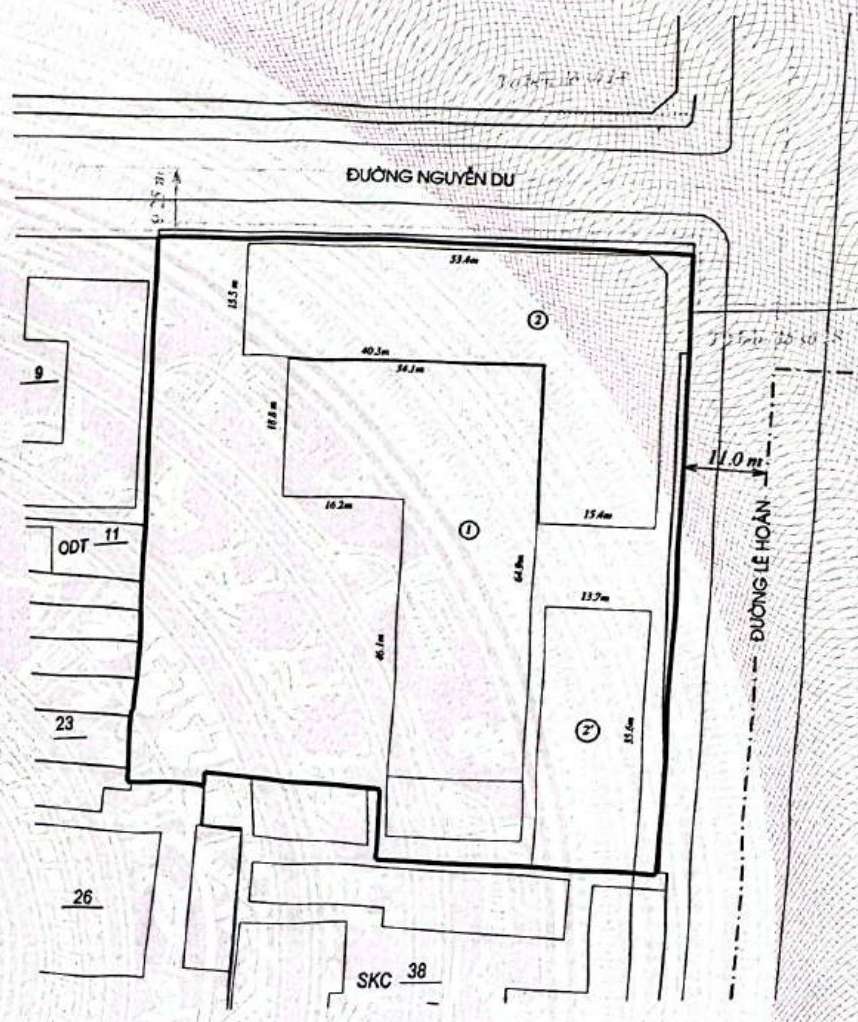
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lưu Trọng Quang

Số vào sổ cấp GCN: CT...08860

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

| Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý | Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền |
|------------------------------------|------------------------------------|
| | |

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 9 năm 2016

GIẤY PHÉP QUY HOẠCH

Số: 362 /GPQH

1. Cấp cho chủ đầu tư: Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa.

- Người đại diện: Ông Nguyễn Ngọc Phú. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
- Địa chỉ liên hệ: Số 96 Lê Hoàn, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa.

2. Nội dung Giấy phép quy hoạch:

- Tên dự án: Nhà cao tầng kinh doanh dịch vụ khách sạn và giải trí, văn hóa.
- Địa điểm xây dựng: Số 96 Lê Hoàn, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa.

- Phạm vi ranh giới:

- + Phía Đông giáp đường Lê Hoàn;
- + Phía Tây giáp khu dân cư hiện trạng;
- + Phía Nam giáp đất Hiệu sách nhân dân;
- + Phía Bắc giáp đường Nguyễn Du.

- Quy mô đất đai: Tổng diện tích khu đất 5.766,5m² (theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 417227 ngày 02/8/2007).

- Cơ cấu sử dụng đất:

| STT | Loại đất | diện tích chiếm đất (m ²) | tỷ lệ (%) | tầng cao (tầng) |
|-----|---|---------------------------------------|------------|---------------------|
| 1 | Khối nhà 3 tầng (Nhà giới thiệu sản phẩm và Trung tâm sách) | 1.098,96 | 19,06 | 3 tầng, đã xây dựng |
| 2 | Khối nhà 2 tầng (Nhà giới thiệu sản phẩm) | 547,20 | 9,49 | 2 tầng, đã xây dựng |
| 3 | Khối nhà 11 tầng (Nhà kinh doanh dịch vụ khách sạn và giải trí, thể thao văn hóa) | 1550,52 | 26,89 | 11 tầng, xây mới |
| 4 | Đất thảm cỏ, cây xanh | 404,00 | 7,00 | Xây mới |
| 5 | Đất sân thể thao | 450,00 | 7,80 | Xây mới |
| 6 | Đất giao thông nội bộ, bãi xe. | 1.715,82 | 29,76 | Xây mới |
| | Tổng | 5.766,50 | 100 | |



- Mật độ xây dựng toàn khu vực: từ 50% đến 58%.

- Chiều cao xây dựng công trình chính: 11 tầng.

- Hệ số sử dụng đất: từ 3,5 lần đến 4,0 lần.

- Lộ giới các tuyến đường có liên quan theo quy hoạch:

+ Đường Lê Hoàn: B= 22,0m (lòng đường 12,0m+ vỉa hè 5,0m x2);
khoảng lùi 3,0m.

+ Đường Nguyễn Du: B= 18,5m; chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Khoảng lùi của công trình 11 tầng: Đối với đường Lê Hoàn: khoảng lùi tối thiểu 18,2m; đối với đường Nguyễn Du: khoảng lùi tối thiểu 15,2m và tuân thủ Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam số 01/2008/BXD và các quy định khác có liên quan.

- Các yêu cầu về không gian, kiến trúc, cảnh quan: việc đầu tư xây dựng công trình nêu trên nhằm đáp ứng nhu cầu dịch vụ đa dạng tại khu trung tâm thành phố Thanh Hóa, góp phần tạo điểm nhấn về không gian kiến trúc đô thị theo định hướng của UBND tỉnh; do vậy, kiến trúc công trình phải được coi trọng đặc biệt, được nghiên cứu giải quyết trên cơ sở dây truyền công năng và tổ chức hoạt động hợp lý; đảm bảo tính thống nhất, hài hòa của tổng thể không gian quy hoạch - kiến trúc với các công trình xung quanh và thân thiện với môi trường. Đồng thời, nghiên cứu bố trí bãi đỗ xe tại tầng 1 (hoặc tầng hầm) của công trình 11 tầng, với diện tích đảm bảo theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan. Sở Xây dựng có trách nhiệm thẩm định thiết kế cơ sở và phương án kiến trúc công trình để đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và môi trường: Thiết kế, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đáp ứng nhu cầu hiện tại và phát triển trong tương lai; đảm bảo khớp nối hạ tầng kỹ thuật của công trình với hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực. Khi sử dụng hệ thống các công trình kỹ thuật hạ tầng hiện có trong khu vực (đường giao thông, cống thoát nước, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy...) phải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và thống nhất các điểm đầu nối kỹ thuật với cơ quan quản lý chuyên ngành. Đảm bảo an toàn về cháy nổ cũng như các quy định về phòng cháy, chữa cháy đối với công trình công cộng, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường cho khu vực.

3. Thời hạn giấy phép quy hoạch: Giấy phép quy hoạch này có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên phải xin cấp lại giấy phép quy hoạch./.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Sở Xây dựng;
 - UBND thành phố Thanh Hóa;
 - Lưu: VT, CN.
- H48(2016).GPQH DVKS in Ba Dinh.doc

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn



Thanh hóa, ngày 09 tháng 10 năm 2017

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: **5538** /GPXD

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa.

Địa chỉ liên hệ: Số 96 Lê Hoàn, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án: Nhà cao tầng kinh doanh dịch vụ khách sạn và giải trí, văn hóa theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Sở Xây dựng thẩm định (kèm theo Công văn số 3803/SXD-HĐXD ngày 17/7/2017).

- Địa điểm xây dựng: phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa.

- Theo hồ sơ thiết kế do Công ty Cổ phần thiết kế và xây dựng HAC lập.

- Gồm những nội dung sau:

+ Diện tích xây dựng: 1.478,6m²;

+ Chiều cao tầng 1: + 2,8m; Chiều cao công trình: +41,7m.

+ Số tầng: 11 tầng.

+ Cốt nền xây dựng công trình: cốt ± 0.00 cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,2m.

Định vị công trình, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và các chỉ tiêu khác xác định theo tổng mặt bằng xây dựng được Sở Xây dựng thẩm định (kèm theo Công văn số 1376/SXD-HĐXD ngày 28/3/2017) và theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được Sở Xây dựng thẩm định (kèm theo Công văn số 3803/SXD-HĐXD ngày 17/7/2017).

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 417227 do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 02/8/2017 cho Công ty Cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa và Công văn số 1650/UBND-NN ngày 25/02/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Giấy phép này có hiệu lực: Khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; Trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hiệu lực, nếu công trình chưa khởi công thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, HT, Gi(1b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 30. tháng 07 năm 2020

BIÊN BẢN SỐ: 01/NTSD
BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình : Nhà cao tầng kinh doanh dịch vụ Khách sạn và giải trí, thể thao, văn hóa
Hạng mục : Thi công phần thô và hoàn thiện
Địa điểm : 96 Lê Hoàn – P. Ba Đình – TP Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa

1. Đối tượng nghiệm thu: Nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a/. Đại diện chủ đầu tư: CTY CP VẬT TƯ IN BA ĐÌNH.

- Ông : Nguyễn Ngọc Phú

Chức vụ : Chủ Trì... HQT

- Ông : Trần Trọng Quyền

Chức vụ : Trưởng BQLDA

b/. Đại diện tư vấn giám sát: CTY TNHH XÂY DỰNG TỔNG HỢP TUẤN TÚ.

- Ông : Lê Khả Tuấn

Chức vụ : Giám đốc

- Ông : Nguyễn Văn Tuấn

Chức vụ : Giám sát trưởng

- Ông : Phạm Minh Thành

Chức vụ : Cán bộ giám sát.

c/. Đại diện đơn vị thi công: CTY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI THANH TRUNG

- Ông : Nguyễn Văn Trung

Chức vụ : Giám đốc

- Ông : Nguyễn Nam Long

Chức vụ : Chỉ huy trưởng CT

3. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu : 08h00 ngày 30. tháng 7. năm 2020

- Kết thúc : 10h00 ngày 30. tháng 7. năm 2020

- Tại : 96 Lê Hoàn – P. Ba Đình – TP Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

a/. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ Hợp đồng xây dựng số: Số: 06-10/2017/HĐ-XD ký ngày 6/10/2017 về việc Thi công phần móng, phần ngầm, tầng bán hầm, phần thô và hoàn thiện theo bản vẽ thiết kế

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng TCVN được áp dụng.

- Các chứng chỉ, nguồn gốc xuất xứ vật liệu.



- Các biên bản nghiệm thu vật liệu đầu vào.
- Kết quả thi công trực tiếp thực tế đã hoàn thành tại công trường.
- Nhật ký thi công.
- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của đơn vị thi công.
- Các biên bản nghiệm thu công việc hạng mục.

b/. Chất lượng công việc xây dựng:

- Đúng thiết kế đã được thẩm duyệt.
- Đạt yêu cầu kỹ thuật.
- Phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.
- Đúng theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.

d/. Các ý kiến khác: không.

5. Kết luận : Đồng ý nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ *Cau*



CHỦ TỊCH H.Đ.Đ.T
Nguyễn Ngọc Phú

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT



GIÁM ĐỐC
Lê Khả Tuấn

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Trung
Nguyễn Văn Trung



Số: 975/TD-PCCC-P3

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 02/2017-TTR ngày 12/05/2017 của: Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa..

Người đại diện là Ông/Bà: Nguyễn Ngọc Phú..... Chức danh: Chủ tịch HĐQT.

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH THANH HÓA

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Nhà cao tầng Kinh doanh dịch vụ khách sạn và giải trí, thể thao, văn hóa

Địa điểm xây dựng: Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty cổ phần thiết kế và xây dựng HAC.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Khoảng cách an toàn PCCC; Giao thông phục vụ cho xe chữa cháy; Bậc chịu lửa; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Hệ thống thoát nạn; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; Hệ thống tăng áp, hút khói; Hệ thống báo cháy tự động; Các hệ thống chữa cháy bằng nước; Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

(Các thiết bị PCCC phải được kiểm định theo quy định trước khi trang bị vào công trình; Cảnh sát PCCC sẽ kiểm tra an toàn PCCC trong quá trình thi công và kiểm tra nghiệm thu về PCCC trước khi đưa công trình vào sử dụng)

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2

Nơi nhận:

- C66.....
- Chủ đầu tư;
- Lưu: P3....

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 6 năm 2017



Đại tá Nguyễn Xuân Hà

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
AN TOÀN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Hồi 08 giờ 30 phút, ngày 07 tháng 11 năm 2023.

Tại: Khách sạn Phương Hoàng 3 - Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa.

Địa chỉ: 96 Lê Hoàn, Phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Kế hoạch số 101/KH-PC07-Đ2 ngày 21/2/2023 của Trưởng phòng Cảnh sát PCCC và CNCH về Kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ năm 2023; Công văn số 2124/PC07-Đ2 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Trưởng phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thanh Hóa về việc kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH).

Chúng tôi gồm:

Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Thanh Hóa:

- Ông: Hà Văn Dương; Cấp bậc, Chức vụ: Đại úy, Cán bộ;
- Ông: Nguyễn Mạnh Dũng; Cấp bậc, Chức vụ: Thượng úy, Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra an toàn PCCC và CNCH tại: Khách sạn Phương Hoàng 3 - Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa.

Đại diện Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa:

- Ông: Nguyễn Xuân Hiền; Chức vụ: Giám đốc khách sạn;
- Ông: Lâm Hữu Mạnh; Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật;
- Bà: Nguyễn Thị Thùy Dung; Chức vụ: Nhân viên nhân sự.

I. Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

Báo cáo tình hình thực hiện các biện pháp an toàn PCCC của cơ sở:

- Khách sạn Phương Hoàng 3 - Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa đi vào hoạt động từ tháng 7/2020;

- Loại hình hoạt động: Kinh doanh dịch vụ khách sạn và giải trí, thể thao, văn hóa.

- Có diện tích xây dựng khoảng 1468 m², bao gồm 10 tầng, 01 tầng tum, 01 hầm, chiều cao công trình đến mái 38,4 m, sân đường nội bộ, công năng sử dụng cụ thể như sau: Tầng hầm để xe, tầng 1 tiền sảnh lễ tân, tầng 2 phòng họp + khu văn phòng, tầng 3 lưu trú + Massage + Karaoke, từ tầng 4- 8 lưu trú, tầng 9 nhà hàng, tầng 10 hội trường + bếp ăn, tầng tum; 01 phòng kinh doanh dịch vụ Karaoke đặt tại tầng 3 có diện tích khoảng 42,4 m² đã được trang bị lắp đặt cửa ngăn cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động; hệ thống



chữa cháy vách tường, trang bị phương tiện PCCC đối với kinh doanh dịch vụ Karaoke ...

- Người đứng đầu cơ sở thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở cán bộ, nhân viên chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về PCCC như: Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động về PCCC và CNCH; tự kiểm tra định kỳ công tác PCCC và CNCH; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC cho cán bộ nhân viên công ty; tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH, thực tập phương án chữa cháy định kỳ hàng năm; kiểm tra điện trở tiếp địa cho hệ thống chống sét; mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và duy trì hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở...

- Các hạng mục công trình đã được trang bị hệ thống phương tiện PCCC, gồm: Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động; hệ thống chữa cháy vách tường và các bình chữa cháy xách tay,...

- Tổng số CBCNV làm việc tại khách sạn: 71 người; Đội viên đội PCCC cơ sở gồm: 15 người.

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00002, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 29/12/2021, Ông: Nguyễn Xuân Hiền, chức danh: Giám đốc, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

II. KIỂM TRA THỰC TẾ

Tại thời điểm kiểm tra:

1. Kiểm tra Hồ sơ quản lý về công tác PCCC và CNCH

Cơ sở đã lập và lưu giữ hồ sơ quản lý, theo dõi các hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 và Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an, gồm các tài liệu sau:

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 975/TD-PCCC-P3, ngày 19/6/2017 do Cảnh sát PCCC tỉnh Thanh Hóa cấp.

- Trích yếu nghiệm thu về PCCC số 193/NT-PCCC-PC07, ngày 28/7/2020 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Thanh Hóa cấp.

- Quyết định ban hành Quy định, nội quy, quy trình PCCC và CNCH.

- Quyết định phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC của cơ sở theo quy định tại Khoản 3, Điều 5, Luật PCCC.

- Quyết định thành lập đội PCCC cơ sở gồm 15 đội viên đội PCCC cơ sở theo quy định tại Điều 31, Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ; .

- Cơ sở đã xây dựng phương án chữa cháy cơ sở đã được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH phê duyệt theo quy định tại Điều 19, Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 10, Thông tư số 149/2020/TT-BCA (phê duyệt ngày 15/3/2022).

- Bản sao bản vẽ mặt bằng tổng thể thể hiện giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, CNCH.

- Các phương tiện phòng cháy chữa cháy trang bị tại cơ sở đã được kiểm định theo quy định tại Khoản 2, Điều 38 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

- Cơ sở đã tổ chức kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần (có biên bản tự kiểm tra kèm theo) theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Luật PCCC; có báo cáo định kỳ kết quả kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy 06 tháng/lần theo quy định tại Điều 16, Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ, khoản 1, Điều 8, Thông tư 149/2020/TT-BCA của Bộ Công an.

- Quyết định phân công thực hiện nhiệm vụ CNCH cho đội viên đội PCCC cơ sở theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

- Phương án cứu nạn, cứu hộ đã được xây dựng theo mẫu số 04, Nghị định số 83/2017/NĐ-CP và đã được phê duyệt ngày 15/9/2020.

- Sổ theo dõi công tác tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH, hoạt động PCCC và CNCH.

- Biên bản xác nhận đo điện trở thu lôi, tiếp địa cho hệ thống chống sét năm 2023 theo quy định tại TCVN 9385:2012 (kết quả kiểm tra ngày 8/7/2023).

- Cơ sở đã có kế hoạch và báo cáo kết quả thực tập phương án PCCC và CNCH theo quy định Điều 19, Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ; điều 9, Nghị định 83/2017/NĐ-CP (kết quả thực tập ngày 27/6/2023), có biên bản lưu tại hồ sơ quản lý.

- Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc số 23-11-21-020303-0001619 (Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông chi nhánh Thanh Hóa) theo quy định Nghị định số 23/2018/NĐ-CP và Nghị định số 97/2021/NĐ-CP của Chính phủ (có giá trị đến ngày 16/01/2024).

- Cơ sở đã tiến hành huấn luyện nghiệp vụ và được cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH cho 15 đội viên Đội PCCC cơ sở theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Điều 11 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP của Chính phủ (cấp ngày 27/6/2022).

- Thông báo kết quả tổ chức bồi dưỡng bổ sung nghiệp vụ PCCC và CNCH năm 2023 số 62/TB-PC07, ngày 7/7/2023 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH cấp.

2. Giao thông phục vụ chữa cháy, CNCH:

- Giao thông phục vụ chữa cháy:

+ Cổng vào cơ sở có chiều rộng đường >3,5m; chiều cao đường >4,5m đảm bảo theo quy định tại Điều 6.2 QCVN 06:2022/BXD.

+ Bên trong cơ sở có đường giao thông nội bộ rộng từ 5m-20m đảm bảo cho xe chữa cháy có thể tiếp cận các hạng mục công trình.

3. Khoảng cách an toàn PCCC: Khoảng cách giữa các hạng mục công trình bên trong cơ sở đến các công trình lân cận bảo đảm.

4. Nguồn nước phục vụ chữa cháy:

- Trụ cấp nước chữa cháy: Bố trí xung quanh cơ sở xe chữa cháy có thể tiếp cận lấy nước được, có đầy đủ phương tiện, thiết bị kèm theo trụ nước (lăng, vòi, khóa mở...), kiểm tra hoạt động bình thường.

- Bể nước ngầm 500 m³ phía trước sân, có nắp bể. Tại thời điểm kiểm tra mực nước đảm bảo, xe và MBCC có thể hút được nước.

5. Về bố trí mặt bằng, công năng trong quá trình sử dụng: Duy trì mặt bằng, công năng, bố trí không thay đổi so với phương án bố trí ban đầu đã được thẩm duyệt thiết kế.

6. Ngăn cháy lan: Qua kiểm tra, cơ sở đã duy trì giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan giữa các hạng mục, gian phòng có công năng khác nhau theo thiết kế được thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC. Đã lắp đặt bổ sung cửa ngăn cháy cho phòng karaoke tầng 3.

7. Điều kiện thoát nạn:

- Thi công 02 cầu thang bộ thoát nạn loại N1, N2 theo thiết kế thẩm duyệt. Tại thời điểm kiểm tra trên đường lối thoát nạn thông thoáng đảm bảo yêu cầu thoát nạn của khách sạn.

- Đã bố trí lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn thoát nạn trên lối thoát nạn theo quy định tại TCVN 3890:2023.

- Đã lắp đặt thiết bị chiếu sáng sự cố trên lối thoát nạn theo quy định tại TCVN 3890:2023, kiểm tra hoạt động bình thường.

- Bố trí, sắp xếp vật tư, hàng hóa lối thoát nạn đảm bảo theo quy định tại QCVN 06:2022/BXD.

8. Các biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn: Đã niêm yết biển cảnh báo nguy hiểm tại các khu vực dễ trượt ngã, nơi có hóa chất độc hại... theo quy định tại Điều 8, Nghị định 83/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

9. Phương tiện PCCC và CNCH:

9.1. Hệ thống báo cháy tự động:

Thi công, lắp đặt theo thiết kế thẩm duyệt, bao gồm:

- Trung tâm báo cháy tự động địa chỉ 30 kênh lắp đặt tại khu vực lễ tân nơi có người trực 24/24h, kiểm tra hoạt động bình thường.

- Thi công lắp đặt 411 đầu báo cháy khói, 76 đầu báo cháy nhiệt, 36 bộ nút ấn chuông đèn báo cháy tại mỗi tầng thi công lắp đặt cơ bản theo thiết kế thẩm duyệt. Kiểm tra hoạt động bình thường.

9.2. Hệ thống hút khói hành lang, hệ thống tăng áp buồng thang, hút khói tầng hầm: Hệ thống có kết nối liên động với hệ thống báo cháy tự động, Kiểm tra hoạt động bình thường.

9.3. Hệ thống cấp nước chữa chữa cháy:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà: Trang bị 03 họng chữa cháy vách tường tại mỗi tầng kèm theo mỗi họng là hộp đựng lăng vòi chữa cháy (01

cuộn vòi D50 dài 20m, 01 lăng B), Kiểm tra hoạt động bình thường.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà: Thi công lắp đặt 03 trụ chữa cháy 02 cửa D65 kèm mỗi trụ là 01 hộp đựng lăng vòi chữa cháy (gồm: 02 cuộn vòi D65 dài 20m, 01 lăng A). Kiểm tra hoạt động bình thường.

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkle: Thi công lắp đặt 803 đầu phun Sprinkle tại các tầng cơ bản theo thiết kế thẩm duyệt, Kiểm tra hoạt động bình thường.

- Máy bơm chữa cháy: 01 bơm điện và 01 bơm động cơ Diezel có cùng thông số kỹ thuật $Q = 200-600\text{m}^3/\text{h}$, cột áp $H = 116-76\text{m}$, 01 máy bơm bù có thông số kỹ thuật $Q = 2,4-10,2\text{m}^3/\text{h}$, cột áp $H = 130-462\text{m}$. Kiểm tra hoạt động bình thường.

- Phương tiện chữa cháy tại chỗ: Cơ sở đã trang bị bình chữa cháy xách tay mỗi tầng gồm 20 bình chữa cháy MFZL4, 10 bình chữa cháy khí MT3. Kiểm tra hoạt động bình thường; Số lượng bình chữa cháy được trang bị đảm bảo theo quy định tại TCVN 3890:2023; chất chữa cháy trong bình chữa cháy phù hợp với chất cháy bố trí tại cơ sở.

- Trang phục chữa cháy: Đã trang bị 05 bộ, bao gồm: quần, áo, găng tay, mũ, khẩu trang, đã được kiểm định theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA của Bộ công an.

- Phương tiện CNCH: Đã trang bị các phương tiện CNCH gồm búa, rìu, kim cộng lực, cáng cứu thương, tủ thuốc... cơ bản đảm bảo CNCH trong trường hợp xảy ra sự cố tại khách sạn.

10. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: Trang bị, lắp đặt trên đường, lối thoát nạn của các khu vực, có nguồn điện dự phòng riêng biệt theo quy định TCVN 3890:2023, *Thử nghiệm hoạt động bảo đảm khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.*

11. Hệ thống điện, hệ thống chống sét:

- Hệ thống điện: Trong cơ sở có 01 trạm biến áp (750KVA) phục vụ điện sinh hoạt cho khách sạn. Tủ điện tổng được đặt tại khu vực trạm biến áp các khu vực có lắp đặt aptomat riêng, có nguồn điện dự phòng (máy phát điện).

- Hệ thống chống sét: Kim thu sét, dây dẫn, mối nối của dây dẫn bảo đảm yêu cầu chống sét. Định kỳ hàng năm, cơ sở tiến hành đo điện trở nối đất, giá trị đo đảm bảo theo tiêu chuẩn chống sét cho nhà, công trình theo quy định tại TCVN 9385:2012.

12. Việc niêm yết nội quy, quy định về PCCC:

Tại thời điểm kiểm tra cơ sở đã niêm yết biển báo, biển cấm, sơ đồ chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy; biển cấm, biển cảnh báo tại khu vực, nơi nguy hiểm theo quy định tại Điều 5, Thông tư 149/2020/TT-BCA của Chính phủ.

13. Đối với phòng kinh doanh dịch vụ Karaoke:

- Cơ sở đã trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy đối với phòng

kinh doanh dịch vụ Karaoke theo quy định.

+ Hệ thống báo cháy tử trung tâm đã được kết nối liên động với hệ thống điện của dàn âm thanh, ánh sáng tại các phòng hát kinh doanh dịch vụ karaoke đảm bảo theo quy định tại Điểm k, Khoản 2, Điều 6 Thông tư 147/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an).

+ Cơ sở đã trang bị bộ búa tạ, kim cộng lực, xà beng, rìu,... và mặt nạ lọc độc (có đầy đủ giấy tờ theo quy định) bố trí tại khu vực kinh doanh dịch vụ karaoke tầng 3 đảm bảo theo quy định tại Phụ lục E, phụ lục F TCVN 3890:2023.

- Bên trong phòng hát thuộc tầng 3 có diện tích đo thực tế 42,4 m² (nhỏ hơn 50m²) sử dụng vật liệu trang trí nội thất, vật liệu cách âm, cách nhiệt: Vật liệu trang trí tường, nội thất, vật liệu cách âm hầu hết có chất liệu là xốp, nhựa cứng. Theo quy định tại Điểm m, Khoản 2, Điều 6 Thông tư 147/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định đối với các gian phòng có diện tích từ 50m² trở lên thì mới phải yêu cầu sử dụng vật liệu trang trí nội thất, vật liệu cách âm, cách nhiệt là vật liệu không cháy hoặc khó bắt cháy. Vậy đối với 01 phòng kinh doanh dịch vụ karaoke tại tầng 3 của Khách sạn có diện tích nhỏ hơn 50m² nên không yêu cầu phải sử dụng các vật liệu trang trí nội thất, vật liệu cách âm, cách nhiệt là vật liệu không cháy hoặc khó bắt cháy. Đảm bảo theo quy định.

- Cửa phòng hát là cửa chống cháy đã có Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC (bản sao chứng thực) số 4977/KĐ-PCCC-P7, ngày 23/12/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, Bộ Công an cấp cho Cửa thép chống cháy kích thước 1000x2200 cm có giới hạn chịu lửa 70 phút).

- Khu vực kinh doanh dịch vụ karaoke và khu vực khác đã được ngăn cách nhau bằng tường ngăn cháy, đảm bảo theo quy định tại Điều 4.5 QCVN 06:2022/BXD.

- Vật liệu ốp lát phủ sàn của cơ sở là gạch men ốp lát 60x60mm.

- Tường hành lang không bố trí vật liệu trang trí, sử dụng tường trát vữa xi măng đảm bảo theo quy định tại Điều 4.5 QCVN 06:2022/BXD.

14. Hoạt động của lực lượng PCCC tại chỗ:

- Công tác thường trực: Trong giờ làm việc thường trực 15/15 thành viên đội PCCC cơ sở; ngoài giờ có 08/15 thành viên đội PCCC cơ sở (ứng trực 07 đội viên).

- Đội PCCC cơ sở gồm 15 người, đã được huấn luyện và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH. Các đội viên Đội PCCC cơ bản đều nắm được quy định của pháp luật về PCCC, biết xử lý khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Giả định tổ chức triển khai chữa cháy tại tầng 3: Đội PCCC bố trí, triển khai thuận thực, bảo đảm yêu cầu chữa cháy ban đầu.

15. Việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về PCCC theo quy định tại Điều 6, Luật PCCC, Thực tập phương án chữa cháy theo quy định tại Điều 10, Thông tư 149/2020/TT-BCA, đã có dự trù kinh phí, bảo trì, bảo dưỡng phương tiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 48, Nghị định 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đã ban hành một số văn bản chỉ đạo công tác PCCC trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định như: Nội quy, quy định về công tác PCCC, nội quy sử dụng điện,....

- Đã tiến hành tự kiểm tra công tác bảo đảm an toàn PCCC và CNCH và có biên bản lưu hồ sơ đảm bảo theo quy định.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, BIỆN PHÁP VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN:

Tại thời điểm kiểm tra, người đứng đầu cơ sở đã thực hiện một số trách nhiệm trong hoạt động PCCC và CNCH; Cơ sở cơ bản đã đảm bảo điều kiện an toàn về PCCC và CNCH theo quy định.

Để đảm bảo an toàn PCCC cho cơ sở trong quá trình hoạt động, căn cứ các quy định của pháp luật về PCCC hiện hành. Đoàn kiểm tra yêu cầu người đứng đầu Khách sạn Phương Hoàng 3 - Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa chỉ đạo thực hiện các kiến nghị sau:

1. Việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở:

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở theo quy định tại Khoản 3, Điều 5 Luật PCCC năm 2001 và Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC năm 2013 (*Duy trì thường xuyên*).

- Hồ sơ quản lý theo, theo dõi công tác PCCC, CNCH: thường xuyên bổ sung, cập nhật và lưu các văn bản giấy tờ vào hồ sơ khi có sự thay đổi về công tác PCCC, CNCH trong quá trình hoạt động (*Thực hiện thường xuyên*).

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền các kiến thức về PCCC cho đội viên đội PCCC cơ sở và CB CNV làm việc tại Công ty bảo đảm công tác chữa cháy và xử lý tốt các tình huống cháy, nổ xảy ra (*Thực hiện thường xuyên và có biên bản lưu hồ sơ*).

- Duy trì thường xuyên tổ chức tự kiểm tra an toàn về PCCC và CNCH tại cơ sở; gửi báo cáo kết quả tự kiểm tra định kỳ 06 tháng về cơ quan Cảnh sát PCCC (*Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an tỉnh Thanh Hóa, địa chỉ: Số 01, Phố Huy Cự, Phường Đông Hải, TP. Thanh Hóa*) theo quy định tại Điều a, Khoản 3, Điều 16, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ

2. Việc thực hiện các điều kiện an toàn PCCC đối với cơ sở:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 20 Luật PCCC năm 2001; Điều 5, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ và duy trì trong suốt quá trình hoạt động như:

- Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, đảm bảo công tác thường trực 24/24h tại cơ sở, đặc biệt là ngoài giờ làm việc và ban đêm; thường xuyên kiểm

tra, bảo dưỡng hệ thống PCCC đảm bảo sử dụng tốt để kịp thời xử lý khi có tình huống cháy, nổ xảy ra (*Thực hiện thường xuyên*).

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy. Không coi nới, câu móc, lắp đặt thiết bị điện ngoài hệ thống thiết kế ban đầu; các thiết bị điện phải đảm bảo công suất phù hợp với công suất thiết kế ban đầu; tất cả các đường dây điện phải được đi trong ống gen cách điện đảm bảo độ bền cách điện theo tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành (*Thực hiện thường xuyên*).

- Giao thông phục vụ cho xe chữa cháy, điều kiện thoát nạn:

+ Không bố trí, sắp xếp hàng hóa bên ngoài sân, bãi, đường lưu thông cho xe chữa cháy. Đảm bảo xe chữa cháy có thể tiếp cận được tất cả các hạng mục công trình khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

+ Bố trí, sắp xếp hàng hóa, vật tư, thiết bị tại các khu vực... gọn gàng, có hàng, lối, không cản trở đường, lối thoát nạn đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC theo quy định tại QCVN 06:2022/BXD.

- Trang bị, kiểm tra, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện PCCC:

Duy trì công tác kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện, hệ thống phòng cháy chữa cháy tại chỗ đã được trang bị, kịp thời thay thế bình chữa cháy đã cũ, hư hỏng không còn khả năng sử dụng. Tuân thủ các quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/2/2021 của Bộ Công an.

- Tăng cường, đẩy mạnh hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, thực hiện nghiêm túc chế độ thường trực 24/24h, đảm bảo an toàn không để xảy ra cháy nổ tại cơ sở, chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra cháy, nổ bên trong cơ sở.

- Không tự ý cải tạo, thay đổi công năng tính chất hoạt động của các hạng mục công trình bên trong cơ sở khi chưa được cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt thiết kế về PCCC.

3. Các kiến nghị khác

- Không nâng cấp, cải tạo, thay đổi công năng tính chất sử dụng của các hạng mục công trình bên trong cơ sở khi chưa có văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo quy định tại Điều 13, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Trong quá trình sửa chữa, nâng cấp phải đảm bảo an toàn PCCC và CNCH trong phạm vi trách nhiệm quản lý. Đặc biệt chú ý nếu sử dụng các thiết bị hàn, cắt, sinh lửa, sinh nhiệt phải có biện pháp phòng ngừa không để cháy, nổ xảy ra.

- Tăng cường, đẩy mạnh hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở, thực hiện nghiêm túc chế độ thường trực 24/24h, chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra cháy, nổ bên trong cơ sở.

- Thường xuyên nhắc nhở cán bộ, công nhân viên trong quá trình làm việc thực hiện nghiêm quy trình và đảm bảo an toàn PCCC theo quy định.

4. Ý kiến của cơ sở: Cơ sở cam kết thực hiện các kiến nghị của Đoàn kiểm tra đảm bảo yêu cầu và đúng thời gian quy định.

Các kiến nghị trên yêu cầu người đứng đầu cơ sở tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 09 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe thống nhất và ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ**



GIÁM ĐỐC KHÁCH SẠN
Nguyễn Luân Hiền

**ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA**

20

Đại úy Hà Văn Dương

CÔNG AN TỈNH THANH HÓA
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 193 /NT-PCCC-PC07
V/v nghiệm thu về PCCC

Thanh hóa, ngày 28 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa.

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC ngày 6/7/2020 của Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa.

Người đại diện là ông/bà: Nguyễn Ngọc Phú; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Thanh Hóa chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình Nhà cao tầng kinh doanh dịch vụ khách sạn và giải trí, thể thao, văn hóa (Khách sạn Phương Hoàng 3) với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chủ đầu tư: Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH cơ điện và PCCC Lê Minh 04.

Nội dung được nghiệm thu: Giao thông cho xe chữa cháy; khoảng cách an toàn PCCC; bậc chịu lửa; giải pháp thoát nạn; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống báo cháy tự động; hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà và ngoài nhà; hệ thống chữa cháy tự động; hệ thống tăng áp, hút khói; trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu.

Quy mô công trình: Nhà cao tầng kinh doanh dịch vụ khách sạn và giải trí, thể thao, văn hóa (Khách sạn Phương Hoàng 3) gồm 10 tầng, 01 tum, 01 hầm, có diện tích xây dựng khoảng 1.468 m²; chiều cao công trình đến mái: 38,4m; sân đường nội bộ.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC theo và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014;

- Thông báo với cơ quan Cảnh sát PCCC về việc bảo đảm các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy trước khi đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ và gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC để thẩm duyệt về PCCC theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- C07 - BCA (để B/c);
- CA thành phố Thanh Hóa (p/h);
- Lưu: PC07(Đ2).

TRƯỞNG PHÒNG



Trưng tá Lê Trọng Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3549 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 19 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nhà cao tầng kinh doanh khách sạn và giải trí, văn hóa, thể thao của Công ty Cổ phần In và Vật tư Ba Đình Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng nhà cao tầng kinh doanh khách sạn và giải trí, văn hóa, thể thao tại số 96, Lê Hoàn, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa của Công ty Cổ phần In và Vật tư Ba Đình Thanh Hóa họp ngày 01/9/2017 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá và Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1029/TTr-STNMT ngày 19/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng nhà cao tầng kinh doanh khách sạn và giải trí, văn hóa, thể thao tại số 96, Lê Hoàn, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa được lập bởi Công ty cổ phần In và Vật tư Ba Đình Thanh Hóa (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.1. Vị trí địa lý của dự án:

Khu vực thực hiện dự án thuộc phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa với các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp đường Lê Hoàn;
- Phía Tây giáp đất dân cư hiện trạng;
- Phía Nam giáp hiệu sách nhân dân;



- Phía Bắc giáp đường Nguyễn Du.

1.2. Quy mô, công suất dự án:

Dự án xây dựng tòa nhà 11 tầng với diện tích xây dựng là 1.478,6 m². Tổng diện tích sàn kinh doanh dịch vụ thương mại là 16.264,6 m² bao gồm các hạng mục như sau: Khu vực hội thảo, Khu vực tập Ghim, Yoga, Khu vực ăn uống và giải khát; Khu vực phòng nghỉ của Khách sạn.

- Ngoài ra, còn có các hạng mục phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật: cổng vào, bể nước ngoài nhà, Trạm điện, sân đường...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Chủ dự án:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nghiêm túc các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2.2. Chất lượng không khí và tiếng ồn của dự án phải được xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam về môi trường:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

2.3. Nước thải phải được thu gom và xử lý thường xuyên đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

2.4. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp về thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường đảm bảo quy định hiện hành về bảo vệ môi trường; quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định 38/2015/NĐ-NP ngày 24/4/2015 của Chính phủ và Thông tư số 36/2016/TT-BTNMT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.5. Tuân thủ chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Quyết định này; thực hiện chương trình giám sát môi trường như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, giám sát các yếu tố có ảnh hưởng đến môi trường. Định kỳ chủ dự án phải nộp báo cáo giám sát môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa và UBND cấp huyện nơi có dự án để cập nhật và theo dõi, kiểm tra.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

3.2. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề cập trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa, Giám đốc Công ty cổ phần In và Vật tư Ba Đình Thanh Hóa và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Quyền

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, Ngày 30 tháng 7 năm 2025

BIÊN BẢN SỐ: 01/HTCT-ĐVSD
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BÀN GIAO
ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình: Hệ thống xử lý nước thải khách sạn Phương Hoàng 3 – công suất 70 m³/ngđ

Hạng mục thi công: Xây dựng bể xử lý nước thải và lắp đặt thiết bị, vận hành và chuyển giao công nghệ

Địa điểm XD: Số 96 Lê Hoàn, Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

I. Đối tượng nghiệm thu:

Nghiệm thu hoàn thành công trình: Hệ thống xử lý nước thải khách sạn Phương Hoàng 3 – công suất 70 m³/ngđ; Hạng mục xây dựng bể xử lý nước thải và lắp đặt thiết bị, vận hành và chuyển giao công nghệ để đưa vào sử dụng.

II. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện chủ đầu tư: Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hoá

Ông: Nguyễn Xuân Hiền

Chức vụ: Phó giám đốc

Ông:

Chức vụ:

b. Đại diện tư vấn giám sát: Công ty TNHH hợp tác quốc tế Thiên Phú

Ông: Đoàn Mạnh Cường

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Bùi Anh Dũng

Chức vụ: TVGS trưởng

c. Đại diện đơn vị thi công: Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Ngọc Nhân

Ông: Đỗ Thị Hải

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Lê Tiến Mạnh

Chức vụ: Chỉ huy trưởng

III. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Bắt đầu: ...14h00..., ngày 30... tháng 7... năm 2025

Kết thúc: ...16h00..., ngày 30... tháng 7... năm 2025

Tại công trình: Số 96 Lê Hoàn, Phường Điện Biên, Thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

IV. Đánh giá hạng mục công trình xây dựng

1. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu.
- Căn cứ Nghị định số: 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ hợp đồng thi công xây dựng số 1205/2025 ngày 12/05/2025 giữa Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hoá và Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Ngọc Nhân về việc thi công xây dựng công trình: Hệ thống xử lý nước thải khách sạn Phương Hoàng 3 – công suất 70 m³/ngđ; Hạng mục xây dựng bể xử lý nước thải và lắp đặt thiết bị, vận hành và chuyển giao công nghệ

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng

| STT | Tiêu chuẩn | Mã hiệu |
|-----|--|-------------------|
| 1 | Nhà và công trình công cộng- Nguyên tắc cơ bản để thiết kế | TCVN 4319-2012 |
| 2 | Nhà và công trình - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế | TCVN 4391 - 1986 |
| 3 | Chiếu sáng nhân tạo trong công trình dân dụng. | TCVN 16 - 1986 |
| 4 | Phòng chống cháy cho nhà và công trình | TCVN 2622 - 1995 |
| 5 | Tải trọng và tác động. Tiêu chuẩn thiết kế. | TCVN 2737-1995 |
| 6 | Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – TC thiết kế. | TCVN 5574 - 2012 |
| 7 | Kết cấu thép – tiêu chuẩn thiết kế. | TCVN 5575 - 2012 |
| 8 | Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế. | TCVN 5573-2011 |
| 9 | Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình. | TCVN 9362-2012 |
| 10 | Kết cấu xây dựng và nền- Nguyên tắc cơ bản về tính toán | TCVN 9379-2012 |
| 11 | Móng cọc- Tiêu chuẩn thiết kế; | TCVN 10304- 2014 |
| 12 | Kết cấu xây dựng và nền- Nguyên tắc cơ bản về tính toán. | TCVN 9379-2012 |
| 13 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện chiếu sáng trong nhà ở và nhà công cộng | QCVN 12-2014/BXD |
| 14 | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả | QCVN 09-2013/BXD |
| 15 | Quy phạm trang bị điện | 11 TCN 18÷21-2006 |
| 16 | Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 9206-2012 |
| 17 | Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 9207-2012 |
| 18 | An toàn về điện trong xây dựng | TCVN 4086-95 |
| 19 | Phòng chống cháy cho nhà và công trình. | TCVN 2622 - 1995 |
| 20 | Chống sét cho công trình xây dựng. Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống | TCVN 9385-2012 |
| 21 | Hệ thống lắp đặt điện cho các tòa nhà. Phần 5-54: | TCVN 7447-5- |

| | | |
|--|---|----------------|
| | Lựa chọn và lắp đặt thiết bị điện. Bố trí nổi đất, dây bảo vệ và dây liên kết bảo vệ; | 54:2005 |
| 22 | Cấp nước bên trong- Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 4513-1988 |
| 23 | Thoát nước bên trong- Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 4474-1987 |
| 24 | Cấp nước- Mạng lưới đường ống và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế | TCXD 33-2006 |
| 25 | Thoát nước- Mạng lưới và công trình bên ngoài. Tiêu chuẩn thiết kế | TCVN 7957-2008 |
| 26 | Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế | TCVN 2622-1995 |
| 27 | Phòng cháy chữa cháy nhà cao tầng. Yêu cầu thiết kế | TCVN 6160-1996 |
| 28 | Hệ thống chữa cháy. Yêu cầu về thiết kế, lắp đặt và sử dụng | TCVN 5760-1993 |
| 29 | Thiết bị phòng cháy và chữa cháy | TCVN 5054-1990 |
| Và một số quy trình hiện hành khác; | | |

- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát và các văn bản liên quan tới các đối tượng nghiệm thu

- Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng và các biên bản nghiệm thu giai đoạn
- Bản vẽ hoàn công công trình hoàn thành do nhà thầu lập;
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình xây dựng;

2. Về nội dung, chất lượng công việc xây dựng:

a. Quy mô, nội dung đầu tư:

Xây dựng mới bể xử lý nước thải diện tích xây dựng 45m².

- Công trình đặt ngầm, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 12,8x3,4m. Chiều cao công trình đến cốt hoàn thiện nắp bể là 2,5m; Trên mặt sàn bể đắp 01 lớp đá mặt dày 20cm đầm chặt và lát đá bằng cốt sân hiện trạng.

- Đáy bể đổ bê tông cốt thép M250#, tường xây gạch đặc vữa XMM 75#, trát tường trong tường ngoài vữa XMM 75#, Dầm sàn bê tông cốt thép M250#.

- Hệ thống điện lấy từ tủ điện tổng khách sạn kéo vào tủ điện hệ thống xử lý bằng cáp CU/XLPE/PVC 3x6mm². Dây dẫn trong công trình dùng dây Cu/PVC 3x4mm² cấp cho máy thổi khí; Cáp CU/PVC(3x1,0 và 3x1,5)mm² cấp cho máy bơm chìm, khuấy chìm, Cáp CU/PVC 2x1,0mm² cấp cho phao báo mức. Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen nhựa cứng đi nổi trong tường và trần.

- Đường ống công nghệ bên trong và ngoài bể xử lý dùng ống PVC D200, D140, D125, D110, D60, D48 và D21

3. Chất lượng các hạng mục công trình xây dựng: Đạt yêu cầu so với thiết kế.

4. Các ý kiến khác: Không.

V. Kết luận:

- Đồng ý nghiệm thu công trình: Hệ thống xử lý nước thải khách sạn Phương Hoàng 3 – công suất 70 m3/ngđ để bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng.

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm bảo hành công trình theo quy định đã ghi trong hợp đồng.

- Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này. Biên bản được thông qua, các bên tham gia nghiệm thu, bàn giao thống nhất ký tên./.

CÁC BÊN CÙNG THAM GIA THỐNG NHẤT

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ Đ.D TƯ VẤN GIÁM SÁT Đ.D ĐƠN VỊ THI CÔNG



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hùng



GIÁM ĐỐC
Đoàn Mạnh Cường



GIÁM ĐỐC
Đỗ Thị Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 11/2020-HĐQLVH-ĐLTPTH

Hang mục: Quản lý vận hành đường dây 22kV và TBA công ty CP in và vật tư Ba Đình: 750kVA-22/0,4kV

Địa điểm : Phường Điện Biên - Thành Phố Thanh Hóa

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào Quyết định số 959/QĐ – EVN ngày 09/8/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt nam về việc ban hành Quy trình an toàn điện;
- Căn cứ Định mức số 4096/EVN-ĐT ngày 02/10/2015 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam V/v: Định mức chi phí thuê QLVH hàng năm đối với công trình điện đấu nối lưới điện Quốc Gia;
- Căn cứ quy phạm quản lý kỹ thuật an toàn vận hành lưới điện trung áp hiện hành của các cấp có thẩm quyền;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của các bên;

Hôm nay ngày tháng 05 năm 2020, chúng tôi gồm:

1. BÊN A: CÔNG TY CP IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HÓA

- Đại diện:(Ông) Nguyễn Ngọc Phú Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Địa chỉ : 96 Lê Hoàn - P.Điện Biên - TP.Thanh Hóa - Tỉnh Thanh Hóa
- Điện thoại: 0913293201 Fax:
- Mã số thuế: 2800748334

2. Bên B: ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ THANH HÓA.

- Đại diện là: Hoàng Hải Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ giao dịch: 98 Triệu Quốc Đạt , Phường Điện Biên, Tp Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.
- Điện thoại: 02373852618 Email: dlthanhhoa@pcl.com.vn
- Tài khoản: 118000019457 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thanh Hóa.
- Mã số thuế: 0100100417009

(Sau đây gọi tắt là bên B)

Sau khi bàn bạc, thảo luận, hai bên thống nhất ký Hợp Đồng với những điều khoản dưới đây:

Điều 1: Nội dung và phạm vi công việc.

- Bên B nhận bao thầu quản lý vận hành 0,1km đường dây cáp ngầm 22kV và 01 TBA công ty CP in và vật tư Ba Đình: 750kVA-22/0,4kV cho Bên A. Gồm các nội dung công việc quản lý vận hành chính như sau:

1.1 Đối với phần đường dây 22kV:

- Kiểm tra định kỳ đường dây 1 tháng/ 1 lần, mở sổ sách theo dõi thông số kỹ thuật.
- Vệ sinh tiêu tu lau chùi sứ.
- Tăng cường độ dẫn điện cho dây dẫn ở vị trí có số sợi bị đứt dưới 17% tổng số sợi của dây dẫn đang vận hành.
- Xử lý tiếp xúc cung lều: Thay các cung lều bị đứt do điện trở tiếp xúc.
- Xử lý tiếp xúc 3 pha của cầu dao cách ly, cầu chì SI - 24 KV.
- Xử lý tiếp xúc phần nối của tiếp địa.
- Kiểm tra định kỳ các mối nối của dây dẫn, dây chống sét, hệ xà của cột.
- Kiểm tra, phát quang hành lang dọc tuyến
- Sơn đánh số cột, đắp lốc móng cột điện, lốc móng dây néo và tăng dây néo.
- Kiểm tra định kỳ tiếp địa đường dây.
- Vệ sinh công nghiệp đường dây 1 năm/ 1 lần.

1.2 Đối với phần trạm biến áp:

- Bổ sung dầu hao hụt (theo quy trình, quy phạm). Không tính đến dầu thiếu do bị mất cấp, sự cố do chủ quan bên chủ tài sản gây ra; rỉ dầu do gioăng MBA hoặc vỏ MBA bị hỏng) thiếu dầu quá tỷ lệ 15 % cho phép.
- Thay hạt Xilicazen đã bị hỏng do làm việc quá thời gian cho phép đã bị biến màu
- Xử lý tiếp xúc má cầu dao cách ly cầu trị, tiếp xúc các vị trí đầu dây đầu sứ thanh cái.
- Thay dây chì cao thế (Các trường hợp đứt chì 1 pha)
- Vệ sinh công nghiệp TBA 1 năm/1 lần
- Kiểm tra vệ sinh công nghiệp
- Kiểm tra MBA định kỳ, lập lý lịch vận hành.
- Đo tiếp địa trạm theo quy trình quy phạm.

1.3 Các vật liệu sử dụng trong quá trình quản lý vận hành:

Trong phạm vi hợp đồng này chỉ tính chi vật liệu phụ như: côn; giẻ lau; giấy ráp; dầu MBA; hạt Xilicazen; và 10% tổng số lượng sứ kém chất lượng, hư hỏng (nếu có).

1.4 Ranh giới bao thầu quản lý vận hành.

- Bên A có trách nhiệm quản lý vận hành từ điểm đầu nối TBA đến má trên ATM tổng 0,4kV

Điều 2: Các danh mục sửa chữa phát sinh (nếu có) trong quá trình vận hành.

- Các chi phí sửa chữa phát sinh bên A phải chịu trách nhiệm chi trả trong các trường hợp sau đây:

- a) Trong quá trình quản lý vận hành phát hiện sự cố, nguy cơ đe dọa sự cố như: đứt dây, cột đổ, cột nghiêng không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, mất dây néo, mất dây tiếp địa, gãy xà ...
- b) Các sự cố xảy ra ở các khu vực tài sản của bên A quản lý (Phần đường dây 0,4kV và các thiết bị tính từ má dưới ATM trở xuống) gây nên sự cố làm hỏng các thiết bị của

trạm, hoặc sự cố MBA do mất cấp dầu, thiết bị khác, do thiên tai, dịch họa thì hai bên tổ chức kiểm tra lập biên bản, có đủ thành phần cần thiết để phân định trách nhiệm và phối hợp xử lý.

c) Các lần sự cố gây nên nổ, đứt dây chỉ phía cao thế của MBA từ 2 pha trở lên. Bên A chịu trách nhiệm liên hệ với đơn vị có đủ chức năng, nghiệp vụ thực hiện thí nghiệm MBA trước khi đóng điện (Bên B tham gia đầu mối, nếu được bên A yêu cầu).

d) Các thiết bị cần phải thay thế trong quá trình quản lý vận hành có giá trị lớn hơn 500.000 vnd

- Các trường hợp sửa chữa này nếu bên A thuê bên B xử lý thì hai bên sẽ thống nhất ký kết hợp đồng riêng.

Điều 3: Trách nhiệm của các bên

2.1/ Trách nhiệm Bên A:

a) Bên A xác nhận và bàn giao cho Bên B các tài liệu, hồ sơ kỹ thuật công trình, lập biên bản xác định khối lượng tài sản thực tế cần kiểm tra, quản lý.

+ Đối với công trình mới đưa vào vận hành (Đến 01 năm): Bàn giao tài liệu, hiện trạng mặt bằng trạm theo hồ sơ hoàn công.

+ Đối với công trình đã sản xuất từ lâu (từ 01 năm trở lên): Theo số liệu thống kê hiện trạng giữa hai bên.

b) Về hành lang an toàn lưới điện: A, B sẽ thống nhất trên cơ sở hiện trạng.

+ Nếu hành lang còn vướng mắc về công trình nhà cửa, cây xanh phải đền bù thì bên A chịu trách nhiệm giải quyết đền bù theo Nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ V/v: Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

+ Trong quá trình quản lý nếu phát hiện thấy vi phạm hành lang do xây dựng công trình, nhà cửa, bên B cần báo ngay cho bên A để bên A giải quyết.

c) Phối hợp thường xuyên, thông báo kế hoạch sửa chữa thiết bị dùng điện của bên A với B trước 10 ngày để phối hợp sắp xếp lịch kiểm tra sửa chữa nhằm giảm thời gian mất điện của bên A.

d) Thanh toán đầy đủ, kịp thời cho bên B theo điều 4 của hợp đồng

2.2/ Trách nhiệm Bên B:

- Tiếp nhận các tài liệu và xác định khối lượng hiện trạng công trình điện của bên A một cách chính xác làm cơ sở tính toán khối lượng công việc và giá trị hợp đồng bao thầu.

- Thực hiện đầy đủ khối lượng, phạm vi công việc như thoả thuận tại điều 1.

- Việc kiểm tra quản lý nếu cần cắt điện phải làm thủ tục đăng ký với Điện lực thành phố Thanh Hóa và thông báo lịch cắt điện cho bên A trước 05 ngày (Trừ trường hợp đột xuất, khi có nguy cơ sự cố cao).

- Trong quá trình kiểm tra nếu phát hiện các hư hỏng cần khắc phục, sửa chữa thuộc các trường hợp như điều 2 bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A để lập biên bản cụ thể, thống nhất phương án xử lý.

Trong quá trình quản lý vận hành, nếu phát hiện đường dây, thiết bị kém chất lượng gây sự cố, hoặc nguy cơ đe dọa sự cố phải thông báo kịp thời cho chủ tài sản biết để phối hợp xử lý (bằng văn bản).

- Thông báo hẹn rõ thời gian sửa chữa để bên A cùng phối hợp giải quyết.

- Thông báo cho bên A biết những vi phạm về an toàn hành lang lưới điện ngay sau khi đi kiểm tra đường dây.

Điều 4 : Hiệu lực hợp đồng:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Thời gian thực hiện: 03 tháng kể từ ngày bên A chuyển tiền cho bên B

- 20 ngày trước khi hết thời hạn nêu trên hai bên sẽ bàn bạc để ký tiếp hợp đồng.

Điều 5: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

Giá trị hợp đồng: 4.149.694 đồng (Có chi tiết kèm theo).

Bằng chữ: Bốn triệu một trăm bốn chín nghìn sáu trăm chín tư đồng.

*** Phương thức thanh toán:**

- Do tính chất, quy mô của hợp đồng, hai bên thống nhất: Ngay sau khi hai bên thống nhất ký Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng, bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng.

- Khi giá cả thị trường vật tư, tiền lương... có biến động lớn hai bên sẽ bàn bạc và điều chỉnh trước khi thanh lý hợp đồng.

Điều 6: Thanh lý hợp đồng

- Thanh lý hợp đồng khi mọi công việc trong hợp đồng đã được hoàn thành.

- Nếu khối lượng không thay đổi thì hợp đồng tự thanh lý.

Điều 7: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản và nghĩa vụ đã nêu trong hợp đồng, bên nào vi phạm gây thiệt hại về kinh tế cho phía bên kia thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra theo quy định hiện hành.

- Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc, hai bên cùng bàn bạc thống nhất và tìm biện pháp giải quyết.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN B



PHỤ LỤC I

Kèm theo hợp đồng số: 08/2020.

-HĐQLVH-ĐLTPTH

Hang mục: Quản lý vận hành đường dây 22kV và TBA 750kVA-22/0,4kV

Căn cứ Định mức chi phí thuê quản lý, vận hành hàng năm đối với công trình điện đấu nối vào lưới điện quốc gia (Ban hành kèm theo văn bản số 4096/EVN-ĐT ngày 02/10/2015 của tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Căn cứ mức lương cơ sở đầu vào công bố tại Bảng số 1 Phụ lục số 1 của Thông tư 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 tính theo Vùng I = 2.530.000 đ.

TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN QUẢN LÝ VẬN HÀNH

| TT | Khoản mục QLVH | Mã hiệu | Cách tính | Thành Tiền |
|----|--|-------------------|---|------------------|
| M1 | Chi phí nhân công QLVH Trạm | T.TBA.22.P >400.1 | $(6807207 * 3 * 2.530.000) / (2.150.000 * 12)$ | 2.002.585 |
| M2 | Chi phí nhân công QLVH đường dây cáp ngầm điện áp 24kV (L = 0,1km) | T.ĐD.22.1M.K.1 | $0,1 * 50% * 2.623.039 * 2.530.000 / 2.150.000$ | 154.332 |
| M3 | Chi phí khác (chi phí chung) | | 65% NC | 1.401.996 |
| M4 | Lãi định mức (thu nhập chịu thuế tính trước) | | 6% (NC+CPK) | 213.535 |
| M5 | Giá trị dự toán trước thuế | | M1+M2+M3+M4 | 3.772.449 |
| M6 | Thuế giá trị gia tăng | | VAT = 10% * M4 | 377.245 |
| | Tổng giá trị sau thuế | | M5+M6 | 4.149.694 |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

Mã hợp đồng YD.71.5015...

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Căn cứ Thông báo số 01/TB-SCT ngày 03/05/2012 của Sở Công thương Thanh Hóa về việc chấp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu;
- Căn cứ nhu cầu của khách hàng và khả năng cung cấp nước của Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa,

Hôm nay, ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa, chúng tôi gồm:

I - Bên cung cấp dịch vụ (gọi tắt là bên A): CÔNG TY CP CẤP NƯỚC THANH HÓA.

Đại diện: Lê Tiên Hùng Chức vụ: Giám đốc CN EN Bắc CP

Theo giấy ủy quyền số: ngày tháng năm 20 của Giám đốc Công ty TNHH một thành viên cấp nước Thanh Hóa (nay là Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa).

Địa chỉ: Đường Kim Quy, Học Viện Nông Nghiệp, TP. Thanh Hóa

Điện thoại: 0237.3723636 Fax: Email:

Tài khoản: Tại:

Mã số thuế: 2800219549

II - Bên sử dụng nước (gọi tắt là bên B): CƠ QUAN - TỔ CHỨC - HỘ GIA ĐÌNH.

Đại diện: Cty CP in & vật tư Ba Đình, Thanh Hóa

Địa chỉ: 10A Lê Hoàn, Điện Biên, TP. Thanh Hóa

Điện thoại: Fax: Email:

Tài khoản số: Tại:

Mã số thuế:

Mã hợp đồng:

Cùng nhau thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ cấp nước với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng của hợp đồng

Áp dụng đối với Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa và khách hàng sử dụng nước trong việc mua bán nước sạch và các cam kết.

Điều 2: Điều kiện chất lượng dịch vụ

- Chất lượng nước sạch sản xuất của bên A đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Bên A đáp ứng yêu cầu về lưu lượng tại điểm đầu nối của bên B (trừ các lý do được coi là bất khả kháng).

Điều 3: Giá nước sạch

Theo quyết định về giá nước của cấp có thẩm quyền tại thời điểm thanh toán tiền nước. Đối với khách hàng là hộ gia đình có từ 02 (hai) hợp đồng dịch vụ cấp nước trở lên thì chỉ được hưởng giá nước sinh hoạt cho 01 (một) hợp đồng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, các hợp đồng còn lại phải chịu mức giá theo tính chất ngành nghề hoạt động của chủ hộ.

Điều 4: Phương thức ghi đồng hồ và thanh toán

4.1. Ghi đồng hồ:

- Bên A ghi chỉ số đồng hồ và thu tiền nước theo chu kỳ cố định: 01 lần/tháng, nếu cần phải thay đổi chu kỳ ghi và thu tiền nước thì sẽ thông báo trước cho bên B trong thời gian tối thiểu trước 10 ngày.
- Trường hợp đồng hồ đo nước không phản ánh chính xác được số tiêu thụ, thì khối lượng nước trong kỳ được tính bằng trung bình 03 kỳ liên tiếp trước đó khi đồng hồ chạy bình thường, đồng thời phải kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế ngay đồng hồ mới với chi phí của bên có lỗi.

4.2. Thanh toán:

- Bên B thanh toán cho bên A theo hóa đơn tiền nước định kỳ bằng hình thức: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Khi nhận được hóa đơn tiền nước, bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho bên A. Trường hợp chưa thanh toán ngay được thì chậm nhất không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có hóa đơn thanh toán, bên B phải đến nộp tại chi nhánh của bên A theo địa điểm ghi trên giấy thông báo nợ tiền nước. Quá thời hạn trên, bên A sẽ tạm ngừng cấp nước. Việc cấp nước trở lại chỉ được thực hiện sớm nhất sau 24 giờ kể từ khi bên B đã thanh toán xong tiền nước còn nợ và chi phí liên quan đến đóng mở nước. Trường hợp tái phạm, bên A có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- Bên B có quyền yêu cầu bên A xem xét lại số tiền nước phải thanh toán. Bên A có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của bên B. Sau khi có kết quả giải quyết, bên B có trách nhiệm thanh toán ngay tiền nước trên cơ sở kết quả giải quyết.

Điều 5: Quyền lợi và nghĩa vụ của bên A

5.1. Quyền lợi:

- Được phép vào khu vực quản lý của khách hàng sử dụng nước để thao tác bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế phụ tùng, thiết bị cấp nước.
- Được kiểm tra chủng loại, tình trạng và tình hình hoạt động của vật tư, thiết bị đã hoặc sẽ đấu nối vào mạng lưới cấp nước của bên A và được bồi thường thiệt hại do khách hàng sử dụng nước gây ra theo quy định của Pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ:

- Tổ chức sản xuất an toàn. Bảo đảm cung cấp dịch vụ cấp nước cho khách hàng, đáp ứng chất lượng dịch vụ theo thỏa thuận;
- Thông báo đến bên B hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng trước 24 giờ khi tạm ngưng cung cấp nước để phục vụ việc tu bổ, sửa chữa định kỳ (*trừ trường hợp sự cố đột xuất*);
- Bồi thường thiệt hại cho khách hàng trong trường hợp nước do bên A sản xuất, cung cấp đến điểm đấu nối của bên B không đảm bảo chất lượng gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe của người sử dụng, mức bồi thường cụ thể như sau:
 - + Bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe;
 - + Hoàn lại giá trị phần lượng nước không đảm bảo chất lượng;
- Hoàn trả cho khách hàng sử dụng nước khoản tiền thu thừa trong trường hợp ghi sai chỉ số đồng hồ hoặc đồng hồ không đạt tiêu chuẩn theo quy định hoặc tính sai hóa đơn. Mức hoàn trả bao gồm cả tiền lãi của khoản tiền thu thừa nếu thời điểm hoàn trả sau một tháng so với thời điểm đã thu thừa tiền nước. Lãi suất của số tiền thu thừa do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất cho vay cao nhất của Ngân hàng mà bên A có tài khoản ghi trong hợp đồng dịch vụ cấp nước tại thời điểm thanh toán;
- Tiếp nhận và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của bên B về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước;
- Đầu tư lắp đặt đường ống đến điểm đấu nối bao gồm cả đồng hồ đo nước cho khách hàng sử dụng nước, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;
- Kịp thời khắc phục sự cố, khôi phục việc cấp nước;
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên B

6.1. Quyền lợi:

- Được cung cấp đầy đủ, kịp thời về số lượng, đảm bảo về chất lượng dịch vụ đã nêu trong hợp đồng.

- Yêu cầu bên A kịp thời khôi phục việc cấp nước khi sự cố đã được khắc phục.
- Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động cấp nước.
- Được bồi thường thiệt hại do bên A gây ra theo quy định của Pháp luật.
- Yêu cầu bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ, tính chính xác của thiết bị đo đếm, số tiền nước phải thanh toán.

6.2. Nghĩa vụ:

- Sử dụng nước đúng mục đích đã đăng ký tại Phụ lục I của Hợp đồng.
- Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thỏa thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước.
- Đảm bảo an toàn đồng hồ nước.
- Tạo điều kiện để bên A kiểm tra, ghi chỉ số đồng hồ đo nước. Trường hợp bên A không ghi được chỉ số đồng hồ nước vì lý do chủ quan của bên B thì bên B phải có biện pháp thông báo chỉ số cho bên A biết nhưng không được quá 02 kỳ liên tiếp.
- Không được dùng bất kỳ hình thức nào để làm sai lệch hoặc vô hiệu hóa đồng hồ nước hoặc sử dụng nước không qua đồng hồ. Nếu vi phạm, sẽ bị tạm dừng dịch vụ cấp nước và truy thu tiền nước trên cơ sở:
 - + Khối lượng: Được xác định bằng lượng nước tối đa có thể cấp qua hệ thống trong thời gian tương ứng;
 - + Giá nước: Áp dụng mức giá kinh doanh dịch vụ.

Ngoài ra, bên B còn phải thanh toán các chi phí có liên quan đến việc hoàn trả lại hệ thống đường ống, đồng hồ đo nước như ban đầu và chịu xử phạt hành chính của cơ quan có thẩm quyền.

Bên B chỉ được cấp nước trở lại sau khi đã thực hiện xong mọi trách nhiệm của mình và cam kết không tái phạm. Trường hợp tái phạm, bên cạnh việc đền bù mọi thiệt hại, bên A sẽ dừng dịch vụ cấp nước vĩnh viễn đối với bên B, đồng thời đề nghị truy tố trước Pháp luật nếu gây hậu quả nghiêm trọng.

- Không đầu bất cứ nguồn nước nào vào chung với hệ thống cấp nước do bên A cấp.
- Chịu mọi chi phí sửa chữa, thay thế (nếu có) đối với hệ thống cấp nước thuộc tài sản sở hữu của mình. Thanh toán chi phí khi có yêu cầu di dời đồng hồ, nâng cấp đồng hồ hay hệ thống cấp nước để phục vụ cho nhu cầu phát sinh trong quá trình sử dụng. Trường hợp đồng hồ nằm trong khu vực quản lý của bên B bị mất hoặc hư hỏng do lỗi chủ quan của bên B thì bên B phải trả chi phí thay đồng hồ mới hoặc sửa chữa liên quan khác.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 7. Sửa đổi hợp đồng

- 7.1. Trường hợp bên B có các thay đổi về mục đích sử dụng nước, người đứng tên hợp đồng, mã số thuế, ngân hàng thanh toán hoặc hình thức thanh toán... thì thông báo cho bên A trước 15 (mười lăm) ngày theo chu kỳ ghi đồng hồ của tháng kế sau để cùng điều chỉnh hoặc ký lại hợp đồng.

- 7.2. Trường hợp bên B chuyển giao bất động sản cho đối tượng khác thì phải có đơn đề nghị chuyển giao hợp đồng sử dụng nước. Khách hàng sử dụng nước tiếp theo phải đăng ký sử dụng nước và ký lại hợp đồng cung cấp, sử dụng nước với bên A.
- 7.3. Trong thời gian khách hàng sử dụng nước tiếp theo chưa đăng ký sử dụng, ký lại hợp đồng thì vẫn chịu trách nhiệm về việc sử dụng nước và phải chấp hành các quy định về cung cấp, sử dụng nước, bảo vệ công trình nước hiện hành, đồng thời phải thanh toán đầy đủ các khoản nợ của bên B cho bên A (nếu có)

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng.

- 8.1. Một trong hai bên có quyền chấm dứt hợp đồng dịch vụ cấp nước nếu bên kia không thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng hoặc:
- Bên B không còn nhu cầu sử dụng nước;
 - Bất động sản có đồng hồ bị giải tỏa, di dời theo quyết định của cơ quan chức năng;
- Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên kia biết trước 15 (mười lăm) ngày để cùng nhau giải quyết.
- 8.2. Hợp đồng dịch vụ cấp nước được khôi phục lại hoặc ký sau khi các vướng mắc giữa hai bên đã được giải quyết hoặc lệnh giải tỏa được hủy bỏ.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có tranh chấp, hai bên sẽ tự giải quyết bằng thương lượng trên nguyên tắc tuân thủ Pháp luật và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của nhau. Trường hợp không tự giải quyết được thì vấn đề tranh chấp sẽ được chuyển đến tòa án dân sự để phân xử. Bên nào vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Điều 10. Các thỏa thuận khác.

- 10.1. Thiết bị đo đếm nước phải phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam và được các cơ quan có chức năng kiểm định về đo lường kiểm chuẩn và niêm phong.
- 10.2. Bên A có trách nhiệm tổ chức ghi đúng chỉ số đồng hồ đo nước theo định kỳ. Bên B có quyền kiểm tra, giám sát việc ghi chỉ số đồng hồ của bên A.
- 10.3. Việc kiểm định thiết bị đo đếm nước theo đúng quy định của Pháp lệnh đo lường.
- 10.4. Khi có nghi ngờ thiết bị đo đếm nước không chính xác, bên B có quyền yêu cầu bên A kiểm tra. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu của bên B, bên A phải kiểm tra và hoàn thành việc sửa chữa hoặc thay thế thiết bị đo đếm nước. Việc thanh toán tiền nước được thực hiện theo thỏa thuận tại ý 2 khoản 4.2 Điều 4 hợp đồng này.
- 10.5. Trường hợp không đồng ý với kết quả kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế của bên A, bên B có quyền yêu cầu cơ quan chức năng tổ chức kiểm định độc lập, với trách nhiệm về thanh toán chi phí như sau:
- Nếu kiểm định, đồng hồ nước vẫn đạt tiêu chuẩn theo quy định, thì bên B phải trả chi phí kiểm định và các chi phí có liên quan.

- Nếu kiểm định, đồng hồ nước không đạt tiêu chuẩn theo quy định, thì bên A phải trả chi phí kiểm định và các chi phí có liên quan.
- Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định sai số thực tế của đồng hồ lớn hơn sai số cho phép quy định thì bên A phải hoàn trả tiền thu thừa cho khách hàng sử dụng nước, căn cứ để xác định khối lượng tính giá trị tiền thu thừa phải bồi hoàn như sau:
 - + Mức độ sai số cho phép quy định;
 - + Mức độ sai số thực tế do tổ chức kiểm định độc lập xác định;
 - + Khoảng thời gian từ thời điểm lượng nước sử dụng tăng đột biến so với mức tiêu thụ bình quân trước thời điểm tháo đồng hồ để kiểm định.

Điều 11. Điều khoản chung

- 11.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, đồng thời chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước cũng như quy định của UBND tỉnh có liên quan đến dịch vụ cấp nước. Mọi sửa đổi, bổ sung cho hợp đồng này phải được lập thành văn bản và được hai bên ký kết mới có hiệu lực thực hiện. Những thay đổi và sửa chữa này được xem như một phần của hợp đồng.
- 11.2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày thay thế cho hợp đồng cũ đã ký giữa hai bên (nếu có) và được lập thành 02 (hai) bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ

KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC



Lê Tiên Hưng

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo và là một phần không tách rời của hợp đồng dịch vụ cấp nước)

1. Thông tin về khách hàng sử dụng nước:

| Lần đăng ký | Ngày đăng ký | Số hộ/ đầu nối | Mục đích sử dụng | | | | Ký xác nhận | |
|-------------|--------------|-------------------|------------------|------|----|------|-------------|-------|
| | | | SH | HCSN | KD | SNVC | Bên A | Bên B |
| | 24/7/2017 | Cấp lại Hệ thống | | | X | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

2. Thông tin về đầu nối:

| Nội dung | Vị trí điểm đầu nối | Thông tin và đồng hồ đo nước | | | |
|----------|---------------------|------------------------------|------------|------|----------------|
| | | Dường kính (mm) | Chủng loại | Seri | Vị trí lắp đặt |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

3. Sơ đồ mặt bằng:

Khách hàng sử dụng nước
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 20.....

Bên cung cấp dịch vụ
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC 2

Thông tin liên hệ, hỗ trợ khách hàng

Khi cần:

- Tư vấn về đầu tư, phát triển cấp nước.
- Giải đáp, cung cấp các thông tin có liên quan đến dịch vụ cấp nước.
- Phản ánh về chất lượng phục vụ cấp nước.
- Báo sự cố hệ thống cấp nước.

Tùy từng khu vực, quý khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ và số điện thoại sau:

| Số TT | Tên đơn vị | Số điện thoại |
|-------|--|---------------|
| 1 | Phòng chăm sóc khách hàng | 0373.722.722 |
| 2 | Chi nhánh cấp nước Bắc thành phố Thanh Hóa | |
| 2 | Chi nhánh cấp nước Nam thành phố Thanh Hóa | 0373.854.726 |
| 3 | Chi nhánh cấp nước Bim Sơn | 0373.770.760 |
| 4 | Chi nhánh cấp nước Sầm Sơn | 0373.821.092 |
| 5 | Chi nhánh cấp nước Hoàng Hóa | 0373.643.297 |
| 6 | Chi nhánh cấp nước Quảng Xương | 0378.755.568 |
| 7 | Chi nhánh cấp nước Đông Sơn | 0373.985.918 |
| 8 | Chi nhánh cấp nước Tĩnh Gia | 0378.717.898 |
| 9 | Chi nhánh cấp nước Triệu Sơn | 0378.796.688 |
| 10 | Chi nhánh cấp nước Nông Cống | 0373.681.456 |
| 11 | Chi nhánh cấp nước Cẩm Thù | 0378.979.696 |
| 12 | Chi nhánh cấp nước Ngọc Lặc | 0373.871.768 |
| 13 | Chi nhánh cấp nước Thạch Thành | 0373.656.556 |

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ CẤP NƯỚC

Mã hợp đồng: BTP.Y07.15.16..

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam được Quốc Hội thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính Phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

- Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

- Căn cứ thông báo số 888/TB-SCT ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Sở Công thương Thanh Hóa về việc chấp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu.

- Căn cứ nhu cầu của khách hàng và khả năng cung cấp nước của Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hoá.

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2017.....tại Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa, chúng tôi gồm:

I. Bên cung cấp nước: Công ty CP cấp nước Thanh Hoá (gọi tắt là Bên A)

Đại diện.....Lê Thiên Hùng.....Chức vụ: giáo viên BTP

Theo giấy uỷ quyền số...../.....ngày.....tháng.....năm 20.....của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa.

Địa chỉ: 22 Kim Quy Hoa Ba Đông thành TP.T.Hoa

Điện thoại: 0237.3.723.636.....Fax:.....Email:.....

Tài khoản.....tại.....

Mã số thuế: 2800219549

II. Bên sử dụng nước: Cơ quan - Tổ chức - Hộ gia đình (gọi tắt là Bên B)

Đại diện.....Cty CP in và vật tư.....Chức vụ: Ba Đình Thanh Sơn

Địa chỉ: 66B Lê Hoàn, P.Điền Biên TP.T.Hoa

Điện thoại.....

Fax:.....Email:.....

Tài khoản số:.....Tại.....

Mã số thuế.....

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng dịch vụ cấp nước với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng của hợp đồng

Áp dụng đối với Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa và khách hàng sử dụng nước trong việc mua bán nước sạch và các cam kết.

Điều 2. Điều kiện chất lượng dịch vụ

1. Chất lượng nước sạch sản xuất của bên A đảm bảo theo tiêu chuẩn theo qui định hiện hành của Nhà nước.

2. Bên A đáp ứng yêu cầu về lưu lượng tại điểm đầu nối của bên B (Trừ các lý do được coi là bất khả kháng).

Điều 3. Giá nước sạch

Theo quyết định về giá nước của cấp có thẩm quyền tại thời điểm thanh toán tiền nước. Đối với khách hàng là hộ gia đình có từ 02 (hai) hợp đồng dịch vụ cấp nước trở lên thì chỉ được hưởng giá nước sinh hoạt cho 01 (một) hợp đồng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, các hợp đồng còn lại phải chịu mức giá theo tính chất ngành nghề hoạt động của chủ hộ.

Điều 4. Phương thức ghi đồng hồ và thanh toán

1. Ghi đồng hồ:

a) Bên A ghi chỉ số đồng hồ và thu tiền nước theo chu kỳ cố định: 01 lần/tháng, nếu cần phải thay đổi chu kỳ ghi và thu tiền nước thì sẽ thông báo trước cho bên B trong thời gian tối thiểu trước 10 ngày;

b) Trường hợp đồng hồ đo nước không phản ánh chính xác được số tiêu thụ, thì khối lượng nước trong kỳ được tính bằng trung bình 03 kỳ liên tiếp trước đó khi đồng hồ chạy bình thường, đồng thời phải kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế ngay đồng hồ mới với chi phí của bên có lỗi.

2. Địa điểm, phương thức thanh toán:

a) Bên B nộp tiền vào Tài khoản của bên A theo hình thức: Chuyển khoản

b) Bên B thanh toán tiền mặt cho bên A theo hóa đơn tiền nước tại bàn thu tiền được đặt tại mỗi các thôn, xóm, phố, phường do bên A đã đăng ký.

Bên A sẽ thông báo cho bên B bằng hình thức: gọi điện thoại, nhắn tin hoặc các phương tiện truyền thông khác.

Khi nhận được hóa đơn tiền nước, bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho bên A. Trường hợp chưa thanh toán ngay được thì chậm nhất không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có hóa đơn thanh toán, bên B phải đến nộp tại chi nhánh của bên A theo địa điểm ghi trên giấy thông báo nợ tiền nước. Quá thời hạn trên, bên A sẽ tạm ngừng cấp nước. Việc cấp nước trở lại chỉ được thực hiện sớm nhất sau 24 giờ kể từ khi bên B đã thanh toán xong tiền nước còn nợ và chi phí liên quan đến đóng mở nước. Trường hợp tái phạm, bên A có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Bên B có quyền yêu cầu bên A xem xét lại số tiền nước phải thanh toán. Bên A có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của bên B. Sau khi có kết quả giải quyết, bên B có trách nhiệm thanh toán ngay tiền nước trên cơ sở kết quả giải quyết;

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền lợi:

- a) Được phép vào khu vực quản lý của khách hàng sử dụng nước để thao tác bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế phụ tùng, thiết bị cấp nước;
- b) Được kiểm tra chủng loại, tình trạng và tình hình hoạt động của vật tư, thiết bị đã hoặc sẽ đấu nối vào mạng lưới cấp nước của bên A và được bồi thường thiệt hại do khách hàng sử dụng nước gây ra theo qui định của Pháp luật;
- c) Các quyền khác theo qui định của Pháp luật.

2. Nghĩa vụ:

- a) Bảo đảm cung cấp nước cho khách hàng, đáp ứng chất lượng dịch vụ theo thỏa thuận;
- b) Thông báo đến bên B hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng trước 24 giờ khi tạm ngưng cung cấp nước để phục vụ việc tu bổ, sửa chữa định kỳ (trừ trường hợp sự cố đột xuất);
- c) Bồi thường khi gây thiệt hại cho khách hàng trong trường hợp nước do bên A sản xuất, cung cấp đến điểm đấu nối của bên B không đảm bảo chất lượng gây thiệt hại cho người sử dụng, mức bồi thường cụ thể như sau:
 - Bồi thường thiệt hại theo quy định của Pháp luật;
 - Hoàn lại giá trị phần lượng nước không đảm bảo chất lượng.
- d) Hoàn trả cho khách hàng sử dụng nước khoản tiền thừa thừa trong trường hợp ghi sai chỉ số đồng hồ hoặc đồng hồ không đạt tiêu chuẩn theo qui định hoặc tính sai hóa đơn. Mức hoàn trả bao gồm cả tiền lãi của khoản tiền thừa thừa nếu thời điểm hoàn trả sau một tháng so với thời điểm đã thu tiền thừa tiền nước. Lãi suất của số tiền thừa thừa do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất cho vay cao nhất của Ngân hàng mà bên A có tài khoản ghi trong hợp đồng dịch vụ cấp nước tại thời điểm thanh toán;
- đ) Tiếp nhận và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của bên B về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp, sử dụng nước;
- e) Đầu tư lắp đặt đường ống đến điểm đấu nối bao gồm cả đồng hồ đo nước cho khách hàng sử dụng nước, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;
- g) Kịp thời khắc phục sự cố, khôi phục việc cấp nước;
- f) Các nghĩa vụ khác theo qui định của Pháp luật.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền lợi:

- a) Được cung cấp đầy đủ, kịp thời về số lượng, bảo đảm về chất lượng dịch vụ đã nêu trong hợp đồng;
- b) Yêu cầu bên A kịp thời khôi phục việc cấp nước khi sự cố đã được khắc phục;

- c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động cấp nước;
- d) Được bồi thường thiệt hại do bên A gây ra theo qui định của pháp luật;
- d) Yêu cầu bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ, tính chính xác của thiết bị đo đếm, số tiền nước phải thanh toán.

2. Nghĩa vụ:

- a) Sử dụng nước đúng mục đích đã đăng ký tại phụ lục I của hợp đồng;
- b) Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng thời hạn và thực hiện các thoả thuận khác trong hợp đồng dịch vụ cấp nước;
- c) Đảm bảo an toàn đồng hồ nước;
- d) Tạo điều kiện để bên A kiểm tra, ghi chỉ số đồng hồ đo nước. Trường hợp bên A không ghi được chỉ số đồng hồ nước vì lý do chủ quan của bên B thì bên B phải có biện pháp thông báo chỉ số cho bên A biết nhưng không được quá 02 kỳ liên tiếp;
- đ) Không được dùng bất kỳ hình thức nào để làm sai lệch hoặc vô hiệu hóa đồng hồ nước hoặc sử dụng nước không qua đồng hồ. Nếu vi phạm, sẽ bị tạm dừng dịch vụ cấp nước và truy thu tiền nước trên cơ sở:

- Khối lượng: Được xác định bằng lượng nước tối đa có thể cấp qua hệ thống trong thời gian tương ứng; -

- Giá nước: Áp dụng mức giá kinh doanh dịch vụ;

Ngoài ra, bên B còn phải thanh toán các chi phí có liên quan đến việc hoàn trả lại hệ thống đường ống, đồng hồ đo nước như ban đầu và chịu xử phạt hành chính của cơ quan có thẩm quyền.

Bên B chỉ được cấp nước trở lại sau khi đã thực hiện xong mọi trách nhiệm của mình và cam kết không tái phạm. Trường hợp tái phạm, bên cạnh việc đền bù mọi thiệt hại, bên A sẽ dừng dịch vụ cấp nước vĩnh viễn đối với bên B, đồng thời đề nghị truy tố trước pháp luật nếu gây hậu quả nghiêm trọng.

e) Không đầu bất cứ nguồn nước nào vào chung với hệ thống cấp nước do bên A cấp;

g) Chịu mọi chi phí sửa chữa, thay thế (nếu có) đối với hệ thống cấp nước thuộc tài sản sở hữu của mình. Thanh toán chi phí khi có yêu cầu di dời đồng hồ, nâng cấp đồng hồ hay hệ thống cấp nước để phục vụ cho nhu cầu phát sinh trong quá trình sử dụng. Trường hợp đồng hồ nằm trong khu vực quản lý của bên B bị mất hoặc hư hỏng do lỗi chủ quan của bên B thì bên B phải trả chi phí thay đồng hồ mới hoặc sửa chữa liên quan khác;

h) Các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

Điều 7. Sửa đổi hợp đồng

1. Trường hợp bên B có các thay đổi về mục đích sử dụng nước, người đứng tên hợp đồng, mã số thuế, ngân hàng thanh toán hoặc hình thức thanh toán... thì thông báo cho bên A trước 15 ngày theo chu kỳ ghi đồng hồ của tháng kế sau để cùng điều chỉnh hoặc ký lại hợp đồng.

2. Trường hợp bên B chuyển giao bất động sản cho đối tượng khác thì phải có đơn đề nghị chuyển giao hợp đồng sử dụng nước. Khách hàng sử dụng nước tiếp theo phải đăng ký sử dụng nước và ký lại hợp đồng cung cấp, sử dụng nước với bên A.

3. Trong thời gian khách hàng sử dụng nước tiếp theo chưa đăng ký sử dụng, ký lại hợp đồng thì vẫn chịu trách nhiệm về việc sử dụng nước và phải chấp hành các qui định về cung cấp, sử dụng nước, bảo vệ công trình nước hiện hành, đồng thời phải thanh toán đầy đủ các khoản nợ của bên B cho bên A (nếu có).

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Một trong hai bên có quyền chấm dứt hợp đồng dịch vụ cấp nước nếu bên kia không thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng hoặc:

a) Bên B không còn nhu cầu sử dụng nước;

b) Bất động sản có đồng hồ nước bị giải tỏa, di dời theo quyết định của cơ quan chức năng;

Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên kia biết trước 15 ngày để cùng nhau giải quyết.

2. Hợp đồng dịch vụ cấp nước được khôi phục hoặc ký lại sau khi các vướng mắc giữa hai bên đã được giải quyết hoặc lệnh giải tỏa được hủy bỏ.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có tranh chấp, hai bên sẽ tự giải quyết bằng thương lượng trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của nhau. Trường hợp không tự giải quyết được thì vấn đề tranh chấp sẽ được chuyển đến toà án dân sự để phân xử. Bên nào vi phạm sẽ bị xử lý theo qui định của pháp luật.

Điều 10. Các thỏa thuận khác

1. Thiết bị đo đếm nước phải phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam và được cơ quan có chức năng kiểm định về đo lường kiểm chuẩn và niêm phong.

2. Bên A có trách nhiệm tổ chức ghi đúng chỉ số đồng hồ đo nước theo định kỳ. Bên B có quyền kiểm tra, giám sát việc ghi chỉ số đồng hồ của bên A.

3. Việc kiểm định thiết bị đo đếm nước theo đúng qui định của Pháp lệnh đo lường.

4. Khi có nghi ngờ thiết bị đo đếm nước không chính xác, bên B có quyền yêu cầu bên A kiểm tra. Trong thời hạn 5 ngày làm việc (năm ngày), kể từ khi nhận được yêu cầu của bên B, bên A phải kiểm tra và hoàn thành việc sửa chữa hoặc thay thế thiết bị đo đếm nước. Việc thanh toán tiền nước được thực hiện theo thỏa thuận tại ý 2 khoản 4.2 Điều 4 hợp đồng này.

5. Trường hợp không đồng ý với kết quả kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế của bên A, bên B có quyền yêu cầu cơ quan chức năng tổ chức kiểm định độc lập, với trách nhiệm về thanh toán chi phí như sau:

a) Nếu kiểm định, đồng hồ đo nước vẫn đạt tiêu chuẩn theo qui định, thì bên B phải trả phí kiểm định và các chi phí có liên quan;

b) Nếu kiểm định, đồng hồ đo nước không đạt tiêu chuẩn theo qui định, thì bên A phải trả phí kiểm định và các chi phí có liên quan;

c) Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định sai số thực tế của đồng hồ lớn hơn sai số cho phép qui định thì bên A phải hoàn trả tiền thu thừa cho khách hàng sử dụng nước, căn cứ để xác định khối lượng tính giá trị tiền thu thừa phải bồi hoàn như sau:

- Mức độ sai số cho phép qui định;

- Mức độ sai số thực tế do tổ chức kiểm định độc lập xác định;
- Khoảng thời gian từ thời điểm lượng nước sử dụng tăng đột biến so với mức tiêu thụ bình quân trước đó đến thời điểm tháo đồng hồ để kiểm định.

Điều 11. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, đồng thời chấp hành nghiêm chỉnh các qui định của Nhà nước cũng như qui định của UBND tỉnh có liên quan đến dịch vụ cấp nước. Mọi sửa đổi, bổ sung cho hợp đồng này phải được lập thành văn bản và được hai bên ký mới có hiệu lực thực hiện. Những thay đổi và sửa chữa này được xem như một phần của hợp đồng.

2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày thay thế cho hợp đồng cũ đã ký giữa hai bên (nếu có) và được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ

KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG NƯỚC



Lê Tiên Hưng

PHỤ LỤC I

(Kèm theo và là một phần không tách rời của hợp đồng dịch vụ cấp nước)

1. Thông tin về khách hàng sử dụng nước:

| Lần đăng ký | Ngày đăng ký | Số hộ/ đầu nối | Mục đích sử dụng | | | | Ký xác nhận | |
|-------------|--------------|-------------------|------------------|------|------|------|-------------|-------|
| | | | SH, SV | HCSN | SXVC | KDDV | Bên A | Bên B |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

Từ ngữ viết tắt: - SH, SV: Sinh hoạt, Sinh viên; - HCSN: Hành chính sự nghiệp;
- SXVC: Sản xuất vật chất; - KDDV: Kinh doanh dịch vụ.

2. Thông tin về đầu nối:

| Nội dung | Vị trí điểm đầu nối | Thông tin về đồng hồ đo nước | | | |
|----------|---------------------|------------------------------|------------|------|----------------|
| | | Đường kính (mm) | Chủng loại | Seri | Vị trí lắp đặt |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

3. Sơ đồ mặt bằng:

Khách hàng sử dụng nước
(Ký ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Bên cung cấp dịch vụ
(Ký ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II

Thông tin liên hệ, hỗ trợ khách hàng

Khi cần:

- Tư vấn về đầu tư, phát triển cấp nước;
- Giải đáp, cung cấp các thông tin có liên quan đến dịch vụ cấp nước;
- Phản ánh về chất lượng phục vụ cấp nước;
- Báo sự cố hệ thống cấp nước.

Tùy từng khu vực, quý khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ và số điện thoại sau:

| Số TT | Đơn vị | Số điện thoại |
|-------|--|---------------|
| 1 | Phòng chăm sóc khách hàng | 02373.722.722 |
| 2 | Chi nhánh cấp nước Bắc thành phố Thanh Hóa | 02373.723.636 |
| 3 | Chi nhánh cấp nước Nam thành phố Thanh Hóa | 02373.854.726 |
| 4 | Chi nhánh cấp nước Bim Sơn | 02373.770.760 |
| 5 | Chi nhánh cấp nước Sầm Sơn | 02373.821.092 |
| 6 | Chi nhánh cấp nước Hoằng Hóa | 02373.643.297 |
| 7 | Chi nhánh cấp nước Quảng Xương | 02378.755.568 |
| 8 | Chi nhánh cấp nước Đông Sơn | 02373.985.918 |
| 9 | Chi nhánh cấp nước Tĩnh Gia | 02378.717.898 |
| 10 | Chi nhánh cấp nước Triệu Sơn | 02378.796.688 |
| 11 | Chi nhánh cấp nước Cẩm Thủy | 02378.979.696 |
| 12 | Chi nhánh cấp nước Ngọc Lặc | 02373.871.768 |
| 13 | Chi nhánh cấp nước Nông Cống | 02373.681.456 |
| 14 | Chi nhánh cấp nước Thạch Thành | 02373.656.556 |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Vệ sinh môi trường
(Số:39/2022-HĐDV -PVS)

Căn cứ Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
Căn cứ Luật thương mại số: 36/2005 QH11 ngày 14/6/2005;
Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số: 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại Công ty Cổ phần môi trường và công trình Đô Thị Thanh Hóa, chúng tôi gồm:

I/Một bên là: **CÔNG TY CỔ PHẦN IN VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HÓA.(GỌI TẮT LÀ BÊN A)**

Do ông (bà): **Nguyễn Xuân Hiền** Chức vụ: **Giám đốc**
Địa chỉ: Số 96, Lê hoàn, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
Mã số thuế : 2800748334

II/ Một bên là: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ THANH HÓA (GỌI TẮT LÀ BÊN B)**

Do Ông: **Hồ Viết Lân** Chức vụ: **Giám đốc**
Địa chỉ: Số 467 Lê Hoàn – P.Ngọc Trạo – TP. Thanh Hóa
Điện thoại: 02373852228 Fax: 02373721205.
Mã số thuế: 2800152894

Tài khoản: 110 000 019 291 tại: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa.

Sau khi trao đổi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

1.1 Theo đề nghị của bên A, Bên B đồng ý nhận cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường, cụ thể:

- Nội dung công việc thực hiện: Thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt (Không bao gồm rác thải nguy hiểm, độc hại khác), xe gom rác do bên A đầu tư.

- Địa điểm thực hiện: Số 96, Lê hoàn, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

- Thời gian thực hiện: Gấp 4 lần/tuần ; 16lần/tháng.

- Khối lượng rác thải sinh hoạt :8m³/tháng.Mỗi lần gấp không quá 01 xe .Gấp vào thứ 2 ,4,6 và chủ nhật hàng tuần.

- Hiệu lực hợp đồng : Từ ngày 01 tháng 06 năm 2022 đến khi thanh lý hợp đồng.

Điều 2. Đơn giá dịch vụ, giá trị hợp đồng và hình thức thanh toán.

2.1. Đơn giá - khối lượng dịch vụ:

Đơn giá dịch vụ cho công tác dịch vụ vệ sinh môi trường nêu tại Điều 1 là: 250.000 đ/m³. Đơn giá này đã bao gồm thuế GTGT .

Khối lượng: $8\text{m}^3/\text{tháng}$

2.2. Giá trị hợp đồng

Thực Hiện theo Quyết định 21/2019/QĐ-UBND ngày 4/7/2019 của Chủ tịch UBND Tỉnh T. Hóa.

$8\text{ m}^3/1\text{ tháng} \times 250.000\text{đồng}/01\text{m}^3 = 2.000.000\text{đồng}/\text{tháng}$

(Bằng chữ : Hai triệu đồng chẵn)

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu nhà nước có thay đổi đơn giá và khối lượng dịch vụ vệ sinh tăng vượt 10% đã ký hợp đồng thì hai bên sẽ thỏa thuận để điều chỉnh, bổ sung bằng phụ lục để làm cơ sở thanh toán tăng hoặc giảm.

2.3. Thời gian thanh toán:

Hàng tháng hoặc hàng quý, căn cứ vào hợp đồng nhân viên thu tiền dịch vụ của Công ty sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo mẫu quy định của Bộ tài chính cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc hộ gia đình đồng thời thu tiền dịch vụ vệ sinh môi trường theo giá trị hóa đơn đã xuất.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các bên.

3.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A

- Tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng, bãi tập kết xe gom rác để xe gấp rác chuyên dùng ra vào thao tác bình thường, chuẩn bị đầy đủ xe gom rác đẩy tay chuyên dùng hoặc thùng đựng rác đúng chủng loại, đúng quy cách với công nghệ gấp của bên B.

- Thanh toán kinh phí vệ sinh môi trường cho bên B đúng theo thỏa thuận.

- Những quyền và nghĩa vụ khác của bên thuê dịch vụ theo quy định của pháp luật.

3.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B

- Đảm bảo thực hiện hoàn thành công việc và khối lượng như đã cam kết tại điều 1 theo đúng quy định hiện hành.

- Khi vào sân gấp rác trong bãi tập kết phải đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình lấy rác

- Quá trình thực hiện nhiệm vụ phải tuyệt đối chấp hành quy định của bên A về an ninh, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy và giữ bí mật các thông tin của bên A mà mình có thể biết trong quá trình làm việc.

- Các quyền và nghĩa vụ khác của bên cho thuê dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Hợp đồng này có thể chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp:

- Một bên vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng này và không khắc phục dù đã được bên kia nhắc nhở bằng văn bản trước đó 2 ngày.

- Việc thực hiện hợp đồng của một bên không thỏa mãn các điều khoản của hợp đồng. Trong trường hợp này, bên muốn kết thúc hợp đồng phải gửi thông báo cho bên kia trước 02 ngày bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng.

- Trường hợp bất khả kháng, hoặc theo sự thống nhất của cả hai bên.

Điều 5. Điều khoản cam kết

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc những thỏa thuận trong hợp đồng này. Mọi sự thay đổi, bổ sung chỉ có giá trị khi hai bên thống nhất bằng văn bản.

Nếu có vấn đề phát sinh, hai bên phải có văn bản thông báo cho nhau ngay giờ gặp gỡ để trao đổi, bàn bạc và thống nhất giải quyết. Nếu một trong hai bên không thực hiện đúng các điều khoản nêu trong hợp đồng này mà không báo trước hoặc trao đổi với bên kia sẽ phải bồi thường những thiệt hại do vi phạm đó gây ra.

Hợp đồng được lập thành: 02 bản bằng tiếng việt gồm: 03 trang, có hiệu lực kể từ ngày ký, các bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản ././

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC KHÁCH SẠN
Nguyễn Xuân Hiền

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Hồ Việt Lâm



HỢP ĐỒNG

V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại

Số: 0210/2025/BĐTH-MTTN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Giấy phép Môi trường số 490/GPMT-BTNMT cấp ngày 06/12/2023 cho Công ty Cổ phần Môi trường Thái Nguyên;
- Căn cứ đề nghị của Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hoá về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và khả năng của Công ty Cổ Phần Môi Trường Thái Nguyên;
- Căn cứ quyết định số 01012024/QĐ của Công ty Cổ Phần Môi Trường Thái Nguyên về việc bổ nhiệm Giám đốc Kinh doanh.
- Căn cứ theo Giấy uỷ quyền số 01-UQBĐ/2024, ký ngày 02/01/2024 của Công ty Cổ Phần In và Vật Tư Ba Đình Thanh Hoá.

Hôm nay, ngày 02 tháng 10 năm 2025, Hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại được lập bởi các Bên như sau:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HOÁ

Đại diện : Ông NGUYỄN XUÂN HIỂN Chức vụ : Phó Giám đốc

Địa chỉ : Số 96 Lê Hoàn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.

Điện thoại : 02373 626 888 / 0913 293 802 / 0943 895 555

Mã số thuế : 2800748334.

Tài khoản : 112000117859

Tại : Ngân hàng Vietinbank- CN Thanh Hoá

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THÁI NGUYÊN

Đại diện : Ông NGUYỄN PHI HẢI Chức vụ : Giám đốc kinh doanh

Địa chỉ : Xóm Cầu Giao, Phường Phúc Thuận, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại : 086 941 9999

Mã số thuế : 4601117680

Tài khoản : 13913917999

Tại : Ngân hàng Quân đội, Chi nhánh Đông Anh.

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại với các nội dung sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

1. Bên A giao và bên B nhận thực hiện việc thu gom, vận chuyển. Lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại của bên B.
2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có phát sinh thêm các loại chất thải và phế liệu khác thì hai bên tiến hành lập phụ lục hợp đồng kèm theo.

ĐIỀU 2: GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

- Đặc tính chất thải: Chất thải nguy hại, công nghiệp thông thường.
- Địa điểm giao nhận chất thải: Tại nơi lưu chứa chất thải đã được phân loại của bên A
- Địa chỉ: Số 96 Lê Hoàn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.
- Thời gian giao nhận: Hai bên thống nhất sao cho đáp ứng tốt nhất nhu cầu của hai bên.
- Điện thoại thông báo thu gom chất thải: **0976 836 118- Mr Tuấn** .
- Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải công nghiệp thông thường phù hợp tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải, đồng thời bố trí nhân lực vận chuyển chất thải nguy hại lên xe của mình tuân thủ yêu cầu quản lý môi trường của bên A và theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.
- Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp nguy hại của Công ty Cổ phần Môi trường Thái Nguyên: Xóm Cầu Giao, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ VÀ THỂ THỨC THANH TOÁN:

| STT | Tên chất thải | Mã chất thải | Đơn vị | Đơn giá (vnd) | Phương pháp xử lý |
|-----|---|--------------|--------|---|---------------------|
| 1 | Giẻ lau, găng tay nhiễm TPHH | 18 02 01 | Kg | 10.000.000/01 năm/ 01 lần thu gom, Khối lượng thu gom trọn gói dưới 1000kg. | Theo GPMT của bên B |
| 2 | Dầu thải | 17 02 04 | | | |
| 3 | Bóng đèn huỳnh quang thải | 16 01 06 | | | |
| 4 | Pin, ắc quy chì thải | 19 06 01 | | | |
| 5 | Bao bì mềm có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại | 18 01 01 | | | |
| 6 | Mực in thải | 08 02 01 | | | |
| 7 | Hộp mực in thải | 08 02 04 | | | |

- Đơn giá xử lý: 10.000.000 VNĐ/năm/1 lần thu gom, vận chuyển và xử lý với khối lượng dưới 1000kg.

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

- Nếu khối lượng thu gom trên 1000kg/lần thu gom thì khối lượng vượt sẽ tính thêm là 12.000đ/kg.

3.1 Phương thức và thời gian thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

+ Việc thanh toán được thực hiện bằng Đồng Việt Nam. (VNĐ)

+ Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản:

Bên A thanh toán tạm ứng cho Bên B bằng chuyển khoản số tiền tương ứng với 01 lần vận chuyển là: 10.000.000 (Mười triệu đồng) - chưa bao gồm VAT, ngay sau khi hai Bên ký kết Hợp đồng. Số tiền trên sẽ được khấu trừ khi Bên B xuất hóa đơn tài chính.

+ Căn cứ trên khối lượng thực tế chất thải được thu gom, vận chuyển, xử lý theo biên bản giao nhận giữa hai bên, Bên A thanh toán cho Bên B số tiền còn lại theo hợp đồng trong vòng 10 ngày kể từ khi Bên A nhận được đầy đủ Hồ sơ thanh toán của bên B bao gồm:

- Hoá đơn tài chính hợp lệ của Bên B.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại.

- Chứng từ xử lý chất thải nguy hại.

- Đề nghị thanh toán

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

1. Bên A có trách nhiệm cung cấp cho bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, các tài liệu về thu gom và quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt).
2. Làm thủ tục cho Bên B vào thu gom, vận chuyển chất thải.
3. Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải công nghiệp, nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải bên A và đóng gói theo đúng quy định pháp luật để nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.
4. Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại trong phạm vi của Bên A.
5. Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
6. Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.
7. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho Bên B vận chuyển và xử lý.
8. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo Điều 3 của Hợp đồng.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

1. Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của Pháp luật và Hợp đồng.
2. Bên B có trách nhiệm thanh toán chi phí thu mua phế liệu cho Bên A theo quy định tại điều 3 của Hợp đồng này.
3. Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển của mình.
4. Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
5. Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của Luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.
6. Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.

7. Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thoả thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thoả thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

8. Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của Bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm như không giới hạn ở Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường.

9. Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

10. Bên B cam kết không tiết lộ thông tin kỹ thuật về sản phẩm của Bên A cho bên thứ 3.

11. Bên B cam kết huỷ các sản phẩm lỗi trước khi tái xuất cho công ty khác.

ĐIỀU 6: CÁC TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

1. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

(a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

(b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 7: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

ĐIỀU 8: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

1. Hợp đồng này có thời hạn 01 năm kể từ ngày ký. Trước khi hết hạn thời hạn hợp đồng 01 tháng, nếu một trong hai bên không có thông báo bằng văn bản về việc thanh lý hợp đồng hoặc các thoả thuận khác, thì hợp đồng này mặc nhiên được gia hạn thêm 01 năm và quy luật này được lặp lại trong các lần tiếp theo.

62
T
I
A
U
G
U
T
T

2. Hợp đồng này có giá trị đối với hai bên (A và B), không có hiệu lực với bất cứ bên thứ ba nào khác.
3. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, cùng có giá trị như nhau về mặt pháp lý và là cơ sở để hai bên làm nghiệm thu thanh toán hợp đồng.



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Hiền



GIÁM ĐỐC KINH DOANH
Nguyễn Phi Hải



BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Vào hồi 14 giờ 15 phút, ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại: Khách sạn Phụng Hoàng 3 thuộc Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa; địa chỉ: phường Điện Biên, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chúng tôi gồm:

1. Ông: Trần Thanh Hải, Chức vụ: Cán bộ phòng cảnh sát môi trường;
2. Bà: Phạm Thị Xoan, Chức vụ: Cán bộ phòng cảnh sát môi trường.

Đại diện Công ty:

1. Ông: Nguyễn Xuân Hiền, Chức vụ: Giám đốc công ty;
2. Bà: Nguyễn Thị Thùy Dung, Chức vụ:

NỘI DUNG LÀM VIỆC

- Nắm tình hình liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của Khách sạn Phụng Hoàng 3;
- Khảo sát thực tế, thu thập tài liệu pháp lý liên quan đến công tác bảo vệ môi trường.

I. KẾT QUẢ LÀM VIỆC

1. Thông tin chung:

Khách sạn Phụng Hoàng 3 thuộc Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa; địa chỉ: phường Điện Biên, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đi vào hoạt động từ năm 2020. Quy mô hoạt động 130 phòng nghỉ, tổng diện tích xây dựng 1.478,6 m², tổng diện tích sàn kinh doanh dịch vụ thương mại 16.264,6 m² bao gồm các hạng mục: Khu hội thảo, khu tập gym, yoga, khu ăn uống và giải khát, khu vực phòng nghỉ và khách sạn. Người đại diện pháp luật là ông: Nguyễn Xuân Hiền, chức vụ: Giám đốc, số người quản lý khách sạn 65 người. Tại thời điểm làm việc khách sạn đang kinh doanh hoạt động bình thường.

2. Về thủ tục pháp lý :

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00002 đăng ký lần đầu ngày 12/9/2019, đăng ký lần thứ 16, ngày 29/12/2021. Người đại diện pháp luật là ông: Nguyễn Xuân Hiền.
- Quyết định số 3549/QĐ-UBND, ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án nhà cao tầng kinh doanh khách sạn và giải trí, văn hóa, thể thao của Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa (tần suất giám sát 03 tháng/lần).
- Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 36/GP-UBND, ngày 21/2/2020.
- Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt với Công ty CP môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa, địa chỉ 467 Lê Hoàn, phường Ngọc Trạo, TP Thanh Hóa.

3. Khảo sát thực tế:

Tại thời điểm làm việc khách sạn đang hoạt động bình thường, chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh:

- Chất thải rắn tại cơ sở chủ yếu bao gồm chất thải rắn sinh hoạt được phát sinh từ các hoạt động ăn uống, nghỉ dưỡng của khách du lịch. Chất thải rắn được phân loại tại nguồn, rác thải hữu cơ được người dân thu gom làm thức ăn chăn nuôi, rác thải vô cơ phát sinh khoảng 300-400kg/ngày, định kỳ 02 ngày/lần Công ty CP môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa thu gom, vận chuyển xử lý.

- Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường và giấy phép xả thải vào nguồn nước. Nước thải phát sinh từ các nguồn thải như: nhà tắm, bếp... với lượng nước thải phát sinh lớn nhất 137 m³/ngày/đêm, được thu gom bằng hệ thống ống nhựa PVC qua bể lắng lọc sau đó qua hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường; nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom bằng hệ thống ống nhựa PVC vào bể tự hoại sau đó qua hệ thống xử lý nước thải tập trung trước thải ra môi trường.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét:

Khách sạn Phương Hoàng 3 thuộc Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa trong quá trình hoạt động đã thực hiện báo cáo giám sát môi trường định kỳ theo quy định (chỉ số giám sát chưa đầy đủ như trong giấy phép xả thải vào nguồn nước).

2. Kiến nghị:

Khách sạn Phương Hoàng 3 thuộc Công ty CP in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa thực hiện tốt công tác chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường và thực hiện đúng, đầy đủ nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.


IV. Ý KIẾN CÔNG TY

Thông nhất với nội dung biên bản làm việc. Công ty cam kết thực hiện tốt công tác chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường và thực hiện đúng, đầy đủ nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Biên bản làm việc kết thúc hồi 15 giờ 30 phút cùng ngày, được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản. Biên bản đã được thông qua cho mọi người cùng nghe, thống nhất và ký tên xác nhận./.

ĐẠI DIỆN KHÁCH SẠN

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

GIÁM ĐỐC KHÁCH SẠN

Nguyễn Xuân Hiền

Phạm Thị Xoan



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được Công văn số 3501/CAT-PC03 ngày 11/9/2025 của Công An tỉnh Thanh Hóa về kiến nghị kiểm tra, xử lý vi phạm và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ môi trường đối với Khách sạn Phượng Hoàng 3 thuộc Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa tại phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 13/10/2025, tại Khách sạn Phượng Hoàng 3; địa chỉ tại phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

I. Thành phần Đoàn kiểm tra

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Ông: Nguyễn Đình Thắng - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Môi trường;
- Ông: Tống Văn Doãn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Môi trường;
- Ông: Phạm Trường Giang - Chức vụ: Cán bộ TT QT môi trường, địa chất.
- Ông: Trịnh Thanh Bình - Chức vụ: Cán bộ TT QT môi trường, địa chất.

2. Công An tỉnh

- Ông: Trần Thanh Hải - Chức vụ: Cán bộ phòng Cảnh sát kinh tế.
- Ông: Vũ Văn Hải - Chức vụ: Cán bộ phòng Cảnh sát kinh tế.

3. Phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

- Ông: Bùi Hoài Bắc - Chức vụ: PTP Kinh tế, Hạ tầng, Đô thị.

4. Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa

- Ông: Nguyễn Xuân Hiền - Chức vụ: Giám đốc Khách sạn Phượng Hoàng 3 (được ông Nguyễn Xuân Hùng, Giám đốc Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa ủy quyền làm việc theo Giấy ủy quyền đề ngày 10/11/2014);
- Bà: Trương Thị Mai - Chức vụ: Quản lý nhân sự.

II. Nội dung kiểm tra

Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu, quy định về bảo vệ môi trường đối với Khách sạn Phượng Hoàng 3 thuộc Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa theo kiến nghị của Công An tỉnh tại Công văn số 3501/CAT-PC03 ngày 11/9/2025.

III. Kết quả kiểm tra

1. Thông tin chung

- Khách sạn Phượng Hoàng 3 tiền thân là dự án đầu tư xây dựng nhà cao tầng kinh doanh khách sạn và giải trí, văn hóa thể thao thuộc Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa tại số 96 đường Lê Hoàn, phường Điện Biên (nay là phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa), đi vào hoạt động năm 2020 trên khu đất có tổng diện tích 1.469m²; hoạt động chính là kinh doanh dịch vụ lưu trú. Khách sạn có 10 tầng; tầng

F1 F2 F3 F4 F5 F6 F10 T1

hầm để xe, tầng 1 tiền sảnh lễ tân, tầng 2 phòng họp + văn phòng, tầng 3 lưu trú+massage+Karaoke, từ tầng 4 đến tầng 8 lưu trú, tầng 9 nhà hàng, tầng 10 hội trường+bếp ăn, tầng tum. Quy mô: Hội trường Phượng Hoàng sức chứa tối đa khoảng 800 khách hội nghị - 550 khách ăn tiệc; Hội trường - phòng họp sức chứa tối đa khoảng 200 khách hội nghị - 120 khách ăn tiệc; Khu văn phòng nghỉ khách sạn, sức chứa tối đa khoảng 300 khách gồm 140 phòng. Thực tế Hội trường và Phòng họp hoạt động đạt khoảng 20-30% công suất; phòng nghỉ đạt khoảng 50-60% công suất. Nhu cầu sử dụng nước sạch trung bình khoảng 40m³/ngày. Tổng số cán bộ nhân viên làm việc tại Khách sạn khoảng 68 người.

- Theo nội dung kiến nghị của Công An tỉnh, Khách sạn Phượng Hoàng 3 thuộc Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa có dấu hiệu vi phạm về hồ sơ, thủ tục về môi trường (vi phạm về không có giấy phép môi trường, vi phạm quy định về giấy phép môi trường,...), đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến hoạt động gây ô nhiễm môi trường (xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, vi phạm về chuyên giao chất thải rắn...). Công An tỉnh kiến nghị kiểm tra, xử lý vi phạm và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ môi trường theo quy định.

2. Kết quả kiểm tra

2.1. Tình hình chấp hành các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường

Dự án đầu tư xây dựng nhà cao tầng kinh doanh khách sạn và giải trí, văn hóa thể thao (Khách sạn Phượng Hoàng 3) thuộc Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3549/QĐ-UBND ngày 19/9/2017; đã lập đăng ký môi trường và được UBND phường Hạc Thành tiếp nhận hồ sơ đăng ký tại Công văn số 2204/UBND-KTHTĐT ngày 08/10/2025; được UBND phường Hạc Thành thống nhất vị trí xả nước thải sau xử lý ra hệ thống thoát nước khu vực (nằm trên đường Nguyễn Du) tại Công văn số 2006/UBND-KTHTĐT ngày 30/9/2025; đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa số 39/2022-HĐDV-PVS ngày 01/6/2022 để thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày.

2.2. Các loại chất thải phát sinh và các biện pháp xử lý, giảm thiểu

- Về nước thải: Hoạt động của Cơ sở chủ yếu phát sinh nước thải từ các hoạt động sinh hoạt, được phân dòng xử lý, cụ thể: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh, nước rửa tay của khách được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại (02 bể, thể tích 50m³/bể); nước thải từ khu nhà bếp được thu gom qua bể tách mỡ (01 bể, 02 ngăn, tổng thể tích 30m³); nước thải từ khu giặt được thu gom qua bể lắng (01 bể, thể tích 30m³). Toàn bộ các nguồn nước thải trên được gom dẫn qua đường ống về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 70m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường (thoát nước khu vực nằm trên đường Nguyễn Du, được UBND phường Hạc Thành thống nhất vị trí xả thải). Quy trình của hệ thống xử lý tập trung: Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí, hiếu khí → Bể lắng, khử trùng → Môi trường). Kiểm tra thực tế hệ thống xử lý nước thải cho thấy, hệ thống đang vận hành, không phát hiện đường ống hoặc các đường thải khác để xả nước thải ra môi trường ngoài vị trí xả thải được chấp thuận.

- Về khí thải, mùi hôi: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về buồng xử lý bằng than hoạt tính trước khi thải ra môi trường. Mùi hôi phát sinh từ khu vực bếp ăn, được thu gom, chụp hút qua hệ thống kín, được bố trí nhiều chụp hút, ống dẫn, sau đó thoát qua ống thoát khí cao khoảng 02m ra môi trường; khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được xử lý qua thiết bị được tích hợp khép kín từ máy phát điện (thời điểm kiểm tra, máy phát điện dự phòng không hoạt động); đối với các khu phòng, được vệ sinh, dọn dẹp thường xuyên nên không phát sinh mùi hôi gây ô nhiễm.

- Về chất thải rắn: Chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt, với khối lượng khoảng 30-50kg/ngày, được bố trí các thùng thu gom rác tại các khu vực phát sinh, cuối buổi, công nhân thu gom về khu tập kết chung và chuyển giao xử lý. Kiểm tra thực tế cho thấy, kho tập kết chất thải rắn có mái che đảm bảo không bị nước mưa hắt vào; khu vực lưu giữ CTNH chứa được bố trí riêng, CTNH đang được lưu giữ trong các thùng nhựa, có nắp đậy.

3. Nhận xét ban đầu của Đoàn kiểm tra

3.1. Ưu điểm

Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký môi trường; đã ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt; đã đầu tư công trình xử lý nước thải và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

Đoàn kiểm tra đã lấy 01 mẫu nước thải sau xử lý trước khi xả ra môi trường (tại bể chứa nước sau công đoạn xử lý cuối cùng) để phân tích, trường hợp vượt tiêu chuẩn cho phép, Đoàn sẽ thông báo cho Công ty biết và xử lý vi phạm hành chính theo quy định (nếu có). Công ty đã lấy 01 mẫu nước để làm mẫu đối chứng.

3.2. Một số nội dung đối tượng được kiểm tra cần lưu ý, làm rõ

- Sổ ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải được ghi chép còn thiếu thông tin, một số số liệu, dữ liệu ghi chép chưa đảm bảo độ tin cậy; chưa làm rõ khối lượng nước thải phát sinh phải xử lý, thải ra ngoài môi trường.

- Công tác quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải chưa đáp ứng được yêu cầu về xử lý; chưa làm rõ được khối lượng hóa chất, chế phẩm vi sinh cho xử lý nước thải.

- Bố trí kho, khu lưu chứa chất thải nguy hại chưa đảm bảo đúng quy định; chưa cung cấp được hợp đồng chuyển giao xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng.

- Chưa cung cấp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ năm 2024.

4. Ý kiến của các thành viên tham gia

- Ý kiến của phường Hạc Thành: Qua kết quả kiểm tra, theo dõi hoạt động của Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa cho thấy, thời gian qua, hoạt động của Khách sạn không gây ô nhiễm môi trường, không có phản ánh của cử tri và nhân dân khu vực đến UBND phường về ô nhiễm môi trường. Đề nghị Công ty tiếp tục quan tâm, thực hiện tốt các công trình, biện pháp xử lý chất thải theo quy định.

- Ý kiến của Phòng Cảnh sát kinh tế: Đề nghị Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa làm rõ khối lượng nước thải phát sinh theo thực tế phải xử lý, thải ra môi trường, từ đó xác định rõ về đối tượng cấp phép môi trường, đăng ký môi trường.

- Ý kiến của Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa: Công nhận với các nội dung, ý kiến của các thành viên tham gia, Công ty xin được tiếp thu, khắc phục và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

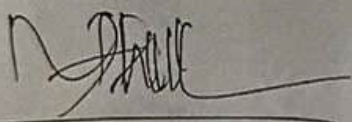
IV. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Yêu cầu Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa: Tiếp tục thực hiện, rà soát cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin còn thiếu liên quan để làm rõ những nội dung cần lưu ý cần làm rõ ở mục III nêu trên. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 20/10/2025. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo nội dung báo cáo ĐTM, đăng ký môi trường; đảm bảo chất thải phát sinh phải được thu gom, xử lý triệt để đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trước khi thải ra môi trường. Căn cứ kết quả phân tích mẫu môi trường, Đoàn kiểm tra sẽ xác định các hành vi vi phạm và xử lý theo thẩm quyền (nếu có).

- Đề nghị UBND phường Hạc Thành: Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường đối với Khách sạn Phương Hoàng 3 của Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là hành vi xả chất thải trái phép gây ô nhiễm.

Biên bản được lập thành 03 bản và kết thúc vào lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày. Biên bản được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG MÔI TRƯỜNG



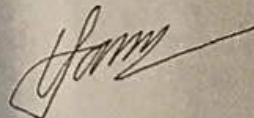
Nguyễn Đình Thắng

UBND PHƯỜNG HẠC THÀNH
Phòng KT, HT, ĐT



Bùi Hoài Bắc

CÔNG AN TỈNH
PHÒNG CẢNH SÁT KINH TẾ (PC03)



Trần Thanh Hải

Công ty cổ phần in và vật tư
Ba Đình Thanh Hóa



Nguyễn Xuân Hiền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ

Hôm nay, vào hồi 15 giờ 40, ngày 29/10/2025, tại Phòng họp tầng 6, Sở Nông nghiệp và Môi trường; số 49A, đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

I. THÀNH PHẦN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Ông: Nguyễn Đình Thắng - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Môi trường;
- Ông: Tống Văn Doãn - Chức vụ: Chuyên viên phòng Môi trường;
- Ông: Phạm Trường Giang - Chức vụ: Cán bộ TT QT môi trường, địa chất.
- Ông: Trịnh Thanh Bình - Chức vụ: Cán bộ TT QT môi trường, địa chất.

2. Phòng Cảnh sát kinh tế - Công An tỉnh

- Ông: Lê Như Anh - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Cảnh sát kinh tế.
- Ông: Trần Thanh Hải - Chức vụ: Cán bộ phòng Cảnh sát kinh tế.

3. UBND phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

Bà: Vũ Thị Thu Hằng - Chức vụ: CV phòng Kinh tế, Hạ tầng, Đô thị.

4. Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa

- Ông: Nguyễn Xuân Hiền - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty (được Giám đốc Công ty ủy quyền làm việc theo Giấy ủy quyền ngày 28/10/2025);
- Bà: Trương Thị Mai - Chức vụ: Cán bộ.

II. NỘI DUNG

Dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Khách sạn Phương Hoàng 3 thuộc Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa theo kiến nghị của Công An tỉnh tại Công văn số 3501/CAT-PC03 ngày 11/9/2025; xem xét, xử lý, kiến nghị xử lý vi phạm pháp luật về môi trường theo quy định.

III. DIỄN BIẾN HỘI NGHỊ

1. Công bố kết quả kiểm tra

- Được sự ủy quyền của Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, ông Nguyễn Đình Thắng - Phó Trưởng phòng Môi trường triển khai các nội dung liên quan đến lý do tổ chức Hội nghị; thông tin khái quát về quá trình làm việc của Đoàn kiểm tra vào ngày 13/10/2025 và kết quả kiểm tra, xác minh, làm rõ thông tin theo đề nghị của Công An tỉnh tại Công văn số 3501/CAT-PC03 ngày 11/9/2025 đối với Khách sạn Phương Hoàng 3 thuộc Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa. Đồng thời, công bố kết quả phân tích mẫu nước thải được lấy sau hệ thống xử lý thải ra môi trường. Theo Phiếu kết quả phân tích mẫu nước số N251019/870/2025/QITH-PT ngày 22/10/2025 do TT Quan trắc môi trường, địa chất thực hiện, cho thấy, thông số

Nguyễn Đình Thắng



TSS vượt QCVN 1,1 lần; thông số BOD₅ vượt QCVN 1,04 lần và thông số NH₄ vượt QCVN 2,35 lần. Các chỉ tiêu phân tích còn lại đạt QCVN.

- Theo Biên bản làm việc ngày 13/10/2025, ghi nhận Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký môi trường; đã ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt; đã đầu tư công trình xử lý nước thải và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, một số nội dung cần lưu ý, làm rõ, cụ thể: (1) Sổ ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải được ghi chép còn thiếu thông tin, một số số liệu, dữ liệu ghi chép chưa đảm bảo độ tin cậy; chưa làm rõ khối lượng nước thải phát sinh phải xử lý, thải ra ngoài môi trường. (2) Công tác quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải chưa đáp ứng được yêu cầu về xử lý; chưa làm rõ được khối lượng hóa chất, chế phẩm vi sinh cho xử lý nước thải. (3) Bố trí kho, khu lưu chứa chất thải nguy hại chưa đảm bảo đúng quy định; chưa cung cấp được hợp đồng chuyển giao xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng. (4) Chưa cung cấp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ năm 2024.

2. Báo cáo giải trình của Công ty tại Công văn số 01/BC2025 ngày 17/10/2025 và tại buổi làm việc

- Nội dung (1): Công ty đã cung cấp nhật ký vận hành hệ thống XLNT và gửi cho Đoàn kiểm tra; về khối lượng phát sinh nước thải, Công ty đã tổng hợp hóa đơn nước sạch từ 01/01/2024 đến 01/9/2025. Nội dung (2) về quản lý hệ thống xử lý nước thải, thời điểm trước đó mưa bão, nước ngập toàn bộ khu vực, gây ảnh hưởng đến quá trình quản lý, vận hành hệ thống, đây là yếu tố khách quan, Công ty đang từng bước khắc phục; về khối lượng hóa chất, chế phẩm vi sinh cho xử lý nước thải, được cập nhật vào sổ theo dõi nhật ký vận hành. Nội dung (3) Công ty đã bố trí kho, khu lưu chứa chất thải nguy hại, đã cung cấp được hợp đồng chuyển giao xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng. Nội dung (4), Công ty không cung cấp được Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024.

- Về hồ sơ do Công ty cung cấp bổ sung tại buổi làm việc: Nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (kể từ khi vận hành hệ thống), đã ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan đến vận hành hệ thống; một số hình ảnh về kho, khu chứa chất thải nguy hại; các hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải với đơn vị có chức năng.

3. Làm rõ các nội dung còn tồn tại

- Đối với nội dung (1) và (2) Công ty đã cung cấp cho Đoàn kiểm tra nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải. Kiểm tra sổ ghi chép cho thấy, đã ghi chép các thông tin liên quan đến vận hành hệ thống. Việc cung cấp hồ sơ đầy đủ đã chứng minh được việc nghiêm túc chấp hành quy định về môi trường. Mặt khác, tại thời điểm trước đó mưa bão, nước ngập toàn bộ khu vực, gây ảnh hưởng đến quá trình quản lý, vận hành hệ thống, đây là yếu tố khách quan.

Do đó, Hội nghị thống nhất không xem xét xử lý vi phạm hành chính về môi trường nội dung này.

- Đối với nội dung (3) Công ty đã bố trí kho, khu lưu chứa chất thải nguy hại, đã cung cấp được hợp đồng chuyển giao xử lý chất thải nguy hại với đơn vị có chức

Handwritten signatures

năng. Tuy nhiên, tại thời điểm Đoàn kiểm tra, hành vi vi phạm đã được xác lập, nội dung này là vi phạm quy định về bảo vệ môi trường. Hội nghị kiến nghị xem xét, lập biên bản xử lý vi phạm hành chính về môi trường về hành vi: Không thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Đối với nội dung (4), Công ty không cung cấp được Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024. Hội nghị kiến nghị xem xét, lập biên bản xử lý vi phạm hành chính về môi trường về hành vi: Không lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, quy định tại Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Đối với nội dung mẫu phân tích nước thải có một số thông số vượt QCCP, cụ thể: Kết quả phân tích chất lượng nước thải ra môi trường so sánh với QCVN 14:2008/BTNMT, Bảng 1, giá trị C, cột B, K=1,0, cho thấy:

- + Thông số TSS vượt QCVN 1,1 lần;
- + Thông số BOD₅ vượt QCVN 1,04 lần;
- + Thông số NH₄⁺ vượt QCVN 2,35 lần.

Theo báo cáo giải trình của Công ty, tại thời điểm Đoàn kiểm tra là ngay sau khi cơn số 10 vừa qua và có ảnh hưởng lớn trên địa bàn khu vực khách sạn như gây ngập lụt toàn bộ hệ thống, công trình xử lý nước thải; các chất thải từ khu vực xung quanh xâm nhập vào các bể lưu chứa của hệ thống xử lý nước thải, gây chết vi sinh, hiện Công ty đang khắc phục. Do vậy, mẫu nước thải Đoàn kiểm tra lấy chưa đảm bảo khách quan, chưa đánh giá đúng thực tế quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của Công ty, Công ty đề nghị được Hội nghị xem xét cho lấy lại mẫu nước thải.

Hội nghị cũng thống nhất, tại thời điểm kiểm tra trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá bị ảnh hưởng lớn của cơn bão số 10, nhiều khu vực bị ngập lụt, trong đó có khu vực Khách sạn Phương Hoàng III trên đường Nguyễn Du và Lê Hoàn; tại thời điểm kiểm tra cũng có mưa lớn. Có cơ sở việc nước thải từ các nguồn khác của khu vực xâm nhập vào hệ thống xử lý nước thải của Khách sạn, làm chết vi sinh, dẫn đến việc chất lượng nước thải tại thời điểm lấy chưa đánh giá khách quan. Do vậy, Hội nghị thống nhất sẽ tiến hành lấy mẫu từ sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường vào ngày 30/10/2025, nếu kết quả các thông số môi trường vượt QCCP, sẽ xem xét xử lý theo quy định.

Đề nghị Trung tâm Quan trắc môi trường, địa chất phối hợp với Công ty để lấy mẫu nước thải theo quy định. Đồng thời Công ty xin tự nguyện chi trả số tiền lấy mẫu phân tích và không có ý kiến gì.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, báo cáo giải trình của đơn vị; ý kiến của các bên liên quan,

HỘI NGHỊ THỐNG NHẤT

1. Thống nhất với Dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Khách sạn Phương Hoàng 3 thuộc Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa do Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện vào ngày 13/10/2025.

2. Thống nhất lập Biên bản vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường đối với Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa do đã có hành vi vi phạm:

- Hành vi thứ nhất: Không thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Hành vi thứ 2: Không lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, quy định tại Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

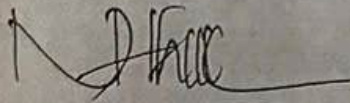
3. Thống nhất sẽ tiến hành lấy mẫu từ sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường vào ngày 30/10/2025, nếu kết quả các thông số môi trường vượt QCCP, sẽ xem xét xử lý theo quy định.

Đề nghị Trung tâm Quan trắc môi trường, địa chất phối hợp với Công ty để lấy mẫu nước thải theo quy định. Đồng thời Công ty xin tự nguyện chi trả số tiền lấy mẫu phân tích và không có ý kiến gì.

4. Đề nghị UBND phường Hạc Thành rà soát lại nội dung đăng ký môi trường của Công ty nộp về đảm bảo theo đúng quy định, trường hợp Công ty thuộc đối tượng phải cấp Giấy phép môi trường thì hướng dẫn đơn vị thực hiện theo quy định.

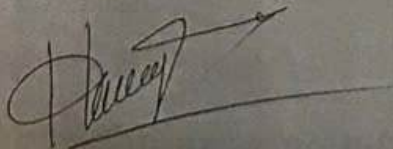
Biên bản được lập xong vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày, đã thông qua các thành phần tham dự và thống nhất ký tên./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
Phòng Môi trường



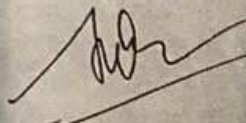
Nguyễn Đình Thắng

UBND PHƯỜNG HẠC THÀNH
Phòng Kinh tế, Hạ tầng, Đô thị



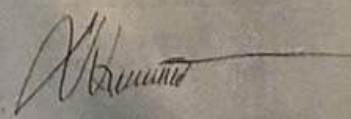
Vũ Thị Thu Hằng

CÔNG AN TỈNH
Phòng Cảnh sát kinh tế



Lê Như Anh

CÔNG TY CP IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HÓA
Phó Giám đốc



Nguyễn Xuân Hiền

UBND TỈNH THANH HOÁ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 149/QĐ-XPHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 05 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ và Nghị định 120/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 23/BB-VPHC ngày 29/10/2025 do ông Tống Văn Doãn - Chuyên viên phòng Môi trường lập và hồ sơ có liên quan kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Tên tổ chức vi phạm: Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 96 đường Lê Hoàn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh dịch vụ.



Địa chỉ nơi xảy ra vi phạm: Tại Khách sạn Phương Hoàng 3 thuộc Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa; số 96 đường Lê Hoàn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Mã số doanh nghiệp: 2800748334.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa (nay là Sở Tài chính) cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/5/2003, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/9/2025.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn Hùng Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc.

Ông: Nguyễn Xuân Hiền - Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty (được Giám đốc Công ty ủy quyền làm việc theo Giấy ủy quyền ngày 28/10/2025).

2. Đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:

- Hành vi thứ nhất: Không thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định (Công ty bố trí kho, khu lưu giữ chất thải nguy hại không đúng quy định).

- Hành vi thứ hai: Không lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường (năm 2024) gửi tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

3. Quy định tại:

- Hành vi thứ nhất: Điểm c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Hành vi thứ hai: Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không có.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không có.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, mức phạt tiền đối với tổ chức có hành vi vi phạm gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 68/2025/NĐ-CP ngày

18/3/2025 của Chính phủ: mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm này là mức trung bình của khung phạt tiền.

- Hành vi thứ nhất: Khung phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ: Từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức. Áp dụng mức phạt tiền là **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng chẵn).

- Hành vi thứ hai: Khung phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ: Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức. Áp dụng mức phạt tiền là **15.000.000 đồng** (Mười lăm triệu đồng chẵn).

Tổng số tiền Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa bị xử phạt vi phạm hành chính và nộp vào ngân sách nhà nước đối với 02 hành vi nêu trên là **45.000.000 đồng** (Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn).

b) Hình thức xử phạt bổ sung:

- Hành vi thứ nhất: Không quy định.

- Hành vi thứ hai: Không quy định.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả đối với 02 hành vi nêu trên: Buộc Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa bố trí kho, khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ đúng quy định.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Văn Hùng là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa để chấp hành.

Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì Công ty phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp theo quy định tại Khoản 1, Điều 5, Chương II, Thông tư số 18/2023/TT-BTC ngày 21/3/2023 của Bộ trưởng Tài chính quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, bù trừ số tiền nộp phạt chênh lệch, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính.

a) Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa phải nộp tiền phạt vào tài khoản thu ngân sách nhà nước số **7111, tiểu mục 4278**, mã chương **412** của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa, mã cơ quan thu 1061890 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực XI trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này; đồng thời sao chụp biên lai nộp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hoá (qua phòng Môi trường).



- b) Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.
2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước khu vực XI để thu tiền phạt.
 3. Gửi cho Phòng Môi trường để tổ chức thực hiện.
 4. Gửi cho Công An tỉnh, UBND phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, MT (Doantv).

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Tiến

Handwritten notes on a piece of graph paper:

| | |
|------|-----|
| 1.96 | 38% |
| 108 | |
| 100 | |
| 15% | |
| 365 | |



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-009

Địa chỉ (Address): Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thanh Hóa - Chi nhánh tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Số TK: 118000019457 - Tại NH: NH TMCP công thương VN-CN thanh hóa



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 07 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPA

Số (No): 602898

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HÓA

Mã số thuế (Tax code): 2800748334

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96 Lê Hoàn phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA07TP0043450

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT (No.) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | ĐVT (Unit) | Số lượng (Quantity) | Đơn giá (Unit price) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|---------------|------------------------|-------------------------|--|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 7 năm 2025 từ ngày 01/07/2025 đến ngày 14/07/2025 (kèm theo bảng kê số 1633274315 ngày 17 tháng 07 năm 2025) | kWh | 32.400 | - | 107.031.840 |
| Cộng tiền hàng (Total amount): | | | | | 107.031.840 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8% | | | | | Tiền thuế GTGT (VAT amount): 8.562.547 |
| Tỷ giá (Exchanged rate): | | | | | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 115.594.387 |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười lăm triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng. | | | | | |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
MIỀN BẮC
Ngày ký: 17/07/2025 10:11:01



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-009

Địa chỉ (Address): Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thanh Hóa - Chi nhánh tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Số TK: 118000019457 - Tại NH: NH TMCP công thương VN-CN thanh hóa



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPA

Số (No): 690477

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HÓA

Mã số thuế (Tax code): 2800748334

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96 Lê Hoàn phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA07TP0043450

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT (No.) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | ĐVT (Unit) | Số lượng (Quantity) | Đơn giá (Unit price) | Thành tiền (Amount) |
|---|--|---------------|------------------------|-------------------------|--|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2025 từ ngày 01/08/2025 đến ngày 14/08/2025 (kèm theo bảng kê số 1647250851 ngày 15 tháng 08 năm 2025) | kWh | 35.640 | - | 117.546.000 |
| Cộng tiền hàng (Total amount): | | | | | 117.546.000 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8% | | | | | Tiền thuế GTGT (VAT amount): 9.403.680 |
| Tỷ giá (Exchanged rate): | | | | | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 126.949.680 |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi đồng. | | | | | |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
MIỀN BẮC
Ngày ký: 15/08/2025 14:49:23



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-009

Địa chỉ (Address): Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thanh Hóa - Chi nhánh tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Số TK: 118000019457 - Tại NH: NH TMCP công thương VN-CN thanh hóa



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 14 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPA

Số (No): 865738

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HÓA

Mã số thuế (Tax code): 2800748334

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96 Lê Hoàn phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA07TP0043450

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT (No.) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | ĐVT (Unit) | Số lượng (Quantity) | Đơn giá (Unit price) | Thành tiền (Amount) |
|--------------------------------|---|---------------|--|-------------------------|------------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 10 năm 2025 từ ngày 01/10/2025 đến ngày 14/10/2025 (kèm theo bảng kê số 1673631209 ngày 14 tháng 10 năm 2025) | kWh | 29.160 | - | 99.810.240 |
| Cộng tiền hàng (Total amount): | | | | | 99.810.240 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8% | | | Tiền thuế GTGT (VAT amount): | | 7.984.819 |
| Tỷ giá (Exchanged rate): | | | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): | | 107.795.059 |

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn không trăm năm mươi chín đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
MIỀN BẮC
Ngày ký: 14/10/2025 15:30:55



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-009

Địa chỉ (Address): Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thanh Hóa - Chi nhánh tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Số TK: 118000019457 - Tại NH: NH TMCP công thương VN-CN thanh hóa



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TPA

Số (No): 1041579

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HÓA

Mã số thuế (Tax code): 2800748334

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96 Lê Hoàn phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA07TP0043450

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT (No.) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | ĐVT (Unit) | Số lượng (Quantity) | Đơn giá (Unit price) | Thành tiền (Amount) |
|---|---|------------|---------------------|----------------------|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 12 năm 2025 từ ngày 01/12/2025 đến ngày 14/12/2025 | kWh | 21.360 | - | 72.666.960 |
| | (kèm theo bảng kê số 1699959126 ngày 15 tháng 12 năm 2025) | | | | |
| Cộng tiền hàng (Total amount): | | | | | 72.666.960 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8% | | | | | Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.813.357 |
| Tỷ giá (Exchanged rate): | | | | | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 78.480.317 |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn ba trăm mười bảy đồng. | | | | | |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
Ngày ký: 15/12/2025 08:55:00



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

Mã số thuế (Tax Code): 0100100417-009

Địa chỉ (Address): Số 96 Triệu Quốc Đạt, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Công ty Điện lực Thanh Hóa - Chi nhánh tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Số TK: 118000019457 - Tại NH: NH TMCP công thương VN-CN thanh hóa



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TPA

Số (No): 176311

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HÓA

Mã số thuế (Tax code): 2800748334

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 96 Lê Hoàn phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PA07TP0043450

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

| STT (No.) | Tên hàng hóa, dịch vụ (Description) | ĐVT (Unit) | Số lượng (Quantity) | Đơn giá (Unit price) | Thành tiền (Amount) |
|--|--|---------------|------------------------|-------------------------|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2026 từ ngày 01/02/2026 đến ngày 10/02/2026 (kèm theo bảng kê số 1726637943 ngày 10 tháng 02 năm 2026) | kWh | 16.080 | - | 54.336.960 |
| Cộng tiền hàng (Total amount): | | | | | 54.336.960 |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 8% | | | | | Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.346.957 |
| Tỷ giá (Exchanged rate): | | | | | Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 58.683.917 |
| Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi tám triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn chín trăm mười bảy đồng. | | | | | |

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THANH HÓA
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC
MIỀN BẮC
Ngày ký: 10/ 02/ 2026 21:52:25

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

Địa chỉ: Số 99 Đường Mật Sơn, Phường Hạc Thành,
Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: **2800219549**

Điện thoại: 02373.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 - NH Ngoại thương Thanh Hóa

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(THU TIỀN NƯỚC)

Kỳ hóa đơn: **02/2026**

Ngày **06** Tháng **02** Năm **2026**

Ký hiệu: **1K26TCN**

Số: **00296604**

Tên khách hàng: Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh hóaCCCD/Mã ĐVQHNS:.....

Địa chỉ: 96 Lê hoàn, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2800748334 Mã khách hàng: CNBA_033320 Hình thức thanh toán: TM/CK

CSDH từ ngày 05/01/2026 : 21269 Đến ngày 05/02/2026 : 22537 Khối lượng tiêu thụ (m³): 1268

| Tên hàng hóa, dịch vụ | Số lượng (m³) | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|------------|
| Nước kinh doanh, dịch vụ | 1.268,0 | 20.300 | 25.740.400 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| Người mua hàng | Người bán hàng | - Cộng tiền nước: 25.740.400 | |
| | Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA Ký ngày: 06/02/2026 12:30:44 | - Tiền thuế GTGT (5%): 1.287.020 | |
| | | - Phí bảo vệ môi trường(10%): 2.574.040 | |
| | | - Tổng cộng: 29.601.460 | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn) | | | |
| Bằng chữ: Hai mươi chín triệu sáu trăm lẻ một nghìn bốn trăm sáu mươi đồng | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

Địa chỉ: Số 99 Đường Mật Sơn, Phường Hạc Thành,
Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: **2800219549**

Điện thoại: 02373.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 - NH Ngoại thương Thanh Hóa

Tên khách hàng: Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh hóaCCCD/Mã ĐVQHNS:.....

Địa chỉ: 96 Lê hoàn, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2800748334 Mã khách hàng: CNBA_033320 Hình thức thanh toán: TM/CK

CSDH từ ngày 05/12/2025 : 19928 Đến ngày 05/01/2026 : 21269 Khối lượng tiêu thụ (m³): 1341

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(THU TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K26TCN

Số: **00054058**

Kỳ hóa đơn: **01/2026**

Ngày **06** Tháng **01** Năm **2026**

| Tên hàng hóa, dịch vụ | Số lượng (m³) | Đơn giá | Thành tiền |
|--|---|-------------------------------|-------------------|
| Nước kinh doanh, dịch vụ | 1.341,0 | 20.300 | 27.222.300 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| Người mua hàng | Người bán hàng | - Cộng tiền nước: | 27.222.300 |
| | Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA Ký ngày: 06/01/2026 10:49:40 | - Tiền thuế GTGT (5%): | 1.361.115 |
| | | - Phí bảo vệ môi trường(10%): | 2.722.230 |
| | | - Tổng cộng: | 31.305.645 |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn) | | | |
| Bằng chữ: Ba mươi một triệu ba trăm lẻ năm nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

Địa chỉ: Số 99 Đường Mật Sơn, Phường Hạc Thành,
Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: **2800219549**

Điện thoại: 02373.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 - NH Ngoại thương Thanh Hóa

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(THU TIỀN NƯỚC)

Kỳ hóa đơn: **12/2025**

Ngày **08** Tháng **12** Năm **2025**

Ký hiệu: **1K25TCN**

Số: **02557751**

Tên khách hàng: Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh hóaCCCD/Mã ĐVQHNS:.....

Địa chỉ: 96 Lê hoàn, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2800748334 Mã khách hàng: CNBA_033320 Hình thức thanh toán: TM/CK

CSDH từ ngày 06/11/2025 : 18357 Đến ngày 06/12/2025 : 19928 Khối lượng tiêu thụ (m³): 1571

| Tên hàng hóa, dịch vụ | Số lượng (m³) | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|------------|
| Nước kinh doanh, dịch vụ | 1.571,0 | 20.300 | 31.891.300 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| Người mua hàng | Người bán hàng | - Cộng tiền nước: 31.891.300 | |
| | <div style="border: 1px solid red; padding: 5px; text-align: center;">Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA Ký ngày: 08/12/2025 11:08:25</div> | - Tiền thuế GTGT (5%): 1.594.565 | |
| | | - Phí bảo vệ môi trường(10%): 3.189.130 | |
| | | - Tổng cộng: 36.674.995 | |
| <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i> | | | |
| Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

Địa chỉ: Số 99 Đường Mật Sơn, Phường Hạc Thành,
Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: **2800219549**

Điện thoại: 02373.722.722

Số tài khoản: 0781001235668 - NH Ngoại thương Thanh Hóa

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(THU TIỀN NƯỚC)

Kỳ hóa đơn: **11/2025**

Ngày **07** Tháng **11** Năm **2025**

Ký hiệu: **1K25TCN**

Số: **02327879**

Tên khách hàng: Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh hóaCCCD/Mã ĐVQHNS:.....

Địa chỉ: 96 Lê hoàn, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2800748334 Mã khách hàng: CNBA_033320 Hình thức thanh toán: TM/CK

CSDH từ ngày 06/10/2025 : 16881 Đến ngày 06/11/2025 : 18357 Khối lượng tiêu thụ (m³): 1476

| Tên hàng hóa, dịch vụ | Số lượng (m³) | Đơn giá | Thành tiền |
|---|--|-------------------------------|-------------------|
| Nước kinh doanh, dịch vụ | 1.476,0 | 20.300 | 29.962.800 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| Người mua hàng | Người bán hàng | - Cộng tiền nước: | 29.962.800 |
| | Signature Valid | - Tiền thuế GTGT (5%): | 1.498.140 |
| | Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA | - Phí bảo vệ môi trường(10%): | 2.996.280 |
| | Ký ngày: 07/11/2025 11:22:12 | - Tổng cộng: | 34.457.220 |
| | <i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i> | | |
| Bằng chữ: Ba mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi đồng | | | |

Thanh Hóa Kỳ hóa đơn: 1/2024 số: 00052850
Đơn vị cung cấp giải pháp hoa đơn diện tích: Công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MS 1:0100809/38, Điện thoại: 09.3/930399

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA
Địa chỉ: Số 99 Đường Mặt Sơn, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa
Mã số thuế: 2800219549
Điện thoại: 02373.722.722
Số tài khoản: 0781001235668 - NH Ngoại thương Thanh Hóa

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (THU TIỀN NƯỚC)
Ký hiệu: 1K25TCN
Số: 01876937
Kỳ hóa đơn: 09/2025
Ngày 08 Tháng 09 Năm 2025

Tên khách hàng: Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh hóa
Địa chỉ: 96 Lê Hoàn, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa
Mã số thuế: 2800748334 Mã khách hàng: CNBA_033320 Hình thức thanh toán: TM/CK
CSDH từ ngày 06/08/2025 : 14321 Đến ngày 06/09/2025 : 15559 Khối lượng tiêu thụ (m³): 1238

| Tên hàng hóa, dịch vụ | Số lượng (m³) | Đơn giá | Thành tiền |
|--------------------------|---------------|---|------------|
| Nước kinh doanh, dịch vụ | 1.238,0 | 20.300 | 25.131.400 |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | |
| Bằng chữ: Ba mươi | | Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA Ký ngày: 08/09/2025 10:19:35 | |
| | | - Cộng tiền nước: | 25.131.400 |
| | | - Tiền thuế GTGT (5%): | 1.256.570 |
| | | - Phí bảo vệ môi trường(10%): | 2.513.140 |
| | | - Tổng cộng: | 28.901.110 |

Bằng chữ: Hai mươi tám triệu chín trăm lẻ một nghìn một trăm mười đồng

Trà cứu hóa đơn tại: <https://hoandon.capnuocthanhhoa.vn/>, Tài khoản/Mật khẩu: CNBA_033320/1234567

Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công ty dịch vụ viễn thông - VNPT Vinaphone, MS: 110100809/38, Điện thoại: 04.57930599

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

Địa chỉ: Số 99 Đường Mặt Sơn, Phường Hạc Thành,
Tỉnh Thanh Hóa

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(THU TIỀN NƯỚC)**

Ký hiệu: 1K25TCN

Mã số thuế: 2800219549

Kỳ hóa đơn: 08/2025

Số: 01638934

Điện thoại: 02373.722.722

Ngày 07 Tháng 08 Năm 2025

Số tài khoản: 0781001235668 - NH Ngoại thương Thanh Hóa

Tên khách hàng: Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh hóa

CCCD/Mã ĐVQHNS:

Địa chỉ: 96 Lê Hoàn P. Điện Biên - TP Thanh Hoá

Mã số thuế: 2800748334

Mã khách hàng:

CNBA 033320

Hình thức thanh toán:

TM/CK

CSDH từ ngày 06/07/2025

: 12930

Đến ngày 06/08/2025

: 14321

Khối lượng tiêu thụ (m³):

1391

Người mua hàng

| Tên hàng hóa, dịch vụ | Số lượng (m ³) | Đơn giá | Thành tiền |
|--------------------------|----------------------------|---------|------------|
| Nước kinh doanh, dịch vụ | 1.391,0 | 20.300 | 28.237.300 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Bảng chữ: Ba mươi

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC THANH HÓA

Ký ngày: 07/08/2025 10:59:39

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

| | |
|-------------------------------|------------|
| - Cộng tiền nước: | 28.237.300 |
| - Tiền thuế GTGT (5%): | 1.411.865 |
| - Phí bảo vệ môi trường(10%): | 2.823.730 |
| - Tổng cộng: | 32.472.895 |

Bảng chữ: Ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng

Tra cứu hóa đơn tại: <https://hoadon.capnuocthanhhoa.vn/>. Tài khoản/Mật khẩu: CNBA_033320/1234567

10



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA

Thanh Hoa Department of Science and Technology

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG, CHUYÊN GIA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HÓA

Thanh Hoa Center for Standards, Metrology, Quality and Technology Transfer

Địa chỉ: Đường tránh quốc lộ 1A, phường Quảng Phú, Tỉnh Thanh Hóa

Add: Highway 1A, Quang Phu ward, Thanh Hoa province

E-mail: trungtamtdc36@gmail.com Tel: (02378) 696 636

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

THE TEST RESULTS

Số (N^o): 742 /2025/ TNH(S)

NƯỚC THẢI

Tên mẫu thử:

(Object)

Ký hiệu:

(Notation)

Khách hàng:

(Customer name)

Cơ sở:

(Establishments)

Ngày nhận mẫu: 30/07/2025

(date of receipt)

300725/02

Số lượng: 01 mẫu.

(Number of)

Công ty TNHH hợp tác quốc tế Thiên Phú

Khách sạn Phượng Hoàng 3 –

96 Lê Hoàn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

Thời gian phân tích: 30/07/2025 - 07/08/2025

(Time measurement)

| TT Order (1) | Tên chỉ tiêu Items (2) | Phương pháp thử Test method (3) | Đơn vị tính Unit (4) | Kết quả thử Results (5) |
|-----------------|--|------------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| | | | | NT |
| 1 ^a | pH | TCVN 6492:2011 | - | 7,65 |
| 2 ^a | Hàm lượng BOD ₅ | TCVN.6001-1:2021 | mg/l | 24,1 |
| 3 ^a | Hàm lượng NH ₄ ⁺ N | TCVN 6179-1:1996 | mg/l | 4,90 |
| 4 ^a | Hàm lượng TSS | TCVN 6625: 2000 | mg/l | 23,5 |
| 5 ^a | Dầu mỡ động thực vật | SMEWW 5520 B&F:2023 | mg/l | 2,80 |
| 6 ^a | Coliforms | SMEWW 9221B:2023 | MPN/100ml | 1700 |

Ghi chú: - NT: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của khách sạn.

Tọa độ: X: 19.808617; Y: 105.778777

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 08 năm 2025

THỬ NGHIỆM VIÊN

Tester

Đặng Thùy Thương

TRƯỞNG PHÒNG

Department Head

Nguyễn Thị Hảo

PHÓ GIÁM ĐỐC

Deputy Director



Lê Hùng Nam

Chú ý: - Phiếu kết quả thử nghiệm không có giá trị khi sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý của Vilas 142.

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Những chỉ tiêu có dấu (*) trong phạm vi công nhận Vilas.
- Những chỉ tiêu có dấu (a) trong phạm vi công nhận Vimecerts 170
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Tên mẫu, tên khách hàng và tên cơ sở do khách hàng cung cấp.

BM 14. 02

Trang 1/1

(N^o of pages)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA

Thanh Hoa Department of Science and Technology

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG, CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HÓA

Thanh Hoa Center for Standards, Metrology, Quality and Technology Transfer

Địa chỉ: Đường vành đai 1A, phường Quảng Phú, Tỉnh Thanh Hóa

Add: Highway 1A, Quang Phu ward, Thanh Hoa province

E-mail: trungtamkh@gmail.com Tel: (02374) 696 636

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

THE TEST RESULTS

Số (N^o): 747 /2025/TNHS

Tên mẫu thử:

(Object)

KHÔNG KHÍ

Ký hiệu:

(Notation)

300725/01

Số lượng: 01 mẫu.

(Number of)

Khách hàng:

(Customer name)

Công ty TNHH hợp tác quốc tế Thiên Phú

Dự án:

(Project)

Khách sạn Phương Hoàng 3 -

96 Lê Hoàn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

Ngày nhận mẫu:

(date of receipt)

30/07/2025

Thời gian phân tích: 30/07/2025 - 07/08/2025.

(Time measurement)

| TT Order (1) | Tên chỉ tiêu Items (2) | Phương pháp thử Test method (3) | Đơn vị tính Unit (4) | Kết quả thử Results (5) |
|-----------------|---------------------------|------------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| | | | | K1 |
| 1 ^a | Nhiệt độ | QCVN 46:2012/BTNMT | °C | 32,5 |
| 2 ^a | Độ ẩm | QCVN 46:2012/BTNMT | % | 58,6 |
| 3 ^a | Tốc độ gió | QCVN 46:2012/BTNMT | m/s | 0,3+1,0 |
| 4 ^a | Tiếng ồn | TCVN 7878-2:2018 | dB(A) | 52,5 |
| 5 ^a | NO ₂ | TCVN 6137:2009 | µg/m ³ | 19,0 |
| 6 ^a | SO ₂ | TCVN 5971:1995 | µg/m ³ | 11,2 |
| 7 ^a | CO | TDC.HS/HD.K/04 | µg/m ³ | <3000 |
| 8 ^a | Bụi (TSP) | TCVN 5067:1995 | µg/m ³ | 86,3 |

Ghi chú: - K1: Không khí tại trung tâm khu vực sân khách sạn. Tọa độ (X=19.808273; Y=105779000)

Giá trị sau dấu "<" là giới hạn phát hiện của phương pháp

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 08 năm 2025

THỬ NGHIỆM VIÊN

Tester

TRƯỞNG PHÒNG

Department Head

PHÓ GIÁM ĐỐC

Deputy Director

Tô Văn Oanh

Nguyễn Thị Hào



Lê Hùng Nam

Chú ý: - Phiếu kết quả thử nghiệm không có giá trị khi sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý của Vilas 142.

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Những chỉ tiêu có dấu (*) trong phạm vi công nhận Vilas.
- Những chỉ tiêu có dấu (a) trong phạm vi công nhận Vincerts 170
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Tên mẫu, tên khách hàng và tên cơ sở đo khách hàng cung cấp.

BM 14. 02

Trang 1/1

(N^o of pages)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA

Thanh Hoa Department of Science and Technology

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG, CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HÓA

Thanh Hoa Center for Standards, Metrology, Quality and Technology Transfer

Địa chỉ: Đường tránh quốc lộ 1A, phường Quảng Phú, Tỉnh Thanh Hóa

Add: Highway 1A, Quang Phu ward, Thanh Hoa province

E-mail: trungtamtc36@gmail.com Tel: (02378) 696 636

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

THE TEST RESULTS

Số (N^o): 740 /2025/ TNH(S)

NƯỚC THẢI

Tên mẫu thử:

(Object)

Ký hiệu:

(Notation)

Khách hàng:

(Customer name)

Cơ sở:

(Establishments)

Ngày nhận mẫu: 29/07/2025

(date of receipt)

290725/02

Số lượng: 01 mẫu.

(Number of)

Công ty TNHH hợp tác quốc tế Thiên Phú

Khách sạn Phượng Hoàng 3 –

96 Lê Hoàn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

Thời gian phân tích: 29/07/2025 - 07/08/2025

(Time measurement)

| TT Order (1) | Tên chỉ tiêu Items (2) | Phương pháp thử Test method (3) | Đơn vị tính Unit (4) | Kết quả thử Results (5) |
|-----------------|---|------------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| | | | | NT |
| 1 ^a | pH | TCVN 6492:2011 | - | 7,41 |
| 2 ^a | Hàm lượng BOD ₅ | TCVN.6001-1:2021 | mg/l | 18,1 |
| 3 ^a | Hàm lượng NH ₄ ⁺ .N | TCVN 6179-1:1996 | mg/l | 4,78 |
| 4 ^a | Hàm lượng TSS | TCVN 6625: 2000 | mg/l | 20,5 |
| 5 ^a | Dầu mỡ động thực vật | SMEWW 5520 B&F:2023 | mg/l | 2,10 |
| 6 ^a | Coliforms | SMEWW 9221B:2023 | MPN/100ml | 2400 |

Ghi chú: - NT: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của khách sạn.

Tọa độ: X: 19.808654; Y: 105.778781

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 08 năm 2025

THỬ NGHIỆM VIÊN

Tester

Đặng Thùy Thương

TRƯỞNG PHÒNG

Department Head

Nguyễn Thị Hào

PHÓ GIÁM ĐỐC

Vice Director



Lê Hùng Nam

Chú ý: - Phiếu kết quả thử nghiệm không có giá trị khi sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý của Vilas 142.

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Những chỉ tiêu có dấu (*) trong phạm vi công nhận Vilas.
- Những chỉ tiêu có dấu (a) trong phạm vi công nhận Vimecerts 170
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Tên mẫu, tên khách hàng và tên cơ sở đo khách hàng cung cấp.

BM 14. 02

Trang 1/1

(N^o of pages)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA

Thanh Hoa Department of Science and Technology

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG, CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HÓA

Thanh Hoa Center for Standards, Metrology, Quality and Technology Transfer

Địa chỉ: Đường tránh quốc lộ 1A, phường Quảng Phú, Tỉnh Thanh Hóa

Address: Highway 1A, Quang Phu ward, Thanh Hoa province

E-mail: trungtamdc36@gmail.com Tel: (02378) 696 636

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

THE TEST RESULTS

Số (N^o): 339 /2025/TNH(S)

Tên mẫu thử:

(Object)

KHÔNG KHÍ

Ký hiệu:

(Notation)

290725/01

Số lượng: 01 mẫu.

(Number of)

Khách hàng:

(Customer name)

Công ty TNHH hợp tác quốc tế Thiên Phú

Dự án:

(Project)

Khách sạn Phượng Hoàng 3 –

96 Lê Hoàn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

Ngày nhận mẫu: 29/07/2025

(date of receipt)

Thời gian phân tích: 29/07/2025 – 07/08/2025.

(Time measurement)

| TT Order (1) | Tên chỉ tiêu Items (2) | Phương pháp thử Test method (3) | Đơn vị tính Unit (4) | Kết quả thử Results (5) |
|-----------------|---------------------------|------------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| | | | | K1 |
| 1 ^a | Nhiệt độ | QCVN 46:2012/BTNMT | °C | 33,5 |
| 2 ^a | Độ ẩm | QCVN 46:2012/BTNMT | % | 59,0 |
| 3 ^a | Tốc độ gió | QCVN 46:2012/BTNMT | m/s | 0,3÷1,2 |
| 4 ^a | Tiếng ồn | TCVN 7878-2:2018 | dB(A) | 54,0 |
| 5 ^a | NO ₂ | TCVN 6137:2009 | µg/m ³ | 22,9 |
| 6 ^a | SO ₂ | TCVN 5971:1995 | µg/m ³ | 10,7 |
| 7 ^a | CO | TDC.HS/HD.K/04 | µg/m ³ | 3057 |
| 8 ^a | Bụi (TSP) | TCVN 5067:1995 | µg/m ³ | 92,3 |

Ghi chú: - K1: Không khí tại trung tâm khu vực sân khách sạn. Tọa độ (X=19.808224; Y=105778984)

Giá trị sau dấu "<" là giới hạn phát hiện của phương pháp

THỬ NGHIỆM VIÊN

Tester

Tô Văn Oanh

TRƯỞNG PHÒNG

Department Head

Nguyễn Thị Hảo

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 08 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Hùng Nam

Chú ý: - Phiếu kết quả thử nghiệm không có giá trị khi sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý của Vilas 142.

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Những chỉ tiêu có dấu (*) trong phạm vi công nhận Vilas.
- Những chỉ tiêu có dấu (a) trong phạm vi công nhận Vincerts 170
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Tên mẫu, tên khách hàng và tên cơ sở đo khách hàng cung cấp.

BM 14. 02

Trang 1/1

(N^o of pages)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA

Thanh Hoa Department of Science and Technology

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG, CHUYÊN GIA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HÓA

Thanh Hoa Center for Standards, Metrology, Quality and Technology Transfer

Địa chỉ: Đường tránh quốc lộ 1A, phường Quảng Phú, Tỉnh Thanh Hóa

Add: Highway 1A, Quang Phu ward, Thanh Hoa province

E-mail: trungtamtdc36@gmail.com Tel: (02378) 696 636

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

THE TEST RESULTS

Số (N^o): 738 /2025/ TNH(S)

NƯỚC THẢI

Tên mẫu thử:

(Object)

Ký hiệu:

(Notation)

Khách hàng:

(Customer name)

Cơ sở:

(Establishments)

Ngày nhận mẫu: 28/07/2025

(date of receipt)

280725/02

Số lượng: 01 mẫu.

(Number of)

Công ty TNHH hợp tác quốc tế Thiên Phú

Khách sạn Phượng Hoàng 3 –

96 Lê Hoàn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

Thời gian phân tích: 28/07/2025 - 07/08/2025

(Time measurement)

| TT Oder (1) | Tên chỉ tiêu Items (2) | Phương pháp thử Test method (3) | Đơn vị tính Unit (4) | Kết quả thử Results (5) |
|----------------|---|------------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| | | | | NT |
| 1 ^a | pH | TCVN 6492:2011 | - | 7,52 |
| 2 ^a | Hàm lượng BOD ₅ | TCVN.6001-1:2021 | mg/l | 22,5 |
| 3 ^a | Hàm lượng NH ₄ ⁺ .N | TCVN 6179-1:1996 | mg/l | 4,87 |
| 4 ^a | Hàm lượng TSS | TCVN 6625: 2000 | mg/l | 25,0 |
| 5 ^a | Dầu mỡ động thực vật | SMEWW 5520 B&F:2023 | mg/l | 3,20 |
| 6 ^a | Coliforms | SMEWW 9221B:2023 | MPN/100ml | 1400 |

Ghi chú: - NT: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của khách sạn.

Tọa độ: X: 19.808642; Y: 105.778750

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 08 năm 2025

THỬ NGHIỆM VIÊN

Tester

Đặng Thùy Thương

TRƯỞNG PHÒNG

Department Head

Nguyễn Thị Hào

PHÓ GIÁM ĐỐC

Deputy Director

Lê Hùng Nam

Chú ý: - Phiếu kết quả thử nghiệm không có giá trị khi sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý của Vilas 142.

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Những chỉ tiêu có dấu (*) trong phạm vi công nhận Vilas.
- Những chỉ tiêu có dấu (a) trong phạm vi công nhận Vimecerts 170
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Tên mẫu, tên khách hàng và tên cơ sở đo khách hàng cung cấp.

BM 14. 02

Trang 1/1

(N^o of pages)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THANH HÓA

Thanh Hoa Department of Science and Technology

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ ỨNG DỤNG, CHUYÊN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ THANH HÓA

Thanh Hoa Center for Standards, Metrology, Quality and Technology Transfer

Địa chỉ: Đường tránh quốc lộ 1A, phường Quảng Phú, Tỉnh Thanh Hóa

Add: Highway 1A, Quang Phu ward, Thanh Hoa province

E-mail: trungtamtdc36@gmail.com Tel: (02378) 696 636

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

THE TEST RESULTS

Số (N^o): 737 /2025/TNH(S)

Tên mẫu thử:

(Object)

KHÔNG KHÍ

Ký hiệu:

(Notation)

280725/01

Số lượng: 01 mẫu.

(Number of)

Khách hàng:

(Customer name)

Công ty TNHH hợp tác quốc tế Thiên Phú

Dự án:

(Project)

Khách sạn Phượng Hoàng 3 –

96 Lê Hoàn, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá

Ngày nhận mẫu:

28/07/2025

Thời gian phân tích: 28/07/2025 – 07/08/2025.

(date of receipt)

(Time measurement)

| TT Oder (1) | Tên chỉ tiêu Items (2) | Phương pháp thử Test method (3) | Đơn vị tính Unit (4) | Kết quả thử Results (5) |
|----------------|---------------------------|------------------------------------|-------------------------|----------------------------|
| | | | | K1 |
| 1 ^a | Nhiệt độ | QCVN 46:2012/BTNMT | °C | 32,8 |
| 2 ^a | Độ ẩm | QCVN 46:2012/BTNMT | % | 57,2 |
| 3 ^a | Tốc độ gió | QCVN 46:2012/BTNMT | m/s | 0,3÷0,9 |
| 4 ^a | Tiếng ồn | TCVN 7878-2:2018 | dB(A) | 51,8 |
| 5 ^a | NO ₂ | TCVN 6137:2009 | µg/m ³ | 20,4 |
| 6 ^a | SO ₂ | TCVN 5971:1995 | µg/m ³ | 12,7 |
| 7 ^a | CO | TDC/HS/HD.K/04 | µg/m ³ | <3000 |
| 8 ^a | Bụi (TSP) | TCVN 5067:1995 | µg/m ³ | 80,6 |

Ghi chú: - K1: Không khí tại trung tâm khu vực sân khách sạn. Tọa độ (X=19.808232; Y=105778907)

Giá trị sau dấu "<" là giới hạn phát hiện của phương pháp

THỬ NGHIỆM VIÊN

Tester

Tô Văn Oanh

TRƯỞNG PHÒNG

Department Head

Nguyễn Thị Hảo

Thanh Hóa, ngày 07 tháng 08 năm 2025

PHÓ GIÁM ĐỐC

Vice-Director



Lê Hưng Nam

Chú ý: - Phiếu kết quả thử nghiệm không có giá trị khi sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý của Vilas 142.

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

- Những chỉ tiêu có dấu (*) trong phạm vi công nhận Vilas.

- Những chỉ tiêu có dấu (a) trong phạm vi công nhận Vimecerts 170

- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- Tên mẫu, tên khách hàng và tên cơ sở đo khách hàng cung cấp.

BM 14. 02

Trang 1/1

(N^o of pages)



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THANH HÓA
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG, ĐỊA CHẤT

(VILAS 815 - VICERTS 127)

Địa chỉ: Số 14 đường Hạc Thành, P. Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa

Tel: 02376.256.145; Fax: 02376.259.145



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N251102/964/2025/QTTH-PT

VILAS 815

- 1) Khách hàng: PHÒNG MÔI TRƯỜNG - SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
2) Địa chỉ: Số 49, Đại Lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
3) Loại mẫu: NƯỚC Ký hiệu mẫu: PH - NT
4) Địa điểm quan trắc: Khách sạn Phụng Hoàng 3 - Công ty cổ phần in và vật tư Ba Đình Thanh Hóa, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
5) Ngày nhận mẫu: 02/11/2025

| Stt | Thông số phân tích | Đơn vị tính | Kết quả phân tích | Phương pháp phân tích |
|-----|--|-------------|-------------------|--|
| 1 | pH | - | 7,32 | TCVN 6492:2011 |
| 2 | TDS | mg/l | 178 | HD - QTMT/HT.N/03 |
| 3 | TSS* | mg/l | 11,6 | TCVN 6625:2000 |
| 4 | BOD ₅ * | mg/l | 11,0 | TCVN 6001-1:2021 |
| 5 | NH ₄ ⁺ (tính theo N)* | mg/l | <0,5 | TCVN 5988:1995 |
| 6 | NO ₃ ⁻ (tính theo N) | mg/l | 0,68 | SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023 |
| 7 | S ₂ ⁻ (tính theo H ₂ S) | mg/l | <0,02 | SMEWW 4500-S ₂ ⁻ .B&D:2023 |
| 8 | PO ₄ ³⁻ (tính theo P)* | mg/l | 0,26 | TCVN 6202:2008 |
| 9 | Chất hoạt động bề mặt anion | mg/l | 0,013 | TCVN 6622-1:2009 |
| 10 | Tổng Coliform* | MPN/100ml | <1,8 | SMEWW 9221B:2023 |

Ghi chú:

PH - NT: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý tại bể khử trùng;

+ Giá trị sau dấu "<" là giới hạn phát hiện của phương pháp;

* Thông số được công nhận TCVN ISO/IEC 17025:2017;

TRƯỞNG PHÒNG


Lê Thị Lợi

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 11 năm 2025

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Văn Hậu

Lưu ý:

Kết quả chỉ có giá trị tại thời điểm phân tích;

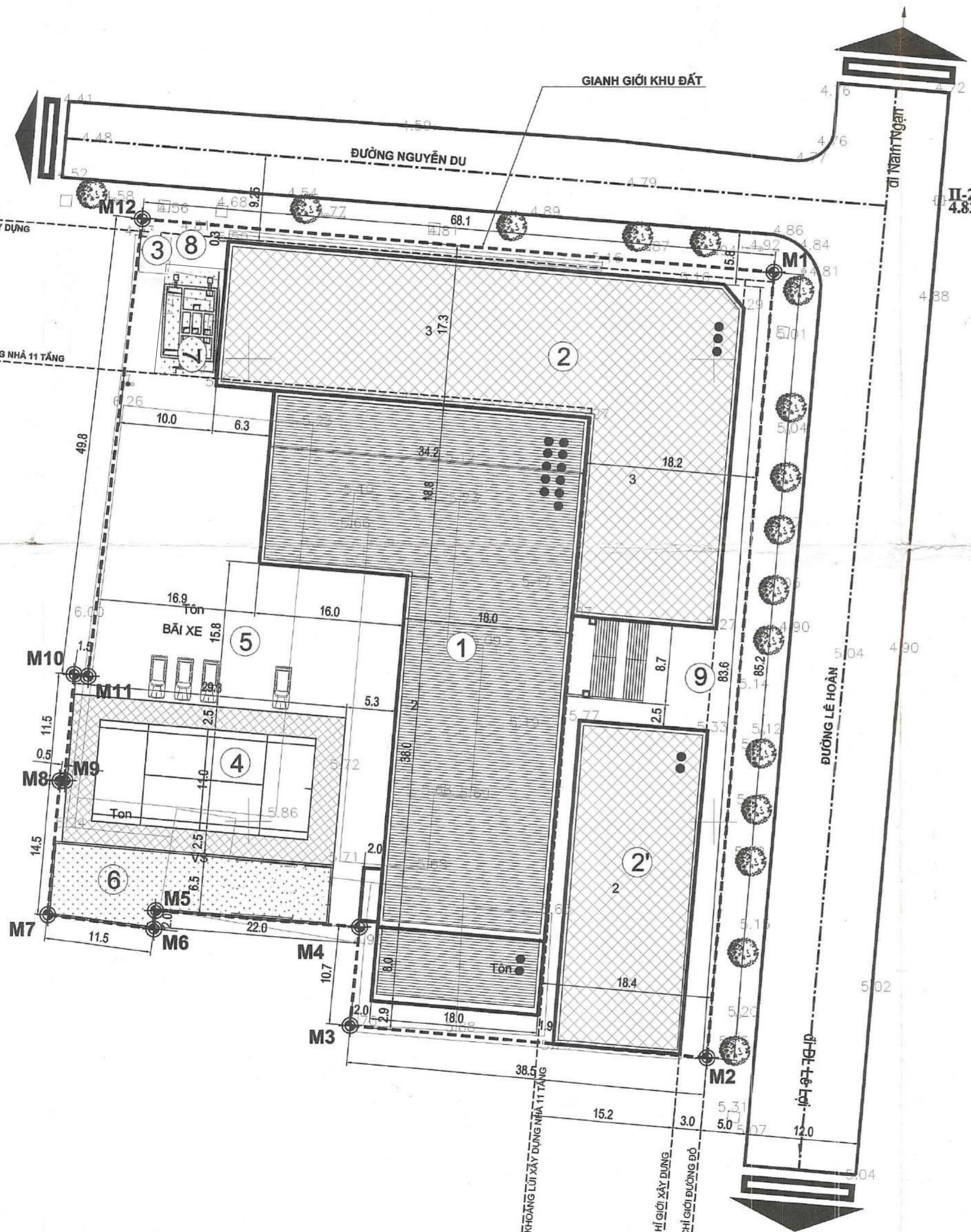
Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 05 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu phân tích.

Trang:

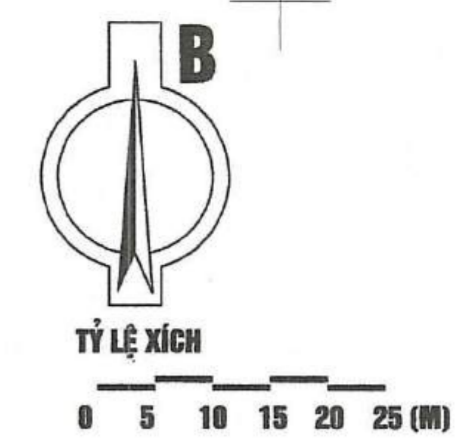
BM.17.01

TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG

TỶ LỆ 1/500



- GIANH GIỚI KHU ĐẤT
- BÓN HOA CÂY XANH
- ĐƯỜNG BÊ TÔNG
- NHÀ HIỆN TRẠNG
- NHÀ XÂY MỚI



GHI CHÚ:

- TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT LẬP QUY HOẠCH : S= 5766.5 M2
- GIỚI HẠN TRONG CÁC MỐC M1 ĐẾN M12 TRONG ĐÓ :
 - + PHÍA BẮC GIÁP ĐƯỜNG NGUYỄN DU;
 - + PHÍA NAM GIÁP ĐẤT HIỆU SÁCH NHÂN DÂN;
 - + PHÍA ĐÔNG GIÁP ĐƯỜNG LÊ HOÀN;
 - + PHÍA TÂY GIÁP KHU DÂN CƯ HIỆN TRẠNG.

- CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT:
- DIỆN TÍCH XÂY DỰNG: 3.198,76 M2
- TRONG ĐÓ:
 - + DIỆN TÍCH XÂY DỰNG HIỆN TRẠNG: 1.670,16 M2;
 - + DIỆN TÍCH XÂY DỰNG MỚI: 1.528,6 M2;
 - + DIỆN TÍCH SÂN, ĐƯỜNG NỘI BỘ, BÃI XE : 1.885,74 M2;
 - + DIỆN TÍCH BÓN HOA CÂY XANH : 215 M2;
 - + MẬT ĐỘ XÂY DỰNG: 55,4 %;
 - + HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT: 3,58 LẦN;
 - + SỐ TẦNG CAO: TỪ 01-11 TẦNG.

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT

| STT | HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH | DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (M2) | TẦNG CAO (TẦNG) |
|-----|--|-------------------------|-----------------|
| 1 | NHÀ KINH DOANH DỊCH VỤ KHÁCH SẠN VÀ GIẢI TRÍ, THỂ THAO VĂN HÓA | 1.478,6 | 11 |
| 2 | NHÀ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM VÀ TRUNG TÂM SÁCH (HIỆN TRẠNG) | 1.098,96 | 03 |
| 2' | NHÀ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM (HIỆN TRẠNG) | 547,20 | 02 |
| 3 | NHÀ TRỤ (HIỆN TRẠNG) | 24,0 | 01 |
| 4 | SÂN CẦU LÔNG | 467 | 0 |
| 5 | SÂN, BÃI ĐỂ XE | 1.843,3 | 0 |
| 6 | BÓN HOA CÂY XANH | 215 | 0 |
| 7 | BỂ SỬ LÝ CHẤT THẢI | 50,0 | 0 |
| 8 | CỔNG PHỤ | | |
| 9 | CỔNG CHÍNH | | |

BẢNG TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM ĐỊNH VỊ KHU ĐẤT (HỆ TỌA ĐỘ VN2000)

| ĐIỂM ĐV | TỌA ĐỘ | |
|---------|------------|-------------|
| | X | Y |
| M1 | 581456.470 | 2191259.433 |
| M2 | 581449.258 | 2191174.539 |
| M3 | 581410.908 | 2191177.949 |
| M4 | 581411.935 | 2191188.588 |
| M5 | 581390.017 | 2191190.332 |
| M6 | 581389.820 | 2191188.350 |
| M7 | 581378.413 | 2191189.862 |
| M8 | 581379.727 | 2191204.304 |
| M9 | 581380.223 | 2191204.239 |
| M10 | 581381.274 | 2191215.790 |
| M11 | 581382.762 | 2191215.594 |
| M12 | 581388.583 | 2191265.053 |

SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA
ĐÃ THẨM ĐỊNH
 Theo văn bản số: 1376/SXD-ĐT ngày 22 tháng 5 năm 2017

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG THANH HÓA

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CP IN VÀ VẬT TƯ BA BÌNH THANH HÓA
 KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY..... THÁNG..... NĂM 2017

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
NHÀ CAO TẦNG KINH DOANH DỊCH VỤ KHÁCH SẠN VÀ GIẢI TRÍ, THỂ THAO, VĂN HÓA

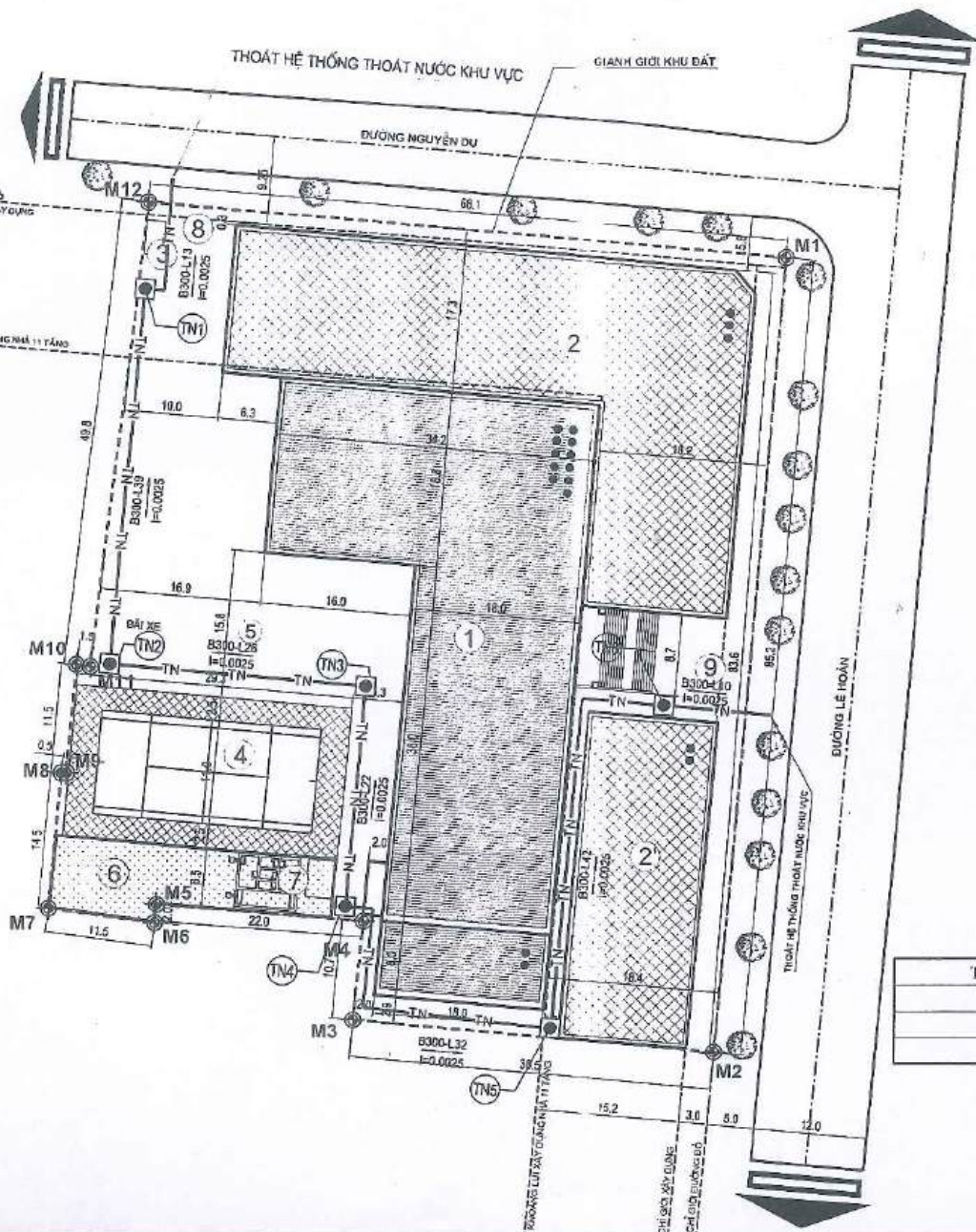
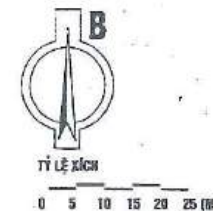
TÊN BẢN VẼ:
TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG TL:1/500

| | | | |
|--------------|----------------------|--------------|---------------------|
| SỐ TỜ SỐ: | SỐ MẢNH GHEP: | TỶ LỆ: 1/500 | NGÀY THÁNG NĂM 2017 |
| THIẾT KẾ | KTS. TRẦN VĂN HÙNG | | |
| QL. KỸ THUẬT | KTS. NGUYỄN QUÝ NHẬT | | |
| CHỦ TRÌ | KTS. NGUYỄN THẾ DUNG | | |
| GIÁM ĐỐC | | | |

CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG HAC.
 SỐ 20 CAO THẮNG - P. ĐIỆN BIÊN - T.P THANH HOÁ
 TEL: 037.220680 DD: 0913031131

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

TỶ LỆ 1/500



- GIỚI GIỚI KHU ĐẤT
- BÓN HOA CÂY XANH
- ĐƯỜNG BÊ TÔNG
- NHÀ HIỆN TRẠNG
- NHÀ XÂY MỚI

KÝ HIỆU

- RÀNH THOÁT NƯỚC MƯA THIẾT KẾ
- CHIỀU RỘNG-CHIỀU DÀI-ĐỘ ĐỐC ĐẶT RÀNH
- HỒ GA THOÁT NƯỚC

| | | |
|--|--------|---------|
| THOÁT NƯỚC SÀN ĐŨNG/NƯỚC MƯA | | |
| Tên gọi - quy cách | Đơn vị | Tổng KL |
| Rãnh thoát nước dầy kít bằng sàn dầy m | | 182 |
| Hồ ga thu nước | Hồ | 6 |

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

NHÀ CAO TẦNG KINH DOANH DỊCH VỤ KHÁCH SẠN VÀ GIẢI TRÍ, THỂ THAO, VĂN HÓA

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

SỐ TỜ: / TỜ SỐ: / THIẾT KẾ: / QL KỸ THUẬT: / CHỮ TRƯ: / GIÁM ĐỐC:

SỐ MÃNH VẼ: / NGÀY: / THÁNG: / NĂM: /

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG QUỐC

SỐ 26 CAO THẮNG PHƯỜNG THẠCH KHÊ, QUẬN THẠCH KHÊ, TP. HỒ CHÍ MINH

TEL: 07.22000000 - 07.22000001

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

| | | |
|--|---|--|
| CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ TM NGỌC NHÂN | | |
| BẢN VẼ HOÀN CÔNG | | |
| Ngày/..../20.. | | |
| NGƯỜI LẬP <small>(Ký, ghi rõ họ tên)</small> | CHỈ HUY TRƯỞNG <small>(Ký, ghi rõ họ tên)</small> | TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG <small>(Ký, ghi rõ họ tên)</small> |
|  Le Phan Giang |  Le Tuan Nhat |  Tran Manh Giang |

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHÁCH SẠN PHƯỢNG HOÀNG 3

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ VẬT TƯ BA ĐÌNH THANH HOÁ

TƯ VẤN GIÁM SÁT: CÔNG TY TNHH HỢP TÁC QUỐC TẾ THIÊN PHÚ

ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC NHÂN

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: SỐ 96 LÊ HOÀN, PHƯỜNG HẠC THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

CÔNG NGHỆ

CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ TM NGỌC NHÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm 20...

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

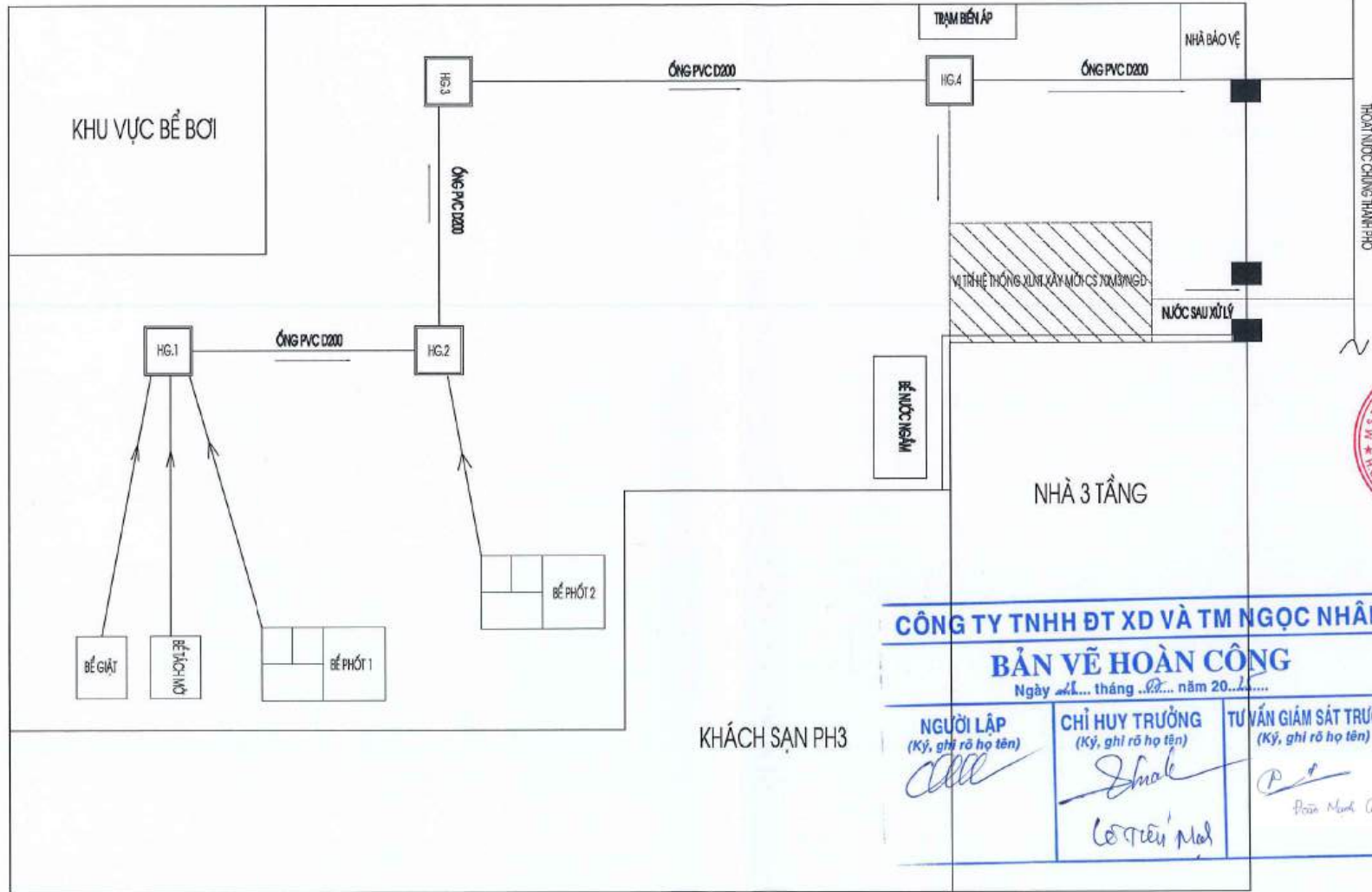
CHỈ HUY TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Văn Nghĩa

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đoàn Mạnh Cường

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG + VỊ TRÍ XÂY MỚI HTXL



CHỖ NHẬP NƯỚC CHUNG THÀNH PHỐ

HIỆU CHỈNH

| BT | NGÀY | DUYỆT | SỬA |
|----|------|-------|-----|
| 01 | | | |
| 02 | | | |
| 03 | | | |

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐỊA ĐIỂM

Địa chỉ số 11 Lê Hoàn - Phường Ngọc Thuận - Thị trấn Hòa

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH HỢP TÁC QUỐC TẾ THIÊN PHÚ

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. HCM
 TEL: 097777048
 EMAIL: info@thienphu.com.vn



ĐOÀN MẠNH CƯỜNG

CHỦ TRÌ

Lam
KS. ĐỖ CHÍ TÂM

VỀ - THIẾT KẾ

Nam
KS. LÊ VĂN NAM

KIỂM TRA

Lam
KS. ĐỖ CHÍ TÂM

HANG MỤC

XLNT SINH HOẠT KHÁCH SẠN PHƯỢNG HOÀNG 3

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG + VỊ TRÍ XÂY MỚI HTXL

TỶ LỆ BẢN VẼ

HOÀN THÀNH 2025

BỐ HIỆU BẢN VẼ CN - 00

CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ TM NGỌC NHÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày ... tháng ... năm 20... ..

| | | |
|---|---|---|
| NGƯỜI LẬP (Ký, ghi rõ họ tên) <i>all</i> | CHỈ HUY TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên) <i>Shak</i> CƠ TIÊN MẠNH | TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên) <i>P</i> Đoàn Mạnh Cường |
|---|---|---|

KHÁCH SẠN PH3

CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ TM NGỌC NHÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ...22... tháng ...07... năm 20...21....

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT LẬP
CÔNG SUẤT 70M3/NGĐ

HOẠT LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CLC

CHỈ HUY TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thinh
CỐ TÊN NINH

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

P
Đoàn Mạnh Cường

HIỆU CHỈNH

| STT | NGÀY | DUYỆT | SỬA |
|-----|------|-------|-----|
| 01 | | | |
| 02 | | | |
| 03 | | | |

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐỊA ĐIỂM

Địa chỉ số 14 Ngõ 10/10 Đường Nguyễn Huệ Quận 1 TP. HCM

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH HỢP TÁC QUỐC TẾ THIÊN PHÚ

Địa chỉ: Thôn Thượng Sơn 2 - Xã Quảng Bình - Huyện Quảng Trạch - Tỉnh Quảng Bình

TEL: 0977772668

EMAIL: thienphu@thienphu.com.vn

GIẤM ĐỐC THIÊN PHÚ

ĐOÀN MẠNH CƯỜNG

CHỦ TRÌ

Lam
KS. ĐỖ CHÍ TÂM

VỀ - THIẾT KẾ

Nam
KS. LÊ VĂN NAM

Kiểm tra

Lam
KS. ĐỖ CHÍ TÂM

Hàng mục

XLNT SINH HOẠT KHÁCH SẠN PHƯỢNG HOÀNG 3

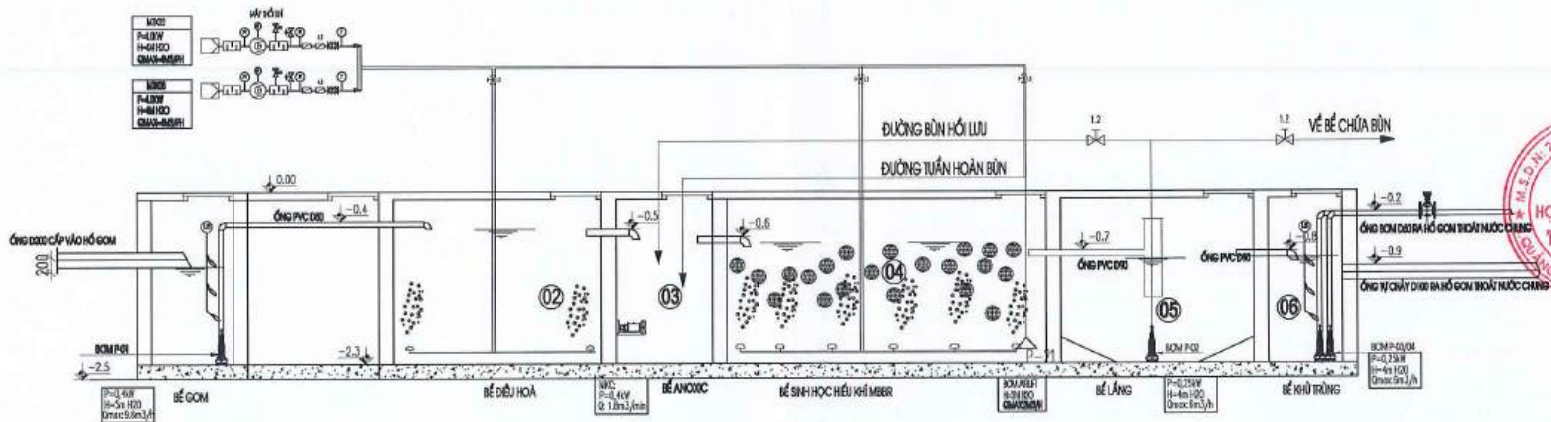
Tên bản vẽ

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Tỷ lệ bản vẽ

Hoàn thành 2025

Bổ hiệu bản vẽ CN - 01



- ① BỂ GOM NƯỚC THẢI
- ② BỂ ĐIỀU HÒA
- ③ BỂ ANOXIC
- ④ BỂ SINH HỌC HIỆU KHÍ MBBR
- ⑤ NGĂN LẮNG
- ⑥ NGĂN KHỬ TRÙNG
- ⑦ BỂ CHỨA BÙN

CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ TM NGỌC NHÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm 20...

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

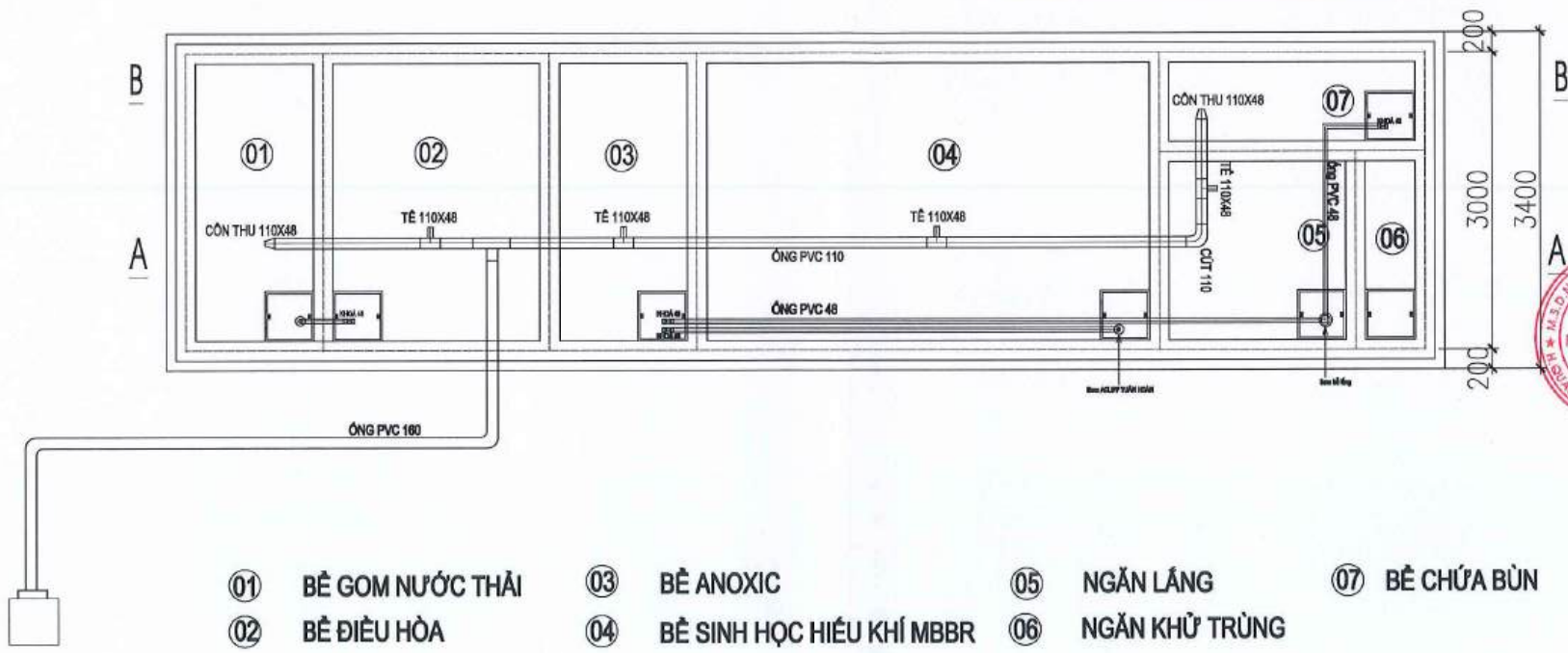
CHỈ HUY TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Le Thi Nam
Le Thi Nam

Đoàn Mạnh Cường
Đoàn Mạnh Cường

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC + ĐƯỜNG ỐNG HÚT MÙI



- ① BỂ GOM NƯỚC THẢI
- ② BỂ ĐIỀU HÒA
- ③ BỂ ANOXIC
- ④ BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ MBBR
- ⑤ NGĂN LẮNG
- ⑥ NGĂN KHỬ TRÙNG
- ⑦ BỂ CHỨA BÙN

HIỆU CHỈNH

| STT | NGÀY | DUYỆT | SỬA |
|-----|------|-------|-----|
| 01 | | | |
| 02 | | | |
| 03 | | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
[Signature]

ĐỊA ĐIỂM
Địa chỉ: Số 1 Lê Lợi, Phường Lạc Tiên, Thị trấn Hòa

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ THI CÔNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH HỢP TÁC QUỐC TẾ THIÊN PHÚ

ADD: THỊNH THƯỜNG BÌNH 3 - XÃ QUANG DŨNG - HUYỆN QUANG BÌNH - THỊ TRẤN HÒA
 TEL: 09777246
 EMAIL: thienphu@thienphu.com
 GIÁM ĐỐC: *[Signature]*
THIÊN PHÚ
 QUANG KHƯƠNG 1, THANH HÓA
ĐOÀN MẠNH CƯỜNG

CHỦ TRÌ

Lam
KS. ĐỖ CHÍ TÂM

VỀ - THIẾT KẾ

Nam
KS. LÊ VĂN NAM

KIỂM TRA

Lam
KS. ĐỖ CHÍ TÂM

HẠNG MỤC

XLNT SINH HOẠT KHÁCH SẠN PHƯỜNG HOÀNG 3

TÊN BẢN VẼ

BỐ TRÍ ĐƯỜNG NƯỚC VÀ ĐƯỜNG ỐNG HÚT MÙI

| | |
|----------------|---------|
| TỶ LỆ BẢN VẼ | |
| HOÀN THÀNH | 2025 |
| SỐ HIỆU BẢN VẼ | CN - 02 |

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CẤP KHÍ

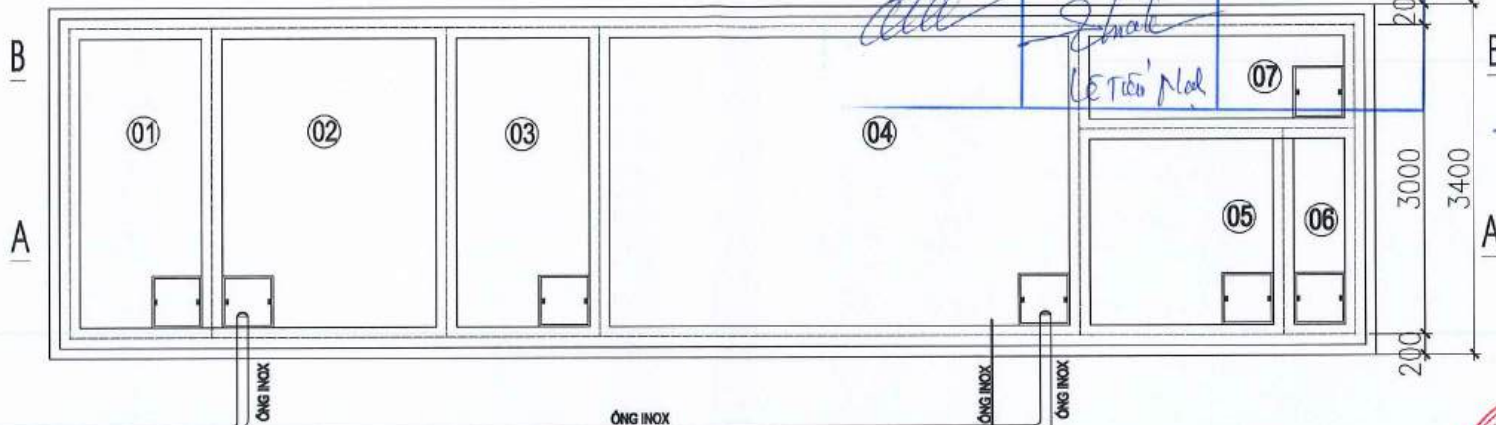
CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ TM NGỌC NHÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

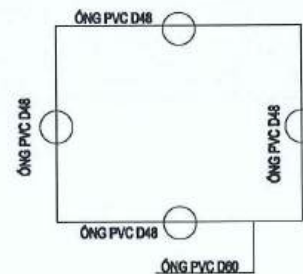
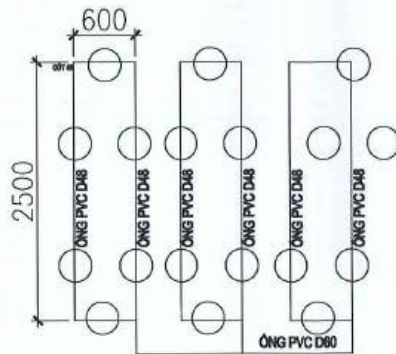
Ngày ... tháng ... năm 20...

NGƯỜI LẬP (Ký, ghi rõ họ tên) CHỈ HUY TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên) TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên)

[Handwritten signatures and names: NGUYỄN VĂN LÊ, LÊ TIẾN MẠCH]

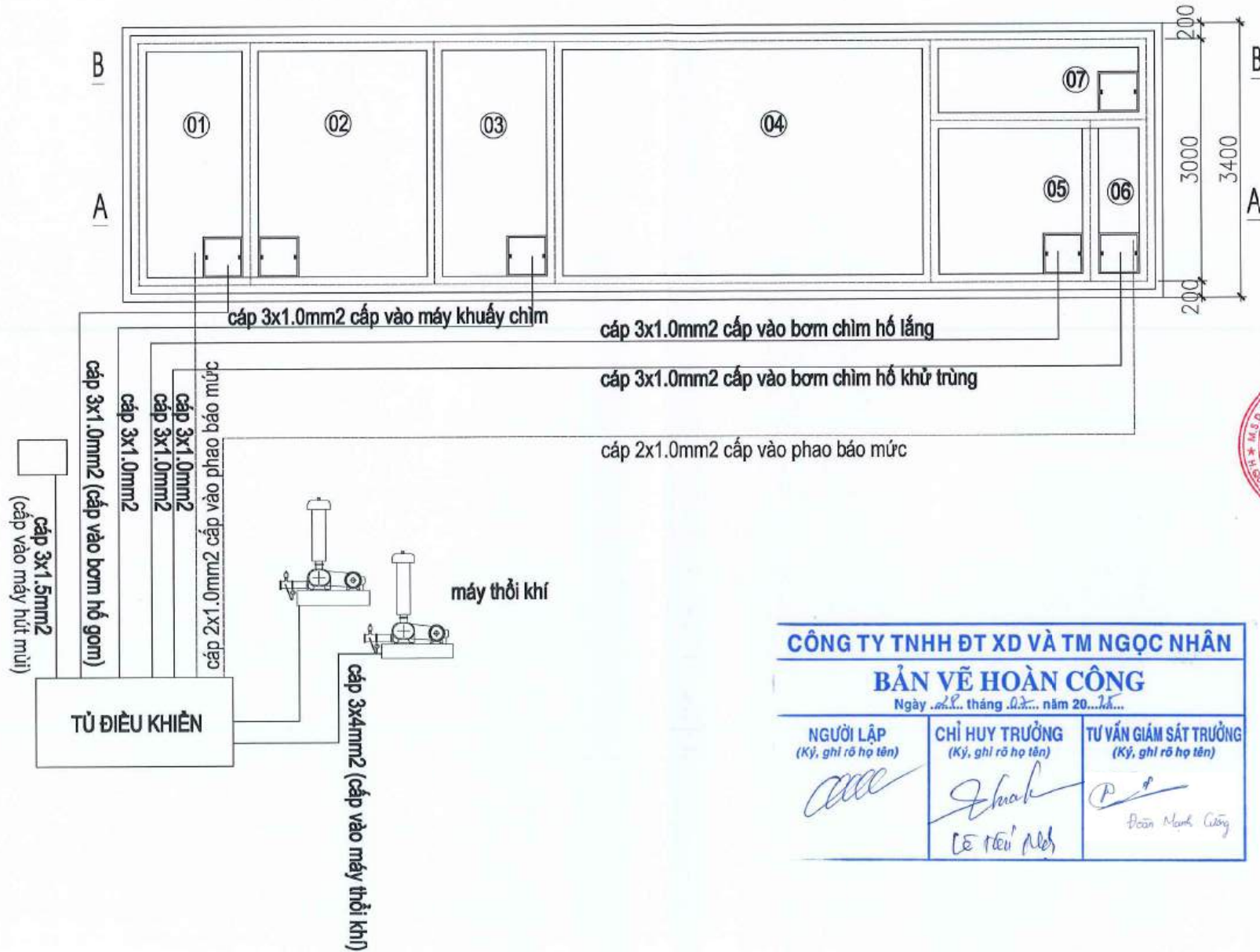


- ① BỂ GOM NƯỚC THẢI
- ② BỂ ĐIỀU HÒA
- ③ BỂ ANOXIC
- ④ BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ MBBR
- ⑤ NGĂN LẮNG
- ⑥ NGĂN KHỬ TRÙNG
- ⑦ BỂ CHỨA BÙN



| HIỆU CHỈNH | | | |
|--|-------------------|-------|-----|
| STT | NGÀY | DUYỆT | SỬA |
| 01 | | | |
| 02 | | | |
| 03 | | | |
| CHỦ ĐẦU TƯ | | | |
| <i>[Handwritten signature]</i> | | | |
| ĐỊA ĐIỂM | | | |
| Mặt phố số 10 Lê Lợi - Quận Hoàng Mai - Thành Phố Hà Nội | | | |
| ĐẠI ĐOẠN | THIẾT KẾ THI CÔNG | | |
| ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | | | |
| CÔNG TY TNHH HỢP TÁC QUỐC TẾ THIÊN PHÚ | | | |
| Địa chỉ: Phòng Thương mại Công ty Cổ phần Hoàng Anh - Xã Quảng Bình - Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa | | | |
| | | | |
| ĐOÀN MẠNH CƯỜNG | | | |
| CHỦ TRÌ | | | |
| <i>Lam</i> | | | |
| KS. ĐỖ CHÍ TÂM | | | |
| VẼ - THIẾT KẾ | | | |
| <i>Nam</i> | | | |
| KS. LÊ VĂN NAM | | | |
| KIỂM TRA | | | |
| <i>Lam</i> | | | |
| KS. ĐỖ CHÍ TÂM | | | |
| HẠNG MỤC | | | |
| XLNT SINH HOẠT KHÁCH SẠN PHƯƠNG HOÀNG 3 | | | |
| TÊN BẢN VẼ | | | |
| BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG CẤP KHÍ | | | |
| TỶ LỆ BẢN VẼ | | | |
| HOÀN THÀNH | | | |
| 2025 | | | |
| SỐ HIỆU BẢN VẼ | | | |
| CN - 03 | | | |

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ĐIỆN CẤP VÀO THIẾT BỊ



HIỆU CHỈNH

| STT | NGÀY | DUYỆT | SỬA |
|-----|------|-------|-----|
| 01 | | | |
| 02 | | | |
| 03 | | | |

CHỦ ĐẦU TƯ

[Signature]

ĐỊA ĐIỂM
KHA CHẾ ĐỒ SƠ LÊ HOÀN - PHƯỜNG HẠC THÀNH
- THỊ TRẤN HÒA

ĐẠI ĐOẠN THIẾT KẾ THI CÔNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH HỢP TÁC QUỐC TẾ
THIỆN PHÚ



ADD: TRƯỜNG QUANG BÌNH 1 - XÃ QUẢNG DŨNG
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - THỊ TRẤN HÒA

TEL: 09777246
EMAIL: thienphu@thienphu.vn
www.thienphu.vn

CHỨC VỤ: GIÁM ĐỐC
HỌ TÊN: ĐOÀN MẠNH CƯỜNG

ĐOÀN MẠNH CƯỜNG

CHỦ TRÌ

[Signature]
KS. ĐỖ CHÍ TÂM

VỀ - THIẾT KẾ

[Signature]
KS. LÊ VĂN NAM

KIỂM TRA

[Signature]
KS. ĐỖ CHÍ TÂM

HANG MỤC

XI NT SINH HOẠT
KHÁCH SẠN PHƯƠNG
HOẢNG 3

TÊN BẢN VẼ

BỐ TRÍ ĐƯỜNG ĐIỆN CẤP
VÀO CÁC THIẾT BỊ

TỶ LỆ BẢN VẼ

HOÀN THÀNH 2025

BỐ HIỆU BẢN VẼ CN - 04

CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ TM NGỌC NHÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày .../.../... tháng .../... năm 20.../...

| | | |
|--|--|--|
| NGƯỜI LẬP (Ký, ghi rõ họ tên) <i>[Signature]</i> | CHỈ HUY TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên) <i>[Signature]</i> LÊ HUY MẠNH | TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên) <i>[Signature]</i> Đoàn Mạnh Cường |
|--|--|--|

XÂY DỰNG

| | | |
|---|--|--|
| CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ TM NGỌC NHÂN | | |
| BẢN VẼ HOÀN CÔNG | | |
| Ngày .../... tháng ... năm 20.../... | | |
| NGƯỜI LẬP (Ký, ghi rõ họ tên) | CHỈ HUY TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên) | TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên) |
|  |  B. Thiên Mã |  Đoàn Mạnh Cường |

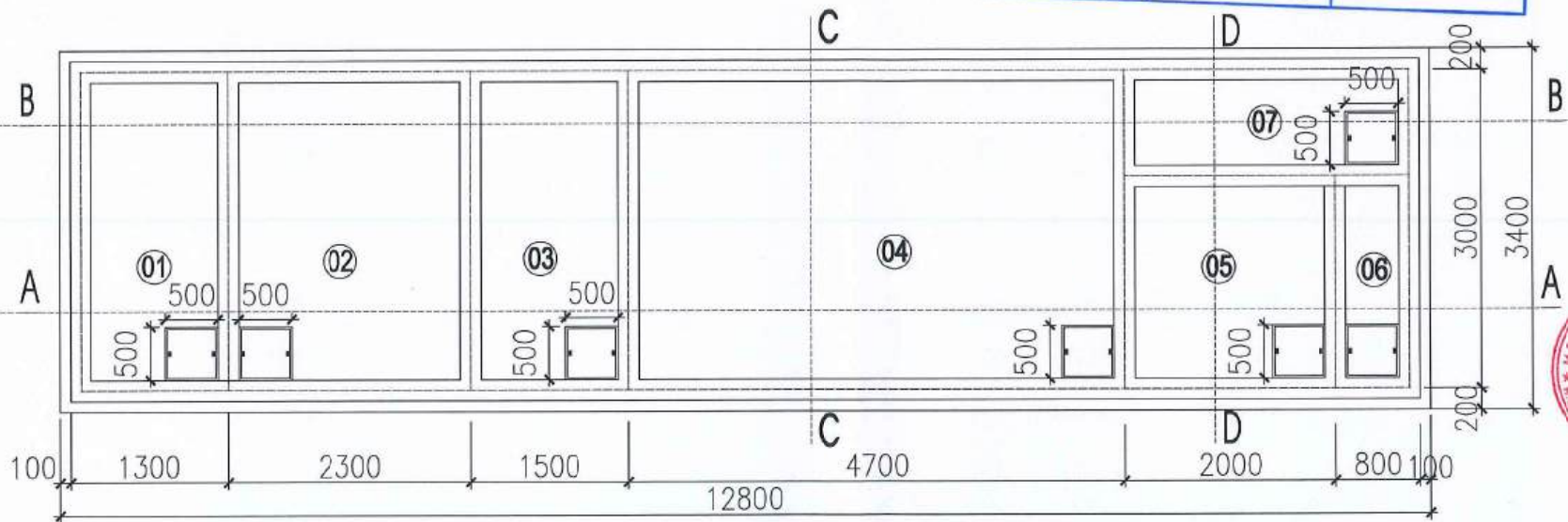
CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ TM NGỌC NHÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 29 tháng 05 năm 2025

MẶT BẰNG

| | | |
|--|---|--|
| NGƯỜI LẬP (Ký, ghi rõ họ tên) <i>ccc</i> | CHỈ HUY TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên) <i>Emab</i> CETIEN' MBB | TỰ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên) <i>P</i> Đoàn Mạnh Cường |
|--|---|--|



- ① BỂ GOM NƯỚC THẢI
- ③ BỂ ANOXIC
- ⑤ NGĂN LẮNG
- ⑦ BỂ CHỨA BÙN
- ② BỂ ĐIỀU HÒA
- ④ BỂ SINH HỌC HIỆU KHÍ MBBR
- ⑥ NGĂN KHỬ TRÙNG

HIỆU CHỈNH

| STT | NGÀY | DUYỆT | SỬA |
|-----|------|-------|-----|
| 01 | | | |
| 02 | | | |
| 03 | | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
[Signature]

ĐỊA ĐIỂM
Mặt phố số 11 Lê Lợi, Phường Ngọc Thuận, Thị trấn Hoà

GIẢI ĐOẠN: THIẾT KẾ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH HỢP TÁC QUỐC TẾ THIÊN PHÚ

ADD: TRƯỜNG THẠCH KHO CỘNG 2 - XÃ GIẢNG HẠNH, HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - THỊ TRẤN HOÀ

TEL: 09777240

CÔNG TY
THIÊN PHÚ
THIÊN PHÚ

HỢP TÁC QUỐC TẾ THIÊN PHÚ

ĐOÀN MẠNH CƯỜNG

CHỦ TRÌ
Lam
KS. ĐỖ CHÍ TÂM

VẼ - THIẾT KẾ
Nam
KS. LÊ VĂN NAM

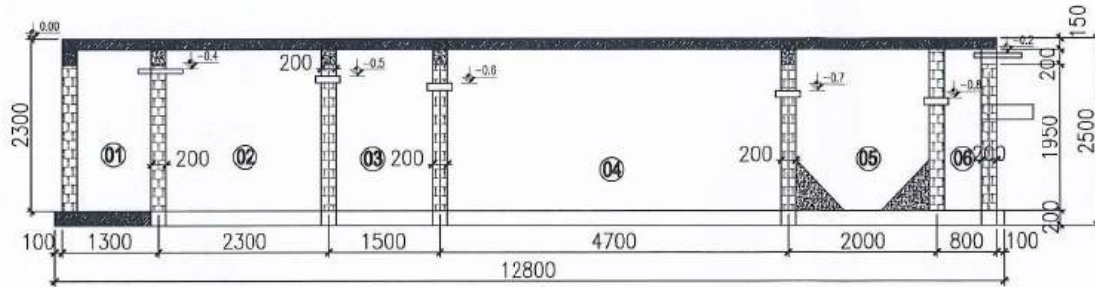
KIỂM TRA
Lam
KS. ĐỖ CHÍ TÂM

HẠNG MỤC
XLNT SINH HOẠT KHÁCH SẠN PHƯỢNG HOÀNG 3

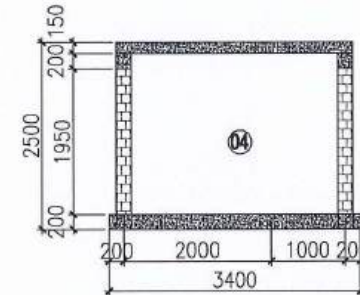
TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG XÂY DỰNG BỂ

| | |
|----------------|---------|
| TỶ LỆ BẢN VẼ | |
| HOÀN THÀNH | 2025 |
| SỐ HIỆU BẢN VẼ | CN - 05 |

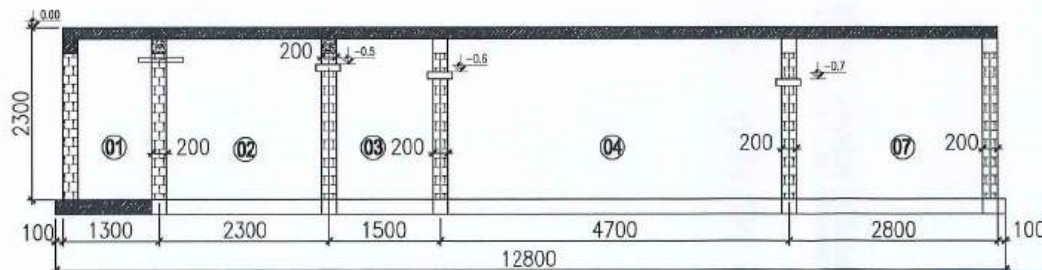
MẶT CẮT A-A



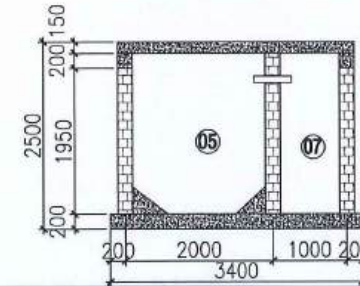
MẶT CẮT D-D



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT D-D



- ① BỂ GOM NƯỚC THẢI
- ③ BỂ ANOXIC
- ⑤ NGĂN LẮNG
- ⑦ BỂ CHỨA BÙN
- ② BỂ ĐIỀU HÒA
- ④ BỂ SINH HỌC HIỆU KHÍ MBBR
- ⑥ NGĂN KHỬ TRÙNG

CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ TM NGỌC NHÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm 20.../...

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

all

CHỈ HUY TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thanh

Lê Tiên Mạnh

TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

P

Đoàn Mạnh Cường

| HIỆU CHỈNH | | | |
|------------|------|-------|-----|
| STT | NGÀY | DUYỆT | BỬA |
| 01 | | | |
| 02 | | | |
| 03 | | | |

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐIA ĐIỂM
MẠCH SỐ 10 LỘ QUẬN NGUYỄN HỮU CƯỜNG - THỊ TRẤN HỒ

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH HỢP TÁC QUỐC TẾ THIÊN PHÚC

ADD: THÔN THẠCH BÀNH S. XÃ QUẢNG ANH HUYỆN QUẢNG ANH - THỊ TRẤN HỒ

TEL: 027777248
EMAIL: info@hoptacquoctethienphuc.com

GIẤM ĐÓNG
HỢP TÁC QUỐC TẾ THIÊN PHÚC

ĐOÀN MẠNH CƯỜNG
CHỦ TRƯỞNG

Lam
KS. ĐỒ CHÍ TÂM

VẼ - THIẾT KẾ
Nam
KS. LÊ VĂN NAM

Kiểm tra
Lam
KS. ĐỒ CHÍ TÂM

HẠNG MỤC
XLNT SINH HOẠT KHÁCH SẠN PHƯƠNG HOÀNG 3

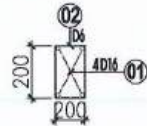
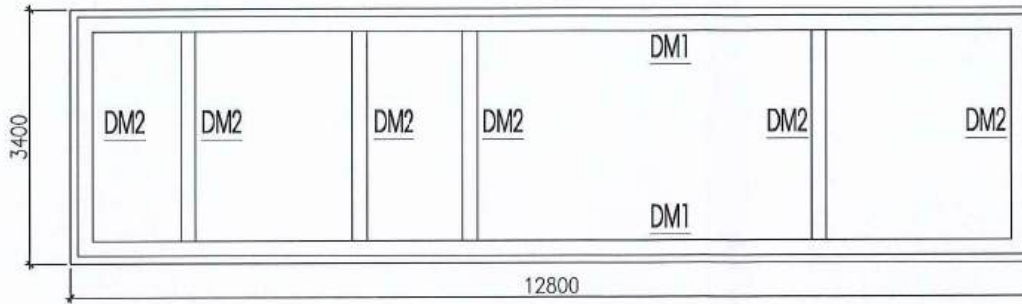
TÊN BẢN VẼ
MẶT CẮT A-A
MẶT CẮT B-B
MẶT CẮT C-C
MẶT CẮT D-D

TỶ LỆ BẢN VẼ

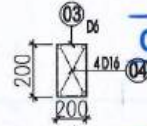
HOÀN THÀNH 2025

BỐ HIỆU BẢN VẼ CN - 06

KC DẦM MÓNG



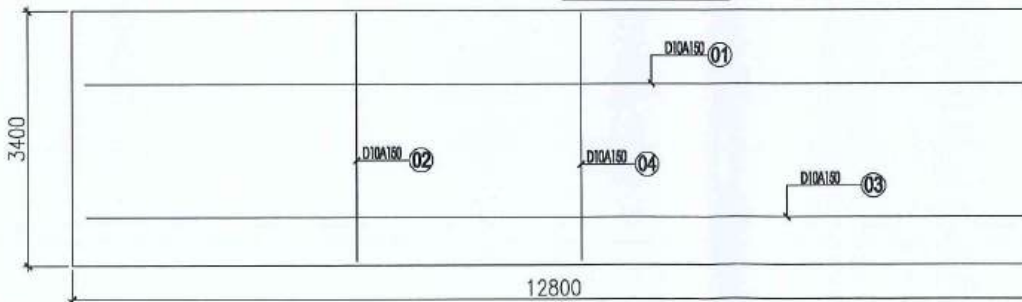
DM1: SL 2 CÁI; L=13000MM



DM2: SL 6 CÁI; L=3200MM

CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ TM NGỌC NHÂN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày ... tháng ... năm 20...
 NGƯỜI LẬP (Ký, ghi rõ họ tên)
 CHỈ HUY TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên)
 TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên)

BỐ TRÍ THÉP MÓNG



- ① BỂ GOM NƯỚC THẢI
- ② BỂ ĐIỀU HÒA
- ③ BỂ ANOXIC
- ④ BỂ SINH HỌC HIỆU KHÍ MBBR
- ⑤ NGĂN LẮNG
- ⑥ NGĂN KHỬ TRÙNG
- ⑦ BỂ CHỨA BÙN

HIỆU CHỈNH

| BTT | NGÀY | DUYỆT | SỬA |
|-----|------|-------|-----|
| 01 | | | |
| 02 | | | |
| 03 | | | |

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐỊA ĐIỂM

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ



ĐOÀN MẠNH CƯỜNG

CHỦ TRÌ
 KS. ĐỖ CHÍ TÂM

VẼ - THIẾT KẾ
 KS. LÊ VĂN NAM

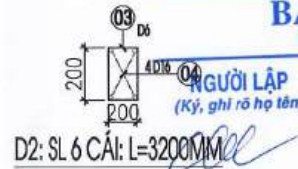
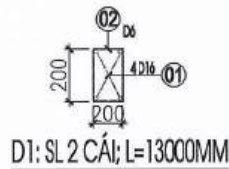
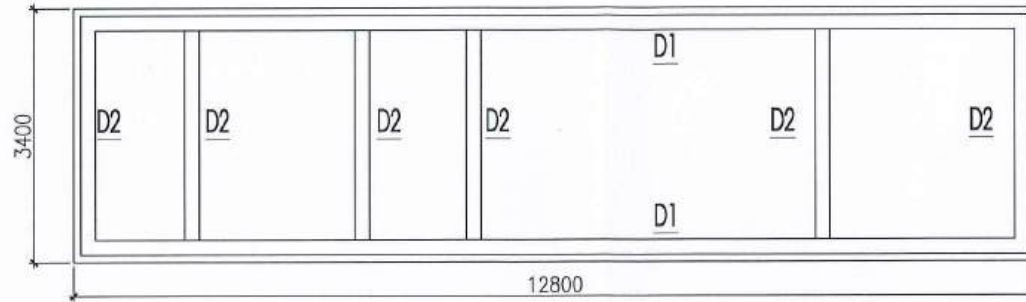
KIỂM TRA
 KS. ĐỖ CHÍ TÂM

HẠNG MỤC
 XLNT SINH HOẠT KHÁCH SẠN PHƯƠNG HOÀNG 3

TÊN BẢN VẼ
 KẾT CẤU ĐÁY BỂ XỬ LÝ

| | |
|----------------|---------|
| TỶ LỆ BẢN VẼ | |
| HOÀN THÀNH | 2025 |
| SỐ HIỆU BẢN VẼ | CN - 07 |

KC DẦM MÁI



CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ TM NGỌC NHÂN

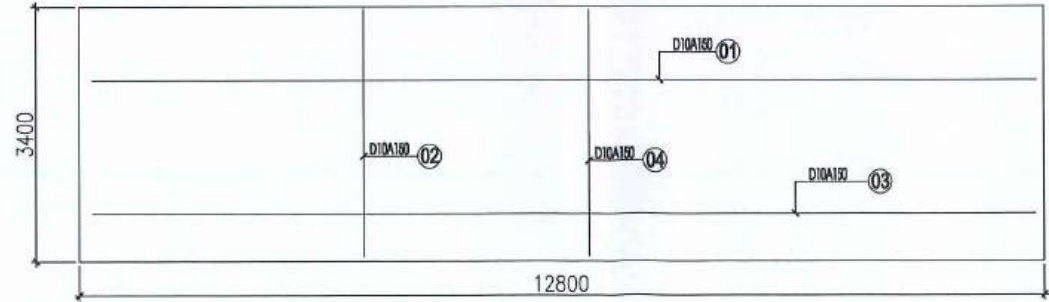
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ... tháng ... năm 20...

| | | |
|---|---|---|
| NGƯỜI LẬP (Ký, ghi rõ họ tên) <i>Lê Văn Nam</i> | CHỈ HUY TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên) <i>Đoàn Mạnh Cường</i> | TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên) <i>...</i> |
|---|---|---|

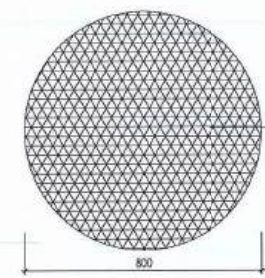
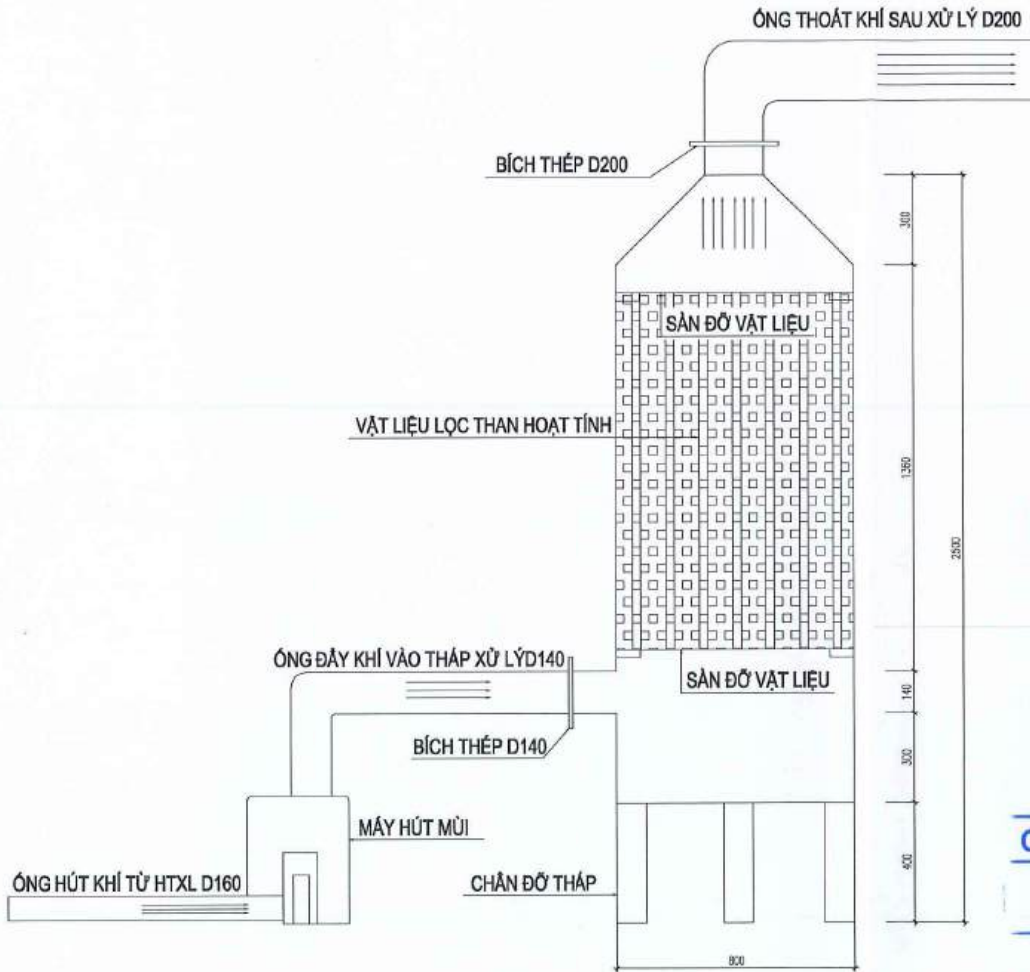


BỐ TRÍ THÉP SÀN



| HIỆU CHỈNH | | | |
|---|------|-------------------|-----|
| STT | NGÀY | DUYỆT | SỬA |
| 01 | | | |
| 02 | | | |
| 03 | | | |
| CHỦ ĐẦU TƯ | | | |
|  | | | |
| ĐỊA ĐIỂM | | | |
| Địa chỉ: Số 88 Lê Hoàn Đường Lạc Thành - Thủ Đức - TP.HCM | | | |
| GIAI ĐOẠN | | THIẾT KẾ THI CÔNG | |
| ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | | | |
| CÔNG TY TNHH HỢP TÁC QUỐC TẾ THIÊN PHÚ | | | |
| AĐƠ: 1000 Nguyễn Huệ P. 1 - Quận 1 TP.HCM HUYỆP QUẬN 1 - TP.HCM TEL: 09777288 EMAIL: info@thienphu.com WWW: www.thienphu.com GIÁM ĐỐC: <i>...</i> | | | |
| ĐOÀN MẠNH CƯỜNG | | | |
| CHỦ TRƯ | | | |
| <i>Lam</i> | | | |
| KS. ĐỒ CHÍ TÂM | | | |
| VẼ - THIẾT KẾ | | | |
| <i>Nam</i> | | | |
| KS. LÊ VĂN NAM | | | |
| KIỂM TRA | | | |
| <i>Lam</i> | | | |
| KS. ĐỒ CHÍ TÂM | | | |
| HẠNG MỤC | | | |
| XLNT SINH HOẠT KHÁCH SẠN PHƯỜNG HOÀNG 3 | | | |
| TÊN BẢN VẼ | | | |
| KẾT CẤU NÁP BẾ XỬ LÝ | | | |
| TỶ LỆ BẢN VẼ | | | |
| HOÀN THÀNH | | 2025 | |
| BỐ HIỆU BẢN VẼ | | CN - 08 | |

THÁP KHỬ MÙI HỆ THỐNG XỬ LÝ



CÔNG TY TNHH ĐT XD VÀ TM NGỌC NHÂN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm 20...
 NGƯỜI LẬP (Ký, ghi rõ họ tên) *alll*
 CHỈ HUY TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên) *Phan Lê Tiến Nam*
 TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG (Ký, ghi rõ họ tên) *P* Đoàn Mạnh Cường



| HIỆU CHỈNH | | | |
|---|------|-------------------|-----|
| STT | NGÀY | DUYỆT | SỬA |
| 01 | | | |
| 02 | | | |
| 03 | | | |
| CHỦ ĐẦU TƯ | | | |
|  | | | |
| ĐỊA ĐIỂM | | | |
| ĐỊA CHỈ: SỐ 04 LÊ QUÂN - NGƯỜNG HỌC TRƯỜNG - THỊ TRẤN QUẢNG KHUÊ | | | |
| GIAI ĐOẠN | | THIẾT KẾ THI CÔNG | |
| ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ | | | |
| CÔNG TY TNHH HỢP TÁC QUỐC TẾ THIÊN PHÚ ADD: TRƯỜNG THẠCH KHUÊ 2 - XÃ QUẢNG KHUÊ - THỊ TRẤN QUẢNG KHUÊ - THỈNH THẠNH HÒA TEL: 0977774488 EMAIL: hoptacquoctetienphu@gmail.com GIÁM ĐỐC | | | |
| ĐOÀN MẠNH CƯỜNG CHỦ TRÌ <i>Lam</i> KS. ĐỖ CHÍ TÂM | | | |
| VẼ - THIẾT KẾ <i>Nam</i> KS. LÊ VĂN NAM | | | |
| KIỂM TRA <i>Lam</i> KS. ĐỖ CHÍ TÂM | | | |
| HANG MỤC XLNT SINH HOẠT KHÁCH SẠN PHƯỜNG HOÀNG 3 | | | |
| TÊN BẢN VẼ THÁP KHỬ MÙI | | | |
| TỶ LỆ BẢN VẼ | | | |
| HOÀN THIỆN | | 2826 | |
| SỐ HIỆU BẢN VẼ | | CN - 09 | |